



**Hoạt động khoa học và công nghệ
tại Quảng Trị qua 10 năm thi hành
Luật Khoa học và Công nghệ
(2013 - 2023)**



CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

ThS. Trần Ngọc Lân
Giám đốc Sở KH&CN Quảng Trị

BAN BIÊN TẬP

TRƯỞNG BAN

ThS. Đào Ngọc Hoàng - Phó Giám đốc Sở
Khoa học và Công nghệ

PHÓ TRƯỞNG BAN

Võ Thị Minh Ngọc - Phó Giám đốc Trung
tâm Nghiên cứu, Chuyên giao công nghệ và
Đổi mới sáng tạo

THÀNH VIÊN

ThS. Tạ Sáu
CN. Thái Thị Nga

THƯ KÝ

CN. Trần Thị Phượng

TRÌNH BÀY

CN. Nguyễn Thị Hòa
CN. Nguyễn Thị Thuỳ Trang

CƠ QUAN THỰC HIỆN

Trung tâm Nghiên cứu, Chuyên giao công
nghệ và Đổi mới sáng tạo. Địa chỉ: Đường
Điện Biên Phủ - Đông Lương - Đông Hà
- Quảng Trị. Điện thoại: 0233. 3857.030
Email: dacsan.khcn.kt@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 185/GP-XBĐS ngày 29/12/2022 của
Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền
thông. In 100 cuốn, khổ 20x28cm tại Công
ty TNHH Song Lam, 47 Lê Thế Hiếu - Đông
Hà - Quảng Trị. In xong và nộp lưu chiểu
tháng 12/2023

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Hoạt động khoa học và công nghệ tại Quảng Trị qua 10 năm thi hành Luật Khoa học và Công nghệ (2013 - 2023) 3

Trần Ngọc Lân

Nghiên cứu các giải pháp thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh Quảng Trị theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 15

Nguyễn Thị Thương Huyền

Ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển nuôi trồng thủy sản 19

Nguyễn Hữu Vinh

Kết quả đạt được sau 4 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số Chủ trương, Chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư 24

Thái Thị Nga

Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị 35

Phan Tuấn Anh

Ứng dụng khoa học và công nghệ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở Vĩnh Linh 43

Nguyễn Thị Trang

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tỉnh Quảng Trị 50

Hồ Thị Thu Hằng

Phẫu thuật cố định kính nội nhãn củng mạc không khâu điều trị đục thủy tinh thể chấn thương 58

Bùi Thị Vân Anh và cộng sự

KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

Thấp sáng đăm mê sáng tạo, nghiên cứu khoa học cho thế hệ trẻ Quảng Trị 63

Nguyễn Thị Vĩnh An

Đánh giá giá trị chẩn đoán bệnh lý u vú của siêu âm B-mode và siêu âm đàn hồi sóng biến dạng ngang Shearwave Elastography 67

Nguyễn Lê Dung và cộng sự

Chuối tiêu hồng - cây trồng mới trên vùng cao biên giới 73

Lê Thị Tú

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

Kỷ niệm 465 năm Đoàn Quận Công Nguyễn Hoàng dựng nghiệp trên đất Ái Tử - Quảng Trị (1558 - 2023): phác thảo quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị các di tích Dinh Chúa Nguyễn vào hoạt động du lịch 78

Lê Đức Thọ

Bảo tồn di sản văn hóa, thúc đẩy du lịch phát triển 86

Thanh Trúc

Độc đáo lễ nổi dây ân linh thần núi của người Pa Kô 90

Kô Kẩn Sương

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

93

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI QUẢNG TRỊ QUA 10 NĂM THI HÀNH LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (2013 - 2023)

Trần Ngọc Lân

TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị

Luật Khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2013 được ban hành với nhiều nội dung đổi mới, tạo dựng nền tảng pháp lý quan trọng cho các hoạt động KH&CN, là cơ sở chính sách về KH&CN, cùng với nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác như Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn, quyết định,... đã có ảnh hưởng sâu rộng đến mọi tổ chức và cá nhân trong lĩnh vực KH&CN. Nhiều nội dung đột phá được đưa vào Luật như: đổi mới phương thức đầu tư cho KH&CN; đổi mới cơ chế tài chính; xây dựng chính sách sử dụng, trọng dụng cán bộ KH&CN,... đã góp phần làm thay đổi diện mạo ngành KH&CN cả nước cũng như trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN; thu hút sự đầu tư, tham gia của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động KH&CN. Trong thời gian qua, cùng với cả nước, ngành KH&CN Quảng Trị thực hiện tái cơ cấu và đổi mới phương thức hoạt động theo tinh thần của Luật KH&CN năm 2013. Nhờ vậy, hoạt động KH&CN đã có nhiều khởi sắc, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



Đồng chí Võ Văn Hưng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh phát biểu kết luận tại buổi làm việc với Sở Khoa học và Công nghệ về định hướng hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn. Ảnh: Hải Yến.

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Công tác quản lý nhà nước về KH&CN đi vào nền nếp

Công tác phổ biến, triển khai thi hành Luật KH&CN và các văn bản hướng dẫn thực hiện đạt được nhiều kết quả. Việc tổ chức học tập, quán triệt Luật KH&CN năm 2013 được chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời đến

KH&CN; phối hợp, hỗ trợ các ngành, địa phương, đơn vị mở các lớp tập huấn, xây dựng và nhân rộng các mô hình khoa học - công nghệ có hiệu quả kinh tế cao; tập huấn về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; hướng dẫn nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực; xây dựng chuyên mục Phổ biến



Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng NSNN đối với Công ty TNHH Nhiên Thảo. Ảnh: Hải Yến.

cán bộ, công chức, viên chức và tuyên truyền rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân. Các sở, ngành, huyện, thành phố, thị xã đã gắn việc nghiên cứu, học tập với việc sơ kết đánh giá thực trạng nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống ở địa phương, đơn vị.

Sở KH&CN thường xuyên tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về

pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Sở KH&CN tại địa chỉ <https://sokhcn.quangtri.gov.vn/> Các ấn phẩm do Sở Khoa học và Công nghệ phát hành như: Bản tin Thông tin KH&CN phục vụ nông nghiệp, nông thôn; Bản tin Thông tin KH&CN phục vụ doanh nghiệp; Đặc san KH&CN, bản tin Thông tin KH&CN... đã kịp thời giới thiệu, phổ biến nội dung của Luật KH&CN năm 2013 và các văn bản dưới Luật. Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Trị, Báo Quảng

Trị thông qua Chuyên mục KH&CN và các bản tin thời sự cũng đã đưa tin phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Luật KH&CN năm 2013 và các văn bản dưới Luật...

Sau 10 năm thực hiện Luật KH&CN, nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về vai trò, vị trí của KH&CN được nâng lên. Các tổ chức KH&CN, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công... đã tích cực tham gia phổ biến, tuyên truyền các kiến thức, thành tựu, hiệu quả của việc ứng dụng tiến bộ KH&CN trên các lĩnh vực. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, đoàn thể trong thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được quan tâm, từng bước phát huy hiệu quả; đặc biệt là việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của tỉnh và nhu cầu đặt hàng của các địa phương, doanh nghiệp, đơn vị, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tập trung thúc đẩy công tác xây dựng ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển về KH&CN. Từ khi Luật KH&CN có hiệu lực thi hành, Sở KH&CN đã tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhiều văn bản quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KH&CN, tạo được sự thay đổi về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn. Trong 10 năm qua đã tham mưu ban hành 58 văn bản về tăng cường công tác quản lý nhà nước, đẩy mạnh phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh, đây là cơ sở pháp lý quan trọng thúc đẩy phát triển KH&CN trên

các lĩnh vực KH&CN tại địa phương, nên đã có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó, tiêu biểu là: Chương trình hành động số 64-CTHĐ/TU ngày 13/5/2013 thực hiện Nghị quyết 20 “Về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Kế hoạch 190-KH/TU, ngày 12/8/2020 về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2026, thay thế Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017; Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về phê duyệt Đề án “Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”; Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/8/2019 về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025; Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình hành động số 71-CTr/TU ngày 24/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới; cùng nhiều

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Chương trình, Kế hoạch, Đề án, Chỉ thị để chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực KH&CN tạo được sự đồng bộ, thuận lợi để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống.

Những quy định về đầu tư, tài chính phục vụ phát triển KH&CN của Luật KH&CN năm 2013 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc đổi mới cơ bản cơ chế đầu tư tài chính trong hoạt động KH&CN của tỉnh. Đầu tư chi ngân sách

BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính ban hành theo hướng dẫn căn cứ vào hiệu quả và kết quả đầu ra để chi ngân sách. Trên cơ sở đó đã giao quyền cho đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đề tài được chủ động xây dựng phương án triển khai các nội dung công việc được giao khoán. Đối với kinh phí không giao khoán thì thực hiện theo đề xuất của tổ



Hội đồng KH&CN đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KHCN không sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ tại Công ty Cổ phần Dược liệu Trường Sơn, huyện Cam Lộ. Ảnh: Ánh Ngọc.

cho KH&CN được chú trọng, kinh phí sự nghiệp KH&CN bố trí năm sau cao hơn năm trước. Mặc dù vậy, đầu tư cho KH&CN vẫn quá thấp so với quy định tại Luật KH&CN năm 2013 là từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách của tỉnh.

Tỉnh đã tổ chức thực hiện có hiệu quả Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-

chức chủ trì và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong đó, cơ chế khoán chi được coi là một giải pháp có tầm quan trọng đặc biệt trong việc giải phóng các nhà khoa học khỏi những phức tạp, vướng mắc về thủ tục giải ngân, thanh quyết toán, mà lâu nay vẫn được coi là một lực cản trong hoạt động KH&CN.

Mặt khác, việc cấp kinh phí thực

hiện nhiệm vụ KH&CN được cấp thông qua Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh. Như vậy, các đề tài có giá trị đều được xem xét tiến hành bất cứ lúc nào, không phụ thuộc vào kế hoạch năm. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động thường xuyên đã thực hiện theo phương thức mới, thông qua các nhiệm vụ cụ thể. Qua đó đã giúp cho các đơn vị vừa tháo gỡ vướng mắc về tài chính, vừa phát huy năng lực nội sinh, tạo nhiều sản phẩm cho xã hội và thị trường. Đồng thời, giúp cơ quan quản lý đánh giá được năng lực thực sự của các tổ chức KH&CN công lập để có giải pháp đầu tư và quản lý sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về KH&CN được tăng cường và đạt kết quả khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Từ năm 2013 đến nay, tỉnh đã giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức được 41 cuộc thanh tra. Nội dung thanh tra bao gồm các lĩnh vực như tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa và mã số, mã vạch (xăng dầu, dầu nhớt, gas, vàng trang sức, thiết bị điện, điện tử, thép, công tơ điện, công tơ nước, cân ô tô...); đo lường và an toàn bức xạ, hạt nhân; thanh tra đề tài, dự án KH&CN; thanh tra đối với các đơn vị được chỉ định kiểm định (Công ty điện lực, Công ty cấp nước); thanh tra, giải quyết kiến nghị xử lý vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng đã giao Sở KH&CN và các đơn vị, địa phương trong tỉnh thường xuyên chủ trì kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, mã số mã vạch trong sản

xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn theo định lượng, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em, xăng dầu, gas, thiết bị điện, điện tử, cân đồng hồ lò xo tại các chợ trên địa bàn tỉnh. Kết quả thanh tra, kiểm tra đã phát hiện nhiều trường hợp vi phạm và đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính 41 đơn vị với số tiền 347 triệu đồng. Ngoài các biện pháp xử lý hành chính, các đoàn thanh tra, kiểm tra đã yêu cầu các cơ sở khắc phục các tồn tại như kiểm định phương tiện đo sai, hỏng, hết hạn kiểm định; ghi nhãn hàng hóa đầy đủ, đúng quy định; thực hiện công bố, lưu giữ tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm hàng hóa đang kinh doanh... Đồng thời, thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra đã tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật nhằm thay đổi nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức và cá nhân.

Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ mang lại hiệu quả hơn, phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Hoạt động triển khai các quy định mới về xác định danh mục, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN, qua đó đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi trong triển khai các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh đạt nhiều kết quả quan trọng. Năm 2016, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 31/03/2016 ban hành “Quy chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” với nội dung quy định về trình tự, thủ tục việc xác định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

thông qua các hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước dành cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN hàng năm. Có thể nói Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND được ban hành với nhiều điểm đột phá, trong đó có đột phá về cơ chế xác định các nhiệm vụ KH&CN, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN. Sở KH&CN đã tiến hành chặt chẽ từ khâu xét chọn đề

các nhiệm vụ KH&CN tập trung sâu vào nghiên cứu, ứng dụng.

Chú trọng đổi mới công tác nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Bám sát tinh thần Luật KH&CN năm 2013, tỉnh đã quyết liệt triển khai các quy định về ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phổ biến kiến thức KH&CN trên địa bàn tỉnh. Các đề tài, dự án KH&CN phải “chốt”



Kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài KH&CN cấp tỉnh: “Nghiên cứu nhân giống và trồng thử nghiệm cây Vanilla trong nhà lưới theo hướng VietGAP tại thôn Quyết Tâm, xã Tân Hợp, huyện Hương Hoá”. Ảnh: Hải Yến.

tài, kiểm tra tiến độ và đánh giá, nghiệm thu kết quả các nhiệm vụ KH&CN. Đặc biệt ở khâu xét chọn đề tài, Sở KH&CN cũng đã tham mưu UBND tỉnh cơ cấu lại các nhiệm vụ KH&CN gắn với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của các sản phẩm, với yêu cầu phát triển sản xuất của các doanh nghiệp và nền kinh tế, tái cơ cấu

được dạng sản phẩm, đồng thời đảm bảo nguyên tắc thực hiện theo hướng tập trung, chất lượng và có tính ứng dụng cao, không chạy theo số lượng. Trong đó, tập trung phát triển các công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao, các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ năng lượng mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, ưu tiên các dự án

sản xuất thử nghiệm, các dự án KH&CN về phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, tiềm năng có triển vọng. Các nhiệm vụ KH&CN được điều chỉnh theo hướng giải quyết đồng bộ các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm, đầu tư xuyên suốt từ khâu nghiên cứu, hoàn thiện quy trình kỹ thuật và công nghệ được đưa vào áp dụng trong sản xuất để thương mại hoá các sản phẩm. Vì vậy, trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh đã hạn chế tối đa các đề tài không gắn với thực tiễn và không có sản phẩm, địa chỉ ứng dụng cụ thể; đã có nhiều đề tài/dự án KH&CN các cấp đã được ứng dụng, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế lớn, có hàm lượng khoa học cao, được chuẩn hóa về chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, quảng bá rộng rãi, có mặt trên nhiều sàn giao dịch điện tử và được người tiêu dùng sử dụng.

Ngành KH&CN đã nghiên cứu và đưa ra thị trường nhiều sản phẩm từ kết quả đề tài KH&CN nghiên cứu thành công và đã được thị trường đón nhận như: Chè vàng hòa tan, Cà gai leo - Linh chi, Linh chi hòa tan, Nhung trùng thảo, Rượu đông trùng hạ thảo,... Các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo cơ cấu ưu tiên những nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng trong sản xuất, đời sống có tính ứng dụng cao, sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao. Nhiều công nghệ ưu tiên, trong đó có các công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 được ứng dụng thực tiễn và mang lại kết quả cao. Tiêu biểu như: ứng dụng công nghệ blockchain vào việc truy xuất nguồn gốc nhằm quản lý chuỗi cung ứng và nâng cao giá trị sản phẩm hạt tiêu và hạt cà phê; ứng dụng quy trình công nghệ cao, internet vạn vật (IoT) vào sản xuất lan đại hồ điệp, hoa lily,

dâu tây, cà chua siêu ngọt; nghiên cứu thử nghiệm, tuyển chọn các giống cây trồng vật nuôi có năng suất cao và giá trị kinh tế; ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong sản xuất, chế biến nông sản,... Với việc chuyển giao quy trình sản xuất phân bón hữu cơ viên nén chuyên dùng cho cây lúa quy mô công nghiệp; quy trình sản xuất phân hữu cơ từ vỏ cà phê tại xã Hướng Phùng, quy trình và hướng dẫn công nghệ sấy bươm nhiệt cho sản phẩm chuỗi sấy dẻo tại Nhà máy chế biến nông lâm sản Toàn Cầu; công tác chuyển giao và ứng dụng KH&CN vào quản lý, sản xuất, kinh doanh ngày càng được đẩy mạnh, góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nâng cao đời sống, phát triển sản xuất, phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Tuy nhiên, hoạt động ứng dụng kết quả KH&CN vào thực tiễn sản xuất và đời sống mặc dù đã có nhiều tiến bộ nhưng vẫn chưa thực sự sâu rộng, chưa tạo được sự đột phá trong sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp.

Tiềm lực khoa học và công nghệ được tăng cường

Nguồn nhân lực khoa học công nghệ được chú trọng và tăng cường cả về số lượng và chất lượng; cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại được đầu tư, nâng cấp, từng bước hiện đại; hỗ trợ tiếp nhận, chuyển giao, đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được đẩy mạnh; đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học, quản lý nhà nước và phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh Quảng Trị đã thực hiện nghiêm túc các quy định mới theo tinh thần của

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Luật KH&CN năm 2013 về phân loại tổ chức KH&CN. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có 10 tổ chức KH&CN trực thuộc quản lý của UBND tỉnh đã đăng ký và được cấp chứng nhận (gồm 07 tổ chức KH&CN công lập và 03 tổ chức KH&CN ngoài công lập), 04 đơn vị sự nghiệp tham gia hoạt động KH&CN, 02 tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, 05 doanh nghiệp

yêu cầu công tác nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới phục vụ sản xuất ở từng lĩnh vực và địa phương trong tỉnh. Tuy nhiên, số tổ chức dịch vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chưa phát triển về cả số lượng, cũng như chất lượng. Kinh phí đầu tư chủ yếu sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; không có tổ chức dịch vụ KH&CN có vốn đầu tư nước ngoài, điều này cho thấy thực



Hội nghị tập huấn về sở hữu trí tuệ năm 2023. Ảnh: Hải Yến.

KH&CN và gần 60 đơn vị khác tham gia hoạt động nghiên cứu triển khai trên địa bàn tỉnh. Các tổ chức này đều giữ vai trò hạt nhân trong hệ thống các tổ chức KH&CN của tỉnh, thu hút được nguồn nhân lực KH&CN cho toàn tỉnh cũng như giữ mối liên kết chủ động và có hiệu quả với các cơ quan KH&CN bên ngoài. Tổ chức KH&CN đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành KH&CN Quảng Trị, góp phần đáp ứng

trạng năng lực công nghệ và hoạt động hợp tác quốc tế của các tổ chức dịch vụ KH&CN còn rất hạn chế.

Đội ngũ cán bộ tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh với trình độ chuyên môn ngày càng cao đã phần nào đáp ứng yêu cầu tổ chức, hợp tác nghiên cứu và giải quyết những nhiệm vụ KH&CN then chốt của tỉnh. Tính đến ngày 31/12/2022, toàn tỉnh có 1.406

người hoạt động trong các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh (trong đó có 49 người hoạt động trong các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Từ năm 2016 đến nay, Sở KH&CN đã xây dựng Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa với 02 cơ sở Sa Mù và Hướng Phú - xã Hướng Phùng là các điểm để xây dựng mô hình trình diễn công nghệ cao, công nghệ 4.0

Đầu tư máy móc hiện đại, nghiên cứu, sản xuất thành công 6 loại chế phẩm vi sinh vật phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường bằng công nghệ tiên tiến hiện đại, chất lượng cao, hiệu quả sử dụng tốt, được người dân đón nhận, sử dụng rộng rãi. Ứng dụng công nghệ PCR, Realtime PCR, Elisa chẩn đoán bệnh cây trồng và vật nuôi; kiểm soát chất cấm trong thức ăn chăn nuôi, kiểm soát



Mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất hoa Lan Hồ Điệp tại Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa. Ảnh: Tư Liệu.

với quy mô lớn đầu tiên của tỉnh và cũng là cơ sở để xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh. Dự án xây dựng 2 cơ sở có độ cao và điều kiện khí hậu khác nhau trên diện tích 07 ha, áp dụng thành công khoa học kỹ thuật để nhân rộng các loại hoa cao cấp: Hồ Điệp, Lily, Tulip, Cát tường; dược liệu quý như Lan Kim Tuyến; các loại rau quả chất lượng cao: Dâu Tây, Cà chua Cherry,... được thị trường tin dùng.

vệ sinh an toàn thực phẩm. Ứng dụng công nghệ sinh học trong nghiên cứu, sản xuất giống nấm ăn, nấm dược liệu theo hướng thâm canh, đặc thù và nâng cao giá trị.

Thông qua các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở; Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và ĐMST đã làm chủ, chuyển giao và sẵn sàng chuyển giao hơn 70 quy trình, công

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

nghe mới phục vụ sản xuất và đời sống, tiêu biểu như: quy trình chế biến sâu một số sản phẩm nông nghiệp; quy trình sấy nông sản; quy trình sản xuất các loại rau, hoa; quy trình trồng và thu hái cây dược liệu theo tiêu chuẩn GACP; quy trình phân lập và nghiên cứu, sản xuất chế phẩm vi sinh vật phục vụ sản xuất và đời sống;... Ngoài ra, đã nghiên cứu, ứng dụng, hoàn thiện, làm chủ quy

khuyến khích, ưu đãi nhằm phát huy vai trò then chốt và động lực thực sự của khoa học và công nghệ trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại; đầu tư cơ sở vật chất; phát triển, đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư



Thanh tra hàng hóa điện - điện tử các cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Ảnh: Hải Yến.

trình công nghệ sản xuất và thương mại được hơn 10 dòng sản phẩm chế biến khác nhau được thị trường đón nhận. Từ đó, đã góp phần khẳng định và nâng giá trị sản phẩm nông sản, dược liệu,... ở địa phương.

Có thể nói Luật KH&CN năm 2013 ra đời và các văn bản dưới luật đã tạo khung pháp lý cơ bản đầy đủ để tỉnh Quảng Trị từng bước ưu tiên đầu tư, tập trung nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ, tạo cơ chế, chính sách

vào hoạt động khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, qua quá trình thực thi Luật KH&CN năm 2013, đã có nhiều vấn đề nảy sinh trong công tác quản lý, nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu KH&CN mà Luật KH&CN năm 2013 chưa giải quyết được triệt để. Với những bất cập như vậy, việc tiếp tục sửa Luật KH&CN năm 2013 và hoàn thiện hệ thống chính sách về hoạt động KH&CN là một nhu cầu cấp thiết. Đồng thời tỉnh cần có một số giải pháp nâng

cao hiệu quả thi hành Luật, trong đó tập trung vào các nội dung chính sau:

1. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN. Đổi mới công tác lập kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động KH&CN phù hợp với đặc thù của lĩnh vực KH&CN theo quy định hiện hành. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng,

thường xuyên, liên tục trong năm trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước dành cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Tiếp tục triển khai việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước thông qua Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh.

2. Đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức KH&CN theo cơ chế tự chủ,



Cán bộ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng kiểm tra đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu. Ảnh: Hải Yến.

tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm KH&CN cuối cùng theo kết quả đầu ra. Xây dựng cơ chế đặc thù trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN. Đổi mới cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước. Việc xác định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN thực hiện

tự chịu trách nhiệm. Giao quyền tự chủ cho các tổ chức KH&CN trong việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Tập trung đầu tư nguồn lực tài chính cho tổ chức KH&CN công lập để tăng cường tiềm lực, nâng cao hiệu quả hoạt động.

3. Đẩy mạnh công tác truyền thông về các nội dung, chính sách hỗ trợ của các chương trình, thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN để các



Cung ứng và hướng dẫn thực tế cho người dân cách sử dụng chế phẩm vi sinh trong sản xuất nông nghiệp. Ảnh: Hồ Văn Thiệu.

doanh nghiệp, cá nhân, đơn vị có thể dễ dàng tiếp cận và nắm bắt kịp thời.

4. Cần có các cơ chế, chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, triển khai, đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh sản phẩm hàng hóa chủ lực, chất lượng cao. Trong đó, mạnh dạn thí điểm một số cơ chế, chính sách mở, có tính đột phá. Trong nghiên cứu khoa học và công nghệ các mô hình thử nghiệm mới phải chấp nhận “rủi ro trong nghiên cứu” và “độ trễ trong việc chuyển giao ứng dụng, nhân rộng vào sản xuất và đời sống”.

5. Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH&CN, nhất là các chuyên gia có trình độ chuyên môn sâu, thuộc các ngành, lĩnh vực mũi nhọn. Có chế độ đãi ngộ xứng đáng cho các cá nhân, tập thể xuất sắc, nhằm khuyến

khích các nhà khoa học, các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp tham gia nghiên cứu KH&CN. Bên cạnh đó, cần chú ý hỗ trợ chính sách để duy trì và phát triển bền vững các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN.

6. Về việc liên kết vùng trong triển khai nhiệm vụ KH&CN: hàng năm các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ cùng phối hợp với các cơ quan Viện, Trường Đại học tổ chức các hội thảo chuyên đề để định hướng xây dựng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết có ảnh hưởng chung của toàn vùng, qua đó đề xuất đặt hàng với Bộ KH&CN./.

T.N.L

NGHIÊN CỨU CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ THEO HƯỚNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Nguyễn Thị Thương Huyền

Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị

Cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng là chủ trương xuyên suốt Đảng và Nhà nước ta. Trong hơn 30 năm qua kể từ khi lập lại tỉnh đến nay, Quảng Trị đã liên tục duy trì mức tăng trưởng khá, cải thiện đáng kể mức sống người dân, nâng cao phúc lợi xã hội, thực hiện tốt mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2015 - 2022, quá trình cơ cấu nền kinh tế trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế nhất định, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tuy đúng hướng nhưng còn chậm, thu nhập bình quân đầu người đạt thấp, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh chưa được cải thiện đáng kể, chưa có ngành nghề kinh tế mũi nhọn làm động lực cho sự phát triển, năng suất lao động thấp. Do đó, nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai thực hiện đề tài khoa học: “Nghiên cứu các giải pháp thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh Quảng Trị theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Theo kết quả nghiên cứu của đề tài, mô hình tăng trưởng của tỉnh giai đoạn 2015 - 2022 chủ yếu theo chiều rộng, chưa theo chiều sâu nên chưa phát huy được các tiềm năng, thế mạnh. Quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng chú trọng chất lượng và hiệu quả, năng lực cạnh tranh còn chậm. Các nền tảng cho tăng trưởng dài hạn yếu làm cho chất lượng tăng trưởng thấp, trong đó

đặc biệt là năng suất tăng chậm; hiệu quả đầu tư đã được cải thiện hơn, nhưng vẫn còn thấp so với mức trung bình của cả nước. Tăng trưởng dựa vào khoa học công nghệ vào đổi mới sáng tạo còn rất hạn chế; tăng trưởng xanh chưa thực hiện được nhiều, cơ cấu năng lượng còn lạc hậu so với yêu cầu mặc dù tiềm năng rất lớn. Cơ cấu kinh tế theo ba khu vực chưa có sự chuyển dịch theo hướng tích cực từ khu vực nông

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ngành sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Trong GRDP của tỉnh, tỷ trọng khu vực nông lâm thủy sản mặc dù có xu thế giảm nhưng mức giảm chưa phù hợp so với yêu cầu đặt ra; tỷ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng có xu hướng tăng nhẹ nhưng cũng chỉ chiếm 1/4 GRDP của tỉnh; tỷ trọng của khu vực dịch vụ chứng kiến sự ổn định và duy trì ở mức đóng góp cao, xấp xỉ 50% trong tổng GRDP của tỉnh. Quy mô GRDP

Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có sự thay đổi khá tích cực nhưng chất lượng còn chưa cao. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, liên kết hợp tác. Nội bộ ngành công nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó năm 2019 là năm hoạt động thu hút đầu tư diễn ra sôi động trên địa bàn tỉnh với rất nhiều dự án đầu tư quy



Hội thảo khoa học: Giải pháp thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh Quảng Trị theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Ảnh: Tư liệu.

tỉnh tăng qua các năm nhưng mức tăng cũng không đều và chậm hơn so với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và cả nước (quy mô GRDP của tỉnh Quảng Trị (giá hiện hành) năm 2022 cao gấp 1,9 lần so với quy mô GRDP năm 2015; trong khi đó vùng Bắc Trung Bộ và cả nước tương ứng là 1,66 lần và 2,2 lần).

mô lớn được triển khai, sản xuất công nghiệp từng bước gắn với phát huy tiềm năng lợi thế của tỉnh, đặc biệt là ngành công nghiệp năng lượng tái tạo. Một số ngành dịch vụ thị trường có đóng góp tỷ trọng lớn vào mức tăng trưởng chung của ngành, các ngành dịch vụ phi thị trường chỉ tăng nhẹ. Trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ

tiêu dùng của tỉnh, ngành bán lẻ hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn, luôn trên 80% trong cả giai đoạn 2015 - 2022.

Cán cân xuất nhập khẩu đang là nhập siêu; hiệu quả huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực đầu tư còn nhiều hạn chế, chưa phát huy được vai trò động lực đảm bảo cho tỉnh Quảng Trị tăng trưởng kinh tế. Hiệu quả đầu tư có chiều hướng giảm, theo đó hệ số ICOR năm 2015 là 5,28 và bình quân giai đoạn 2015 - 2022 là 6,49; tỷ lệ vốn đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước và khu vực đầu tư nước ngoài có xu hướng tăng lên. Năng suất lao động có sự cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm, từ năm 2015 đến năm 2022 đã tăng gần 65,9 triệu đồng/lao động, song khoảng cách chênh lệch so với mức bình quân cả nước vẫn còn khá xa.

Trên cơ sở phân tích các điểm mạnh, điểm yếu nội tại của tỉnh; cơ hội và thách thức của tình hình trong nước về thế giới trong thời gian tới, nhóm đề tài đề xuất định hướng và một số giải pháp cơ cấu lại gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

1. Chuyển dần từ mô hình tăng trưởng dựa vào gia tăng số lượng các yếu tố đầu vào của sản xuất sang gia tăng năng suất, chất lượng lao động, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Một số đột phá tỉnh cần tập trung ưu tiên là xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đề xuất cơ chế chính sách vượt trội để khai

thác tiềm năng, thế mạnh là tỉnh đầu trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây; chuyển đổi số.

2. Xác định cơ cấu lại nền kinh tế trên các mục tiêu định hướng cơ bản, trong đó, năng lượng tái tạo là ngành trọng điểm, phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, xây dựng kết cấu hạ tầng logistics đồng bộ với hệ thống giao thông. Trong nội bộ các ngành, phát triển công nghiệp chế biến với công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực công nghiệp; tập trung các giải pháp nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất nội ngành, gia tăng nội địa hóa, cơ cấu lại thị trường xuất, nhập khẩu. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ để tạo ra giá trị lớn hơn trên quỹ đất hạn chế; thúc đẩy chế biến nông sản, cơ cấu lại thị trường xuất khẩu, phát triển thị trường trong nước. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, giá trị gia tăng cao, phát triển và tái cơ cấu thị trường du lịch, phát triển thương mại nội địa, thương mại điện tử.

3. Cơ cấu lại các thành phần kinh tế theo hướng củng cố, phát triển các doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn, doanh nghiệp có thương hiệu tốt, hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, có khả năng cạnh tranh; hỗ trợ doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa nâng cao hiệu quả, phát triển kinh doanh. Phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để các hộ kinh doanh tự nguyện liên kết hình thành các hình thức tổ chức

hợp tác hoặc hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện cho các hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất; gắn kết chặt chẽ hơn việc liên kết giữa doanh nghiệp và hợp tác xã theo hợp đồng.

4. Cơ cấu lại theo lãnh thổ, trong đó đối với vùng đồng bằng xác định chuyển dịch theo hướng lấy ngành công nghiệp làm động lực phát triển chủ yếu để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; từng bước ưu tiên thu hút và tạo điều kiện phát triển một số ngành, sản phẩm công nghiệp công nghệ cao; phát triển các vùng chuyên canh lúa tập trung. Đối với vùng đồng bằng cao và trung du được xác định như một thảm đô thị - kinh tế, có thể phát triển đa năng cả công nghiệp, thương mại dịch vụ xen với nông nghiệp đô thị, du lịch. Đối với vùng ven biển chuyển dịch thành khu vực phát triển năng động, làm động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của cả tỉnh, trong đó hạt nhân phát triển là Khu kinh tế Đông Nam; phát triển mạnh thủy sản gắn liền tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá tại Cửa Việt, Cửa Tùng; khai thác thế mạnh của các đảo, bờ biển để phát triển du lịch biển; trọng tâm là tam giác du lịch Cửa Việt - Cửa Tùng - đảo Cồn Cỏ gắn với tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây. Đối với vùng miền núi - gò đồi đẩy mạnh sản xuất và nâng cao hiệu quả theo hướng thâm canh, nâng cao chất lượng các vùng nguyên liệu; phát triển các vùng chăn nuôi tập trung gắn với chế biến, phát triển lâm nghiệp bền vững và du lịch văn hóa dân tộc, bảo đảm an ninh quốc phòng.

5. Cơ cấu lại các nguồn vốn đầu tư, hệ thống các tổ chức tín dụng và đơn vị sự nghiệp công lập; phát triển đa dạng các loại thị trường nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Tập trung xử lý vướng mắc, hỗ trợ triển khai các dự án trọng điểm; hỗ trợ các đối tác, dự án trọng điểm của các nhà đầu tư lớn, có tính khả thi cao. Tích cực vận động nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO).

6. Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tạo bứt phá về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo nhằm tận dụng cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực của quản lý nhà nước, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng.

Sau hơn 01 năm tổ chức nghiên cứu, kết quả của đề tài, đặc biệt là các nhóm giải pháp được đề xuất là những luận cứ quan trọng để Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu hoàn chỉnh xây dựng Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, sơ kết đánh giá giữa nhiệm kỳ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, chuẩn bị nội dung văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII trong thời gian tới; đồng thời là cơ sở tham mưu trong xây dựng các chủ trương, chính sách và giải pháp giải quyết các vấn đề nội tại của địa phương, góp phần thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững tỉnh Quảng Trị./.

N.T.T.H

ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Nguyễn Hữu Vinh

Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Trị

Trong những năm trở lại đây, sản lượng nuôi trồng thủy sản (NTTS) tỉnh Quảng Trị liên tục tăng qua từng năm, tốc độ tăng trưởng trung bình trên 3%, đóng góp lớn vào tăng trưởng chung của toàn ngành nông nghiệp. Kết quả này có được một phần lớn nhờ vào việc ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ trong tất cả các khâu từ công tác định hướng, xây dựng chính sách của tỉnh đến việc triển khai hỗ trợ, các cơ sở nuôi, doanh nghiệp tham gia và nhân rộng các mô hình nuôi thủy sản công nghệ cao.



Xây dựng mô hình thử nghiệm nuôi thâm canh cá chim vây vàng theo hướng VietGap gắn với tiêu thụ sản phẩm” tại xã Hải An, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Phan Việt Toàn.

Đối với NTTS tỉnh Quảng Trị, lĩnh vực tiên phong trong ứng dụng khoa học công nghệ (KH-CN) là nuôi tôm, đối tượng con nuôi chủ lực của tỉnh. Trong đó điển hình là việc ứng dụng các quy trình nuôi theo hướng công nghệ cao vào thực tế sản xuất, cụ thể là quy trình nuôi tôm 2,3 giai đoạn ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ bioflock. Mô hình nuôi tôm 2

giai đoạn được triển khai đầu tiên từ năm 2018, từ đó đến nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương đã triển khai hỗ trợ thực hiện nhiều mô hình nuôi tôm 2,3 giai đoạn trên địa bàn toàn tỉnh. Một số ưu điểm khi thực hiện quy trình nuôi tôm nhiều giai đoạn (2, 3 giai đoạn) so với quy trình nuôi 1 giai đoạn như:

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Tiết kiệm thức ăn, hóa chất xử lý nước: theo quy trình nuôi tôm nhiều giai đoạn thì giai đoạn 1 tôm được nuôi trong ao ương có diện tích nhỏ, ao có che lưới, tôm phát triển tốt, tỷ lệ sống cao, các yếu tố môi trường ổn định hạn chế hiện tượng tôm chết sớm. Bên cạnh đó phí hóa chất xử lý nước, chế phẩm vi sinh, khoáng, chi phí bơm nước giai đoạn 1 rất thấp so với cách nuôi truyền thống. Theo một số mô hình nuôi tôm 3 giai đoạn đã thực hiện thì ở giai đoạn ương: lượng thức ăn giảm gần 1/3, chế

hoạch lớn dẫn đến năng suất thường cao hơn 4 - 5 lần so với năng suất nuôi tôm bình quân (năng suất nuôi tôm thể bình quân của tỉnh khoảng 5 tấn/ha).

Quy trình nuôi tôm nhiều giai đoạn đã giải quyết được phần nào vấn đề khó mà các ao nuôi tôm 1 giai đoạn gặp phải đó là về quản lý môi trường ao nuôi, nhất là xử lý chất thải và khí độc trong ao nuôi. Thông thường khi tôm nuôi trên 60 ngày tuổi thì lượng chất thải tồn tại dưới đáy ao nhiều, bắt đầu phát sinh các khí độc ở đáy ao ảnh hưởng xấu đến chất



Ứng dụng KH&CN trong nuôi cá Kinh tại ao nuôi của hộ anh Hoàng Thế Vinh, thôn Nam Sơn, xã Trung Giang, huyện Gio Linh. Ảnh: Phan Việt Toàn.

phẩm vi sinh, khoáng giảm 1/2 so với cách nuôi truyền thống. Khi sang tôm đến giai đoạn 3 thì xác định được khối lượng tôm nuôi chính xác để định lượng thức ăn cho phù hợp, tránh tình trạng dư thừa thức ăn trong quá trình nuôi. Mặt khác, khi áp dụng quy trình nuôi tôm nhiều giai đoạn thì kích cỡ tôm thu

lượng nước, sức khỏe tôm nuôi. Đối với mô hình nuôi tôm 3 giai đoạn thì thời gian nuôi giai đoạn 2 sau 30 ngày, tôm được chuyển sang ao nuôi giai đoạn 3. Ao nuôi giai đoạn 3 được làm sạch hoàn toàn, đáy ao nuôi mới, thời gian nuôi tại mỗi ao ngắn ngày nên lượng chất thải, khí độc phát sinh không lớn lắm. Đây là

ưu điểm lớn nhất về môi trường nước của hình thức nuôi tôm nhiều giai đoạn. Mặt khác thời gian nuôi 1 vụ của các ao không quá 2 tháng, ao nuôi được luân chuyển theo hình thức cuốn chiếu nên tăng số vụ nuôi trong năm là một ưu thế của quy trình nuôi tôm nhiều giai đoạn.

Với những ưu điểm vượt trội đó, hiện nay trên toàn tỉnh đã có hơn 100 ha nuôi tôm áp dụng công nghệ nuôi nhiều

Đối với lĩnh vực nuôi biển, công tác ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất đang được quan tâm và triển khai trong thời gian qua. Có một số đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, sản xuất thử nghiệm đã triển khai và cho kết quả khả quan. Dự án sản xuất thử nghiệm “Nuôi thâm canh cá chim vây vàng theo hướng VietGAP gắn với tiêu thụ sản phẩm” đã triển khai thành công tại xã Hải An huyện



Ứng dụng công nghệ trong mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh hai giai đoạn ở Vĩnh Linh đem lại hiệu quả tích cực. Ảnh: Phan Việt Toàn.

giai đoạn. Bên cạnh việc áp dụng các quy trình nuôi tiên tiến, các cơ sở nuôi tôm còn tăng cường sử dụng các thiết bị máy móc hiện đại, ứng dụng công nghệ 4.0 để tiết kiệm thời gian, tiết kiệm nhân công như: máy cho ăn tự động, máy thổi Oxy, máy cảnh báo Oxy, máy cảnh báo nguồn điện, hệ thống camera giám sát khu vực ao nuôi.

Hải Lăng. Kết quả dự án đã cho thấy cá chim vây vàng có tốc độ sinh trưởng và phát triển nhanh, thời gian nuôi 5 tháng cá có thể đạt trọng lượng 0,5 kg/con, lợi nhuận gần 50 triệu đồng/0,2 ha/vụ (250 triệu/ha). Từ kết quả nuôi thử nghiệm trên, các cơ sở nuôi tôm có thể triển khai nuôi cá chim vây vàng tại các ao nuôi tôm thường xuyên bị dịch bệnh trong vụ

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

hè thu, tăng hiệu quả kinh tế, tránh bỏ hoang ao nuôi;...

Đối với lĩnh vực nuôi thủy sản nước ngọt, từ trước đến nay đối tượng nuôi chủ yếu là các loài cá tuyến thống như cá trắm, cá trôi, cá mè, cá chép... cho giá trị kinh tế không cao. Trong những năm trở lại đây, bằng các chương trình khuyến nông, đề tài nghiên cứu khoa học, một số giống cá mới đã được triển khai nuôi thử nghiệm và nhân rộng trên địa bàn tỉnh như: cá lăng, cá leo. Qua

Lồng nuôi HDPE có độ uốn dẻo rất cao nên khó bị giòn, gãy, có khả năng chống ăn mòn cao, không thấm nước nên khả năng chống chịu trước mưa lũ và gió bão cao hơn. Chất liệu của lưới bao quanh lồng được làm bằng polyetylen chống tia cực tím mặt trời, chống lão hóa giúp cho tuổi thọ của lưới được kéo dài, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Ứng dụng khoa học và công nghệ trong NTTS không thể không nhắc đến sự tham gia của các doanh nghiệp



Cơ sở nuôi tôm nhiều giai đoạn ứng dụng công nghệ cao tại xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh. Ảnh: N.H.V.

thực tế nuôi thử nghiệm, đã chứng minh được đây là những loài cá có giá trị kinh tế cao, tốc độ phát triển nhanh, phù hợp với điều kiện tỉnh Quảng Trị. Ngoài các ứng dụng, thử nghiệm các giống loài nuôi mới, công tác ứng dụng các thành tựu về vật liệu mới cũng được triển khai mạnh mẽ, tiêu biểu là sử dụng nhựa HDPE làm khung lồng nuôi cá Chình trên sông thay cho vật liệu gỗ và sắt.

NTTS công nghệ cao. Điển hình là công ty TNHH thủy sản công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Quảng Trị (Công ty CP). Công ty là một trong những đơn vị đi đầu về việc ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại trong NTTS, ứng dụng công nghệ vi sinh, công nghệ xử lý nước trong nuôi tôm. Hàng năm công ty cung cấp cho thị trường từ 300 đến 500 tấn tôm thương phẩm chất lượng cao. Thời gian

gần đây, công ty đã thử nghiệm thành công mô hình nuôi cá bớp, cá mú trong lồng, bè trong các ao nuôi tôm, đây là một hướng đi sáng tạo, góp phần thực hiện chính sách đa dạng hóa các đối tượng nuôi trong NTTS.

Áp dụng khoa học và công nghệ trong NTTS ngày càng được các cấp chính quyền và người nuôi chú trọng, tuy nhiên vẫn còn gặp một số khó khăn, hạn chế đó là: quy mô các cơ sở nuôi thủy sản còn manh mún, nhỏ lẻ; hệ thống cơ sở hạ tầng như cấp thoát nước, đường điện, giao thông tại một số vùng NTTS tập trung chưa được đầu tư đồng bộ; nhận thức, trình độ của người dân không đồng đều cũng là một rào cản trong việc tiếp cận với khoa học công nghệ; để áp dụng KH-CN vào sản xuất đòi hỏi cần có nguồn kinh phí lớn để đầu tư cơ sở hạ tầng, tuy nhiên việc tiếp cận các nguồn vốn vay của người dân còn hạn chế. Trong thời gian tới, nghiên cứu, ứng dụng khoa học trong NTTS cần chú trọng phát triển một số nội dung trọng tâm sau:

1. Ưu tiên phát triển, ứng dụng các công nghệ nuôi tiên tiến, tiết kiệm nước và thức ăn, giảm sử dụng kháng sinh, công nghệ 4.0, nuôi theo hướng an toàn vệ sinh thực phẩm, các thành tựu về phòng ngừa dịch bệnh.

2. Tăng cường kết nối cung cầu, xây dựng các liên kết tiêu thụ sản phẩm, ổn định đầu ra sản phẩm để người nuôi có cơ sở, động lực, tiềm lực mở rộng sản xuất, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ hơn nữa trong NTTS.

3. Đẩy mạnh công tác phổ biến thông tin khoa học và công nghệ cũng

như tập huấn, nâng cao năng lực cho người dân để đáp ứng yêu cầu tiếp nhận các thành quả nghiên cứu KH-CN vào lĩnh vực thủy sản.

4. Tiếp tục thực hiện các Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND tỉnh nhằm hỗ trợ các cơ sở nuôi tôm xây dựng mô hình nuôi tôm công nghệ cao, chuyển đổi dần dần các cơ sở nuôi tôm theo hướng truyền thống sang nuôi tôm theo hướng công nghệ cao; Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2026 nhằm hỗ trợ ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao trong NTTS.

5. Tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ tối đa các doanh nghiệp đầu tư NTTS công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là bố trí quỹ đất "sạch" để các doanh nghiệp có thể sớm được cấp chủ trương đầu tư, triển khai sản xuất, kinh doanh.

Hiện nay, ngành NTTS tỉnh nhà đang đối mặt với một số khó khăn, thách thức đó là: giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao; giá sản phẩm NTTS bấp bênh; tình hình dịch bệnh ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp; tác động của biến đổi khí hậu. Để giải quyết những khó khăn, thách thức nêu trên, tiếp tục phát triển một cách bền vững, hiệu quả thì chỉ có đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đây là con đường tất yếu trong chiến lược phát triển của NTTS.

N.H.V

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU 4 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 52-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CHỦ ĐỘNG THAM GIA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

Thái Thị Nga

Trưởng Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Đánh giá tình hình trong nước và quốc tế tác động đến hoạt động của địa phương trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) với những đặc trưng cơ bản là sự cải tiến công nghệ một cách nhanh chóng thông qua việc tăng cường sử dụng truyền thông di động và

kết nối Internet (“internet vạn vật”- IoT), dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ robot, phương tiện tự điều khiển, công nghệ in 3D, nano và công nghệ sinh học, công nghệ điện toán,... đã và đang có những tác động trực tiếp và mạnh mẽ tới sự phát triển của các ngành, lĩnh vực. Cũng giống như các tỉnh khác, Quảng Trị đang ở giai



Ông Nguyễn Hữu Thắng, Phó Giám đốc Sở KH&CN, Đại diện Lãnh đạo Sở KH&CN Quảng Trị nhận giải thưởng tại lễ trao giải chuyển đổi số Việt Nam 2023 ở hạng mục Cơ quan Nhà nước Chuyển đổi số xuất sắc với giải pháp: “Ngân hàng số Di sản văn hoá Quảng Trị hỗ trợ du lịch thông minh”. Ảnh: Phan Tuấn Anh.

đoạn đầu của quá trình chuyển đổi số, nghĩa là mới đơn thuần dừng ở mức độ số hóa và nghệ thuật ứng dụng (tin học hóa) mà chưa chuyển sang giai đoạn cao hơn với vai trò thuộc về các công ty chủ chốt của cuộc CMCN 4.0 (AI, IoT, Blockchain, điện toán đám mây, 5G, AR, in 3D, phân tích dữ liệu lớn; thực tại ảo tăng cường (AR), thực tại ảo hỗn hợp MR,...). Tuy nhiên, trong giai đoạn tới

động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) tỉnh Quảng Trị diễn ra mạnh mẽ hơn theo định hướng chung của Chính phủ và các Bộ ngành có liên quan. Cuộc CMCN 4.0 với những thành tựu nổi trội được xác định là nền tảng quan trọng cho quá trình chuyển đổi số của Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng; đồng thời cũng là nhân tố hỗ trợ và thúc đẩy cho quá trình



Dây chuyền chế biến gạo đạt chuẩn Châu Âu tại Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị - Một trong 07 doanh nghiệp KH&CN tại tỉnh Quảng Trị. Ảnh Hải Yến.

đây, khi số hóa nền kinh tế trở thành xu hướng tất yếu và không thể đảo ngược, Quảng Trị chắc chắn sẽ phải chủ động và nhanh chóng triển khai các biện pháp nhằm chuyển đổi sang chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; khi đó các tác động qua lại giữa chuyển đổi số của tỉnh sẽ ngày càng mạnh mẽ và sâu rộng hơn. Chuyển đổi số sẽ tạo cơ hội cho hoạt

đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế của tỉnh theo hướng nhanh và bền vững. Do đó, thực hiện chuyển đổi số thành công chắc chắn sẽ tạo ra một nền tảng vững chắc để sớm đưa Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao của cả nước vào năm 2025 và thuộc nhóm khá của cả nước vào năm 2030.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW

Ngay sau khi Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0 được ban hành; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/8/2020 về việc thực hiện Nghị quyết

trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0 trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì ban hành Kế hoạch số 5807/KH-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/8/2020 của BTV Tỉnh ủy “về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của



Hội thảo lấy ý kiến về các chức năng của phần mềm Đề tài: Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện phần mềm quản lý hồ sơ nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và số hóa, lưu trữ hồ sơ nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2010 - 2021. Ảnh: Hải Yến.

số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0. Đồng thời chỉ đạo các cơ quan được phân công chủ trì có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các chương trình. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương tổ chức tuyên truyền sâu rộng về một số chủ

Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0". Với mục tiêu nắm bắt kịp thời, tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc CMCN 4.0 đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; đẩy mạnh phát triển kinh tế, thương mại, du lịch, dịch vụ gắn với việc thực hiện các đột phá chiến lược góp phần hiện đại

hóa đất nước; phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên KH, CN & ĐMST và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái trên địa bàn tỉnh.

Những kết quả đạt được sau 04 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW

Sau 04 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, tỉnh Quảng Trị đã đạt nhiều kết quả bước đầu trong việc hoàn thiện thể chế, xây dựng cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, tăng cường hợp tác quốc tế và tuyên truyền phổ biến về CMCN 4.0.

1. Cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ chuyển đổi số dần được hoàn thiện

Hạ tầng máy tính: tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức trong toàn tỉnh bình quân ước đạt 93.3%. Trong đó, tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức các sở, ban ngành cấp tỉnh đạt 100%; tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức cấp huyện đạt 100% và tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức cấp xã ước đạt trên 80%.

Hạ tầng mạng LAN: 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh; 90% cơ quan nhà nước cấp huyện và 70% cơ quan nhà nước cấp xã có mạng nội bộ LAN phục vụ việc kết nối chia sẻ dữ liệu và hạ tầng thông tin trong triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại địa phương, đơn vị.

Hạ tầng kết nối internet: 100% cơ quan nhà nước các cấp đều đã kết nối internet, với 95% máy tính được kết nối Internet (trừ số máy tính của cán bộ kế toán và máy tính của một số cán bộ

chuyên soạn thảo văn bản quan trọng, có tính chất mật).

Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng: đã được Cục Bưu điện Trung ương triển khai và kết nối đến 100% các sở, ban, ngành, địa phương trong toàn tỉnh.

Trong các đơn vị giáo dục: nhìn chung, hạ tầng công nghệ thông tin trong các đơn vị giáo dục đã được đầu tư trang bị khá tốt, đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học của giáo viên cũng như học sinh trong các trường. Về hạ tầng máy tính, đến nay 100% các trường chuyên nghiệp, các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh có trang bị máy tính phục vụ quản lý và giảng dạy; trong đó, 100% trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp có đào tạo về công nghệ thông tin có trang bị phòng thực hành phục vụ giảng dạy công nghệ thông tin. 100% các trường trung học phổ thông có đủ phòng máy tính cho toàn bộ học sinh của trường học tin học (đạt 100% quy hoạch), đảm bảo mỗi phòng có từ 25 máy tính trở lên. 85,5% trường trung học cơ sở và 59% trường tiểu học có phòng máy tính với trên 15 máy/phòng. Hầu hết số phòng máy tại các trường học đều được kết nối internet và mạng LAN. Về hạ tầng mạng LAN, đến nay 100% các trường chuyên nghiệp, trung học phổ thông kết nối mạng LAN và internet (đạt 100% quy hoạch); 80% trường trung học cơ sở và tiểu học kết nối mạng LAN; 100% trường trung học cơ sở và tiểu học kết nối Internet ADSL (đạt 100% quy hoạch).

Trong các đơn vị y tế: nhìn chung, hạ tầng công nghệ thông tin tại các bệnh viện và cơ sở y tế cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng của các y, bác sỹ trong việc quản lý, khám và chữa bệnh. Đến

nay 100% các đơn vị bệnh viện, trạm y tế xã/phường và cơ sở y tế khác (bao gồm các trung tâm y tế huyện và phòng khám đa khoa khu vực) trên địa bàn tỉnh đã trang bị máy tính; 100% đơn vị bệnh viện và cơ sở y tế khác kết nối mạng LAN và internet (đạt 100% quy hoạch); 45% trạm y tế xã/phường đã kết nối mạng LAN; 70% trạm y tế xã/phường kết nối internet.

chỉ <http://truclienthong.quangtri.gov.vn/ihorae> và đã chia sẻ và tích hợp với trực liên thông văn bản quốc gia; kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia để chia sẻ các dịch vụ về hộ tịch tư pháp, lý lịch tư pháp, cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, VNPost, danh mục dùng chung, cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách...



Chuyên viên theo dõi, điều phối về phản ánh hiện trường, tổng hợp CSDL lên IOC.
Ảnh: Lê Thái Sơn.

2. Triển khai hiệu quả các Hệ thống nền tảng và Cơ sở dữ liệu. Thực hiện Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị, đến nay nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP) đã được triển khai tại địa

Đến nay, nhiều ứng dụng và cơ sở dữ liệu được triển khai tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh như: phần mềm quản lý cấp giấy phép lái xe, quản lý cầu đường, quản lý vi phạm, quản lý đối tượng chính sách, quản lý công tác tiếp dân, quản lý tài sản, quản lý phổ cập giáo dục,... CSDL lưu trữ hệ thống

văn bản quy phạm pháp luật của địa phương, cơ sở dữ liệu GIS chuyên đề bưu chính, viễn thông Quảng Trị, cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin cán bộ, công chức tỉnh, cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin về khoa học và công nghệ, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh, cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo tỉnh, cơ sở dữ liệu phòng ngừa và xử lý sự cố hóa chất tỉnh Quảng Trị hay các cơ sở dữ liệu về

100% xã trên địa bàn tỉnh đã thành lập tổ Công nghệ số cộng đồng.

4. Về phát triển chính quyền số.

Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh đến nay đã kết nối với Trung tâm giám sát quốc gia về chính phủ số (EMC) và đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6; Quảng Trị đã hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh tạo



Nghiệm thu đề tài KH&CN cấp tỉnh: Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ blockchain vào việc truy xuất nguồn gốc nhằm quản lý chuỗi cung ứng và nâng cao giá trị sản phẩm hạt tiêu và hạt cà phê tại tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Hải Yến.

dân cư, đất đai nhà ở, đăng ký doanh nghiệp, tài chính,... song các cơ sở dữ liệu chuyên ngành này chưa được quản lý tập trung theo quy mô toàn tỉnh.

3. Tập trung phát triển nhân lực số. 100% các sở, ban ngành và địa phương đã bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm tham mưu công tác chuyển đổi số và an toàn thông tin.

thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Ngoài Cổng thông tin điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến, tỉnh đã thiết lập thêm kênh zalo để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến đến tận người dân và doanh nghiệp. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh đã được triển khai từ năm 2018; đến nay đã kết nối với Nền

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

tăng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và có 16 dịch vụ được chia sẻ qua nền tảng này. Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị đã cung cấp 746 dịch vụ công trực tuyến một phần và 951 dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

5. Về phát triển kinh tế số. Toàn tỉnh có 737 doanh nghiệp công nghệ số, 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có triển khai nền tảng hóa đơn điện tử. Ngoài sàn thương mại điện tử của tỉnh (quangtritrade.gov.vn), Quảng Trị hiện có 3.757 sản phẩm được đưa lên

tham gia sàn thương mại điện tử đạt 55% (xếp thứ 4/19 tỉnh thành trong khu vực). 100% cơ sở khám chữa bệnh và 100% các trường học, cơ sở giáo dục đảm bảo các điều kiện và chấp nhận thanh toán học phí, phí, lệ phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

6. Về phát triển xã hội số. Toàn tỉnh hiện có 86.936 hồ sơ đăng ký định danh điện tử, trong đó có 11.768 tài khoản đã được kích hoạt; Quảng Trị có 487.083 tài khoản thanh toán đang hoạt động, tỷ lệ bình quân dân số có tài khoản

The screenshot shows the website 'Cổng Thông tin Cứu trợ - Thiện nguyện Tỉnh Quảng Trị'. The page title is '2024 - Chung tay vì người nghèo không để ai bỏ lại phía sau'. Below the title, it says 'DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ỦNG HỘ' and 'Chương trình "Nối vòng tay nhân ái" - Xuân Quý Mão năm 2023 - Chung tay vì người nghèo không để ai bỏ lại phía sau'. The date range is 'Từ ngày 27/12/2022 đến ngày 27/12/2022'. There are three summary boxes: 'Số lượt ủng hộ: 567', 'Tiền mặt: 27.633.290.000 VND', and 'Hàng hoá: 19'. Below these is a search bar and a table with columns: STT, Tên đoàn, Ngày trao, Số tiền (VND), Hình ảnh, Truyền thông, and Lịch sử nguồn trao. The table has two rows of data.

STT	Tên đoàn	Ngày trao	Số tiền (VND)	Hình ảnh	Truyền thông	Lịch sử nguồn trao
1	Dan QL các khu kinh tế tỉnh Quảng trị	13/01/2023	3.600.000			
2	Công ty CPCB và xuất khẩu Quang Phú	13/01/2023	3.000.000			

Below the table, there are two footnotes: [9]. Quỹ Vì người nghèo 2023 and [10]. Chương trình xây dựng nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo tỉnh Điện Biên.

Cổng Thông tin cứu trợ - thiện nguyện tỉnh Quảng Trị giúp nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành để đảm bảo tính kịp thời, chính xác, an toàn và minh bạch hóa các hoạt động thiện nguyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Trần Thị Phượng.

các sàn thương mại điện tử Voso và Postmart (đứng thứ 6/19 tỉnh thành trong khu vực), với 15.979 giao dịch thương mại điện tử được thực hiện trên các sàn thương mại điện tử này; có 112.606 hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số; tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp

thanh toán ước đạt trên 65%. Toàn tỉnh có 137.428 hộ gia đình có địa chỉ số. Ngoài Cổng thông tin điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến, đến nay Quảng Trị đã thiết lập Cổng thông tin phản ánh hiện trường nhằm giúp người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước

giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền.

7. Chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực. Trong lĩnh vực khoa học và công nghệ: hoàn thiện phần mềm quản lý hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và số hóa, lưu trữ hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ; xây dựng hệ thống phần mềm hỗ trợ thông tin, nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành để đảm bảo tính kịp thời, chính xác, an toàn và minh bạch hóa các hoạt động thiện nguyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Lĩnh vực y tế: đã triển khai các hệ thống như: hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân, hệ thống quản lý nguồn nhân lực ngành y tế, hệ thống quản lý đấu thầu thuốc.

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: ngành giáo dục của tỉnh đang sử dụng hệ thống thông tin, phần mềm quản lý như: ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thư viện, phần mềm thiết kế bài giảng điện tử Elearning, phần mềm quản lý ngân hàng đề thi, hệ thống CSDL ngành giáo dục và đào tạo tỉnh, xây dựng phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục mầm non; cập nhật tính năng phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục cho các trường phổ thông tỉnh Quảng Trị, triển khai phần mềm quản lý giáo dục mầm non cho các trường mầm non tỉnh Quảng Trị; xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình ngành giáo dục.

Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: đẩy mạnh chuyển đổi số hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường thông qua quá trình đầu tư, nâng cấp hệ thống các trạm điểm quan trắc môi trường cố định,

gián đoạn thành các trạm quan trắc môi trường tự động, truyền dữ liệu và cảnh báo môi trường theo thời gian thực. Triển khai và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị và hệ thống CSDL về biến đổi khí hậu cho tỉnh Quảng Trị về tăng cường quản lý đất đai và CSDL đất đai (VILG) Trung ương thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính của Dự án VILG đã hoàn thành và đưa vào vận hành trên toàn tỉnh. Mô hình hạ tầng CSDL đất đai của Dự án VILG đã đáp ứng kết nối, chia sẻ CSDL đất đai với CSDLQG về dân cư phục vụ thực hiện Đề án 06 và đã được ghi nhận kết quả tại Văn bản số 6691/BTNMT-CNTT ngày 08/11/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thành triển khai nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022: có 09/10 huyện kết nối, chia sẻ CSDL đất đai với CSDL quốc gia về dân cư. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ban quản lý dự án VILG Trung ương thực hiện việc bảo đảm an toàn, an ninh cho CSDL trên.

Lĩnh vực giao thông vận tải: đã triển khai các phần mềm như: quản lý đào tạo sát hạch cấp giấy phép lái xe; quản lý cầu đường bộ; quản lý vi phạm hành chính về an toàn giao thông; quản lý thiết bị giám sát hành trình. Các công trình bảo trì đều được giám sát, theo dõi trực quan, trực tuyến, minh bạch từ khâu thiết kế đến thi công, cho đến khi vận hành, bảo trì. Hiện tại, Sở Giao thông vận tải đang sử dụng 09 phần mềm, hệ thống thông tin, trong đó có 03 phần mềm dùng chung của các Sở ngành trong tỉnh và 06 phần mềm chuyên ngành dùng chung của Bộ Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam như: phần mềm quản lý học

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

viên học lái xe ô tô DAT; phần mềm quản lý giáo viên dạy thực hành lái xe để quản lý, theo dõi giáo viên trên toàn quốc,...

Lĩnh vực thương mại điện tử (TMĐT): sàn giao dịch TMĐT: được triển khai tại địa chỉ quangtritrade.gov.vn; đến nay có 70 doanh nghiệp thành viên tham gia bán hàng hoặc cung ứng dịch vụ với 231 sản phẩm/dịch vụ thuộc 14 nhóm,

phẩm nông sản, đặc sản, lương thực, thực phẩm,...); 19 sản phẩm OCOP tham gia Sàn TMĐT VoSo.vn. Có 89 hộ sản xuất nông nghiệp tại 9 huyện, thị, thành phố tham gia Sàn với sản lượng trung bình tháng từ 150 - 200 đơn hàng. Các sản phẩm bán chạy như măng muối chua, măng dầm tỏi ớt, măng khô, muối,...



Ứng dụng công nghệ thiết bị lái tự động trên tàu cá của ông Nguyễn Văn Ngọc, Khu phố 5 thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh, chủ tàu QT-29756-TS. Ảnh: Phan Việt Toàn.

ngành được trưng bày trên Sàn giao dịch TMĐT tỉnh.

Sàn TMĐT PostMart.vn: đến nay có 264 sản phẩm (bao gồm các sản phẩm nông sản, đặc sản, lương thực, thực phẩm,...) với 115 sản phẩm OCOP (gồm 42 sản phẩm 4 sao, 73 sản phẩm 3 sao) của 9 huyện, thị xã, thành phố tham gia Sàn TMĐT PostMart.vn.

Sàn TMĐT VoSo.vn: toàn tỉnh hiện có 320 sản phẩm (bao gồm các sản

Thanh toán điện tử: đến nay, Cổng DVCTT tỉnh đã kết nối Cổng DVCTT quốc gia để triển khai thanh toán điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính.

Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Trị đã được triển khai tại địa chỉ quangtritrade.vn; đến nay có 43 gian hàng đã đăng ký tham gia với 142 sản phẩm được trưng bày trên Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh. Nhìn chung, các doanh nghiệp nhỏ và vừa Quảng

Trị chưa nhận thức đầy đủ vai trò của thương mại điện tử trong xu thế của cuộc CMCN 4.0.

Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch: các doanh nghiệp du lịch trong tỉnh rất quan tâm nâng cấp cơ sở kinh doanh, ứng dụng CNTT trong xây dựng hình ảnh, quảng bá thương hiệu, tăng cường kết nối với các đơn vị lữ hành ngoài tỉnh nhằm thu hút nguồn khách du lịch về Quảng Trị. Hiện nay, lĩnh vực du lịch đã triển khai thực hiện phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu trực tuyến hướng dẫn viên du lịch trên địa bàn toàn tỉnh thông qua trang web huongdanvien.vn của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam; đang triển khai xây dựng Cổng thông tin Du lịch thông minh và số hóa dữ liệu du lịch trên địa bàn tỉnh; từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin trong dự án Đô thị thông minh để phục vụ công tác quản lý, đáp ứng và triển khai nhiệm vụ hệ sinh thái du lịch thông minh trên địa bàn tỉnh.

8. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ

Các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở tập trung triển khai các dự án sản xuất thử nghiệm, các dự án KH&CN về phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, tiềm năng, có triển vọng; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao công nghệ của cuộc CMCN 4.0. Tiêu biểu như: đề tài “Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ blockchain vào việc truy xuất nguồn gốc nhằm quản lý chuỗi cung ứng và nâng cao giá trị sản phẩm hạt tiêu và hạt cà phê tại tỉnh Quảng Trị”; đề tài “Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu số về di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972,

góp phần hỗ trợ phát triển du lịch tỉnh Quảng Trị”; đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”; Đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong quản lý, kiểm soát dịch bệnh và sản xuất chăn nuôi theo hướng thông minh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Đổi mới công nghệ và ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ đã hỗ trợ các dự án như: “Đầu tư đổi mới dây chuyền xay xát lúa gạo đạt tiêu chuẩn hữu cơ” của Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị; dự án “Đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất carton sóng 7 lớp cho nhà máy sản xuất bao bì carton Quảng Trị” của Công ty cổ phần bao bì carton Quảng Trị).

Bên cạnh đó, nhiều mô hình ứng dụng quy trình công nghệ cao, internet vạn vật (IoT) vào sản xuất lan đại hồ điệp, hoa lily, dâu tây, cà chua siêu ngọt, dưa lưới đã mang lại hiệu quả cao tại khu nông nghiệp công nghệ cao ở Đèo Sa Mù, huyện Hướng Hóa.

Ứng dụng hệ thống công nghệ cao trong quản lý, giám sát sự thay đổi rừng và đất lâm nghiệp và phần mềm theo dõi diễn biến rừng FRMS, sử dụng GPS-Hệ thống định vị toàn cầu để giám sát, cập nhật sự thay đổi hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp với diện tích trung bình khoảng 30.000 ha; tình trạng phá rừng được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời; góp phần duy trì ổn định độ che phủ rừng 50%. Việc cập nhật thường xuyên, kịp thời biến động về rừng và đất lâm nghiệp góp phần làm tốt công tác quản lý tài nguyên rừng cũng như giúp chính quyền địa phương lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế được chính xác, đúng thực tế. Bên cạnh đó, ứng

dựng hệ thống thông tin cảnh báo sớm và giám sát lửa rừng nhằm giúp cơ quan chức năng, chính quyền địa phương phát hiện, xử lý kịp thời cháy rừng nên số lượng vụ cháy rừng, diện tích, mức độ thiệt hại do cháy rừng gây ra giảm đáng kể.

Ứng dụng hệ thống giám sát hành trình để theo dõi quá trình hoạt động của tàu trên biển; hướng dẫn các chủ tàu hoạt động đúng vùng biển cho phép, không vi phạm vùng biển nước ngoài; hướng dẫn, hỗ trợ các chủ tàu trong công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên biển; lắp thiết bị điện tử ghi nhật ký khai thác thủy sản cho tàu cá, thiết bị này để ghi nhật ký khai thác thủy sản điện tử, giảm bớt khó khăn cho người dân ghi nhật ký bằng tay trong điều kiện hoạt động trên biển gặp nhiều khó khăn.

9. Hỗ trợ thúc đẩy phát triển doanh nghiệp doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Tính đến tháng 11 năm 2023, Sở KH&CN đã thẩm định hồ sơ và cấp giấy chứng nhận cho 07 doanh nghiệp KH&CN (Công ty CP Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị; Công ty TNHH DAVICS; công ty TNHH Dược Liệu hữu cơ An Xuân; Công ty TNHH Pun Coffee; Công ty TNHH Nhiên Thảo Quảng Trị; Công ty Cổ phần Dược liệu Trường Sơn và Công ty TNHH Cao Dược Liệu Định Sơn Mai Thị Thủy) và trong thời gian tới có một số doanh nghiệp khoa học và công nghệ được chứng nhận. Qua đó, giúp cho doanh nghiệp tiếp cận các chính sách của Trung ương, cũng như địa phương nhằm nâng cao năng lực hấp thu công nghệ của doanh nghiệp. Đồng thời, hàng năm thông qua

Chương trình phát triển thị trường khoa học, công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia các sự kiện Kết nối cung - cầu công nghệ, triển lãm, giới thiệu một số sản phẩm, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nổi bật của Vùng và Quốc tế. Qua đó, giúp các doanh nghiệp giúp mở rộng kênh tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm,... quảng bá các sản phẩm KH&CN của tỉnh, cũng như trao đổi thông tin, tiến tới thúc đẩy, hợp tác, chuyển giao, làm chủ và đổi mới công nghệ.

Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo kế hoạch Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh về việc Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến 2025. Tổ chức “Khóa tập huấn về kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”. Chương trình nhằm nâng cao kỹ năng và tư vấn cách thức thuyết trình gọi vốn hiệu quả và thành công trước các nhà đầu tư. Đồng thời giúp các nhóm khởi nghiệp nâng cao kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn về lập kế hoạch kinh doanh phù hợp, hiệu quả.

Đề Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày càng đi vào cuộc sống trong thời gian tới, cần phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt hơn nữa của các cấp ủy, chính quyền địa phương; nâng cao nhận thức và ý thức của các cán bộ, công chức, viên chức và người dân về CMCN4.0; xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao; tăng cường hợp tác quốc tế về CMCN 4.0./.

T.T.N

THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG TRỊ

Phan Tuấn Anh

Phòng Quản lý công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Kể từ thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025, tỉnh Quảng Trị đã có những bước đi tiếp cận khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST) từ rất sớm. Ngay từ năm 2017, một số hoạt động về đào tạo nâng cao nhận thức; đào tạo IPP2 và tiến hành các hoạt động khởi động cho việc hình thành phát triển hệ sinh thái KNĐMST đã được thực hiện. Tuy nhiên, do một số hạn chế về nguồn lực và cơ chế chính sách nên đến 2020 các hoạt động KNĐMST trên địa bàn tỉnh mới thật sự bắt đầu đi vào hoạt động và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.



Ông Trần Ngọc Lâm, TUV, Giám đốc Sở trao giải nhất cho dự án “Xưởng chế biến cháo bột cá lóc đóng gói” của tác giả Nguyễn Đức Nhật Thuận tại “Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2022”. Ảnh: Hải Yến.

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Hiện trạng hệ sinh thái KNDMST

Ngay từ buổi đầu khi mới bắt tay vào phát triển hệ sinh thái KNDMST, việc cần làm ngay đó là tạo ra một Hệ thống cơ sở pháp lý nhằm hỗ trợ cho các hoạt động. Để triển khai Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã tham mưu UBND tỉnh ban

nghiệp đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị,...; riêng Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-SKH&CN ngày 22/5/2020 về việc Ban hành Quy định đánh giá, xét chọn dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và nhiều các văn bản chỉ đạo điều hành của các Sở ban Ngành trên địa bàn, tiêu biểu là Sở Giáo



Ông Đào Ngọc Hoàng, Phó Giám đốc Sở KH&CN, Phó Trưởng Ban tổ chức phát biểu tại cuộc họp Ban Tổ chức cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” tỉnh Quảng Trị năm 2023.
Ảnh: Hải Yến.

hành các văn bản: Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/8/2019 về việc Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến 2025; Văn bản số 1873/UBND-KHCN ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh về việc cơ cấu giải thưởng Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Ngoài ra một số văn bản khác cũng được ban hành: Kế hoạch số 5674/KH-UBND ngày 9/12/2019 của UBND tỉnh nhằm triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi

dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ,... từ đó nhiều hoạt động KNDMST đã được lan tỏa mạnh mẽ trên địa bàn.

Một số hoạt động đã triển khai thực hiện

Tổ chức sự kiện: nhiều sự kiện được tổ chức hàng năm, tiêu biểu: Sở KH&CN cùng với Sở Lao động, Thương

binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức “Hội nghị tập huấn công tác phân luồng học sinh và hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp”. Nhằm phổ biến Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh và đồng thời hỗ trợ chuyên gia trong lĩnh vực KNĐMST truyền cảm hứng cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh về “Khát vọng khởi nghiệp”; phối hợp với Đoàn TNCS tỉnh Quảng Trị tổ chức diễn đàn Trí thức trẻ, thanh niên khởi nghiệp tỉnh Quảng Trị (2022) với các nội dung: Thúc đẩy phong trào khởi nghiệp và xây dựng hệ sinh thái tỉnh Quảng Trị; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao KH&CN, chuyển đổi số trong phát triển KT-XH tỉnh Quảng Trị; giải pháp phát triển du lịch Quảng Trị trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong đoàn viên thanh niên; phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức Diễn đàn “Khởi nghiệp trong thời đại 4.0 - Đánh thức tiềm năng Thị xã Quảng Trị”; phối hợp với Tỉnh đoàn Quảng Trị tổ chức diễn đàn Trí thức trẻ, thanh niên khởi nghiệp tỉnh Quảng Trị (2022) với các nội dung: thúc đẩy phong trào khởi nghiệp và xây dựng hệ sinh thái tỉnh Quảng Trị; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao KH&CN, chuyển đổi số trong phát triển KT-XH tỉnh Quảng Trị; giải pháp phát triển du lịch Quảng Trị trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong đoàn viên thanh niên.

Tập huấn, đào tạo: phối hợp với Vườn ươm doanh nghiệp Đà Nẵng (DNES) tổ chức 01 lớp tập huấn “Nâng cao năng lực cán bộ quản lý, cán bộ nguồn cho các tổ chức hỗ trợ Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” cho các đối

tượng là cán bộ, công chức các Sở, ban, ngành; các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; “Kỹ năng mềm, kỹ năng kinh doanh và sử dụng kỹ thuật số” để tăng hiệu suất làm việc cho cán bộ hội viên Hội phụ nữ; tập huấn “Việt Nam Digital 4.0 - Cơ hội cho mọi người Việt” cho cán bộ đoàn viên. Cùng với Trung tâm Ươm tạo Công nghệ và Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ và Đoàn trường các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh, tổ chức tập huấn, đào tạo các start-up khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia khoá đào tạo cho hơn 50 Statrup với 14 ý tưởng tham gia cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tổ chức vòng chung kết cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”. Phối hợp Đoàn khối Doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị, Đoàn Phân Hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị, Đoàn Trường Cao Đẳng Y tế Quảng Trị, Đoàn Trường Trung cấp Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Trị và Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Cộng hưởng (CoPlus) tổ chức lớp tập huấn “*Bắt đầu khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*”; xây dựng kế hoạch đào tạo, workshop KNĐMST (2018) phối hợp với Tỉnh đoàn, BCH Đoàn Khối Doanh nghiệp, Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị, Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị, Cao đẳng Y tế.

Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Ngay từ năm 2018 Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các đơn vị tổ chức Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo lần đầu tiên quy mô toàn tỉnh ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp sinh viên “Start-up Student Ideas” năm 2018 cho sinh viên 6 trường Đại học, Cao đẳng

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

và Trung cấp nghề trong tỉnh. Đây là cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo lần đầu tiên quy mô toàn tỉnh và tổ chức vòng chung kết đúng như tên gọi nhằm phát động các “Ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”. Phối hợp Đoàn khối Doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị, Đoàn Phân Hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị, Đoàn Trường Cao Đẳng Y tế Quảng Trị, Đoàn Trường Trung cấp Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Quảng Trị (nay là Cao đẳng Kỹ thuật).

tỏa ra ngoài tỉnh, thông qua cuộc thi lần đầu tiên đã ươm tạo một số ý tưởng và được các doanh nghiệp tài trợ và lựa chọn để phát triển như sử dụng hỗn hợp tự nhiên để đuổi muỗi hiệu quả để chuyển giao cho Hội người mù Vĩnh Linh. Cũng như nhiều ý tưởng được các doanh nghiệp, tổ chức tham gia tài trợ đánh giá và trao giải như: giải Ý tưởng công nghệ xuất sắc do Hội truyền thông số Việt Nam - VDCA chọn và trao cho sản phẩm sử dụng dòng chip ARM để



Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khóa tập huấn về kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Ảnh: Tư liệu.

Đặc biệt trong các năm 2019 và 2021 Sở KH&CN đã phối hợp với Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị tổ chức cuộc thi Innovative Generation (thế hệ sáng tạo) gọi là IG-2019 và IG-2021 (đối tượng chính là học sinh và sinh viên và giáo viên). Hai cuộc thi đã gây được tiếng vang lớn trong tỉnh và tạo sức lan

phát triển hệ điều hành máy CNC thay thế cho máy tính chạy Windows của Công ty TNHH Davics; giải Ý tưởng ứng dụng thực tiễn với sản phẩm Hệ thống cảnh báo ngã và hỗ trợ người cao tuổi của Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn đã được Công ty Cổ phần Công nghệ Xác thực số lựa chọn;...

Từ 2019 đến nay, Sở KH&CN phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Đoàn Thanh niên và Liên hiệp Hội phụ nữ tỉnh và các Trường Đại học, Cao đẳng cùng một số trường THPT trên địa bàn tổ chức Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tìm kiếm các ý tưởng khả thi nhằm ươm tạo thông qua giải thưởng là các đề tài/nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở.

Từ kết quả các cuộc thi đã hỗ trợ các ý tưởng tham gia cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong sự kiện ngày hội KNDMST - Techfest Bắc Trung Bộ (6/2018); vùng duyên hải miền Trung và Tây nguyên năm 2018 tại tỉnh Thừa Thiên - Huế (14/10/2018). Trong giai đoạn này đã hỗ trợ 5 ý tưởng.

Tham gia Diễn đàn khu vực và trong nước

Hỗ trợ các doanh nghiệp/cá nhân trưng bày sản phẩm tại các sự kiện ngày hội KNDMST-Techfest Bắc Trung Bộ; vùng duyên hải miền Trung và Tây nguyên và Techfest Việt Nam hàng năm. Tạo thành một sự kiện hàng năm - nhằm hỗ trợ các tổ chức cá nhân tham gia sự kiện Techfest vùng Bắc Trung Bộ và “Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - Techfest Việt Nam” do Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp cùng các bộ, ban ngành tổ chức; năm 2022 tham gia “Ngày hội Cổ đô khởi nghiệp - Techfest Hue 2022” do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức. Với chuỗi hoạt động triển lãm giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ KH&CN, ĐMST và sản phẩm chủ lực, sản phẩm khác; giao lưu sinh viên, đoàn thanh niên, phụ nữ,... với KNDMST; tổ chức diễn đàn, hội nghị

về hoạt động KNDMST, thường xuyên tham gia các diễn đàn khu vực và Quốc gia về KNDMST.

Công tác truyền thông

Phổ biến các chính sách khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên Đặc san Khoa học và Công nghệ; Chuyên mục Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo tích hợp trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Quảng Trị. Phát động hội thi “Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp sinh viên”, Hội thi “Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo” hàng năm trên Cổng Thông tin điện tử KH&CN Quảng Trị, Fanpage Thông tin KH&CN Quảng Trị; cổng Thông tin điện tử, website và Fanpage Tỉnh đoàn, các trường, Phân Hiệu đại học Huế tại Quảng Trị, các Trường Cao đẳng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và đăng tải lại trên nhiều cổng thông tin điện tử khác như đầu tư, thông tin môi trường,...

Xây dựng Chuyên mục KH&CN trên Đài PT - TH Quảng Trị “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong thanh niên, sinh viên tỉnh Quảng Trị”. Chuyên mục “Làm thế nào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành công” trên Đài phát thanh Quảng Trị; Chuyên mục “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho sinh viên và thanh niên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Trị.

Các bài báo “Đào tạo các startup-Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”, “Thấp lửa tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên” trên Báo Quảng Trị; Các bài báo về Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo trên báo điện tử VietTimes, báo điện tử HCA (Hội Tin học Tp. Hồ Chí Minh), báo điện tử Khoa học và Phát triển,...

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Công tác hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

Thông qua các hoạt động ĐMST và cuộc thi KNĐMST cũng như quá trình khảo sát, Sở Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ thông qua các Chính sách: (i) Nghị quyết 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả khoa học

hỗ trợ cho hoạt động từ các nhiệm vụ đề án; (iii). Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ cùng với Thông tư số 03/2021/TT-BTC ngày 11/01/2021 hướng dẫn về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ. Sở KH&CN đã hỗ trợ cho các doanh nghiệp ươm tạo hình thành



Phần thuyết trình về dự án “Xưởng chế biến cháo bột cá lóc đóng gói” của tác giả Nguyễn Đức Nhật Thuận tại “Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2022”. Ảnh: Hải Yến.

và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025 (nay là Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐND ban hành ngày 09/12/2021). Theo đó, trong lĩnh vực ứng dụng đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ tiên tiến, cải tiến công nghệ, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp. (ii). Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ đã cho vay một số dự án và ươm tạo ĐMST cũng như

Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (từ năm 2017 - 2023, có 7 doanh nghiệp được công nhận thành Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ).

Những chính sách thiết thực, bám sát tinh thần của Quyết định số 844/QĐ-TTg giúp bước đầu khởi động hệ

sinh thái KNĐMST tại Quảng Trị; từng bước tạo ra tiềm lực cho một số cán bộ Sở KH&CN, các ngành và cán bộ giáo viên các trường đại học/cao đẳng; Hoạt động hỗ trợ KNĐMST trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có sức lan tỏa đến nhiều sở, ngành, địa phương, cũng như các tổ chức, cá nhân trên toàn tỉnh. Đặc biệt tại khối trường cao đẳng, Đại học và một số trường THPT trên địa bàn tỉnh đã tích cực, chủ động hưởng ứng tham gia, phối hợp xây dựng nhiều kế hoạch trong hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp gắn với ĐMST. Các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp cũng được kết nối để đồng hành và tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp. Nhờ sự chung tay của nhiều tổ chức, cá nhân, đã dần hình thành hệ sinh thái KNĐMST và có rất nhiều các hoạt động KNĐMST mang lại hiệu quả trên địa bàn tỉnh, từ đó đã tạo được những chuyển biến tích cực, giúp cổ vũ, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp ở địa phương.

Tuy nhiên, Quảng Trị chưa có một hệ sinh thái KNĐMST đúng nghĩa và vẫn đang còn ở những bước đi đầu tiên. Trình độ nhận thức cũng như khả năng kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của nguồn nhân lực còn thấp; phần nhiều các dự án khởi nghiệp mang tính khởi nghiệp truyền thống, chưa có tính mới sáng tạo và đột phá. Các ý tưởng còn nặng về các sản phẩm từ nông nghiệp.

Tỉnh còn thiếu và chưa có mạng lưới các chuyên gia về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, đội ngũ cố vấn khởi nghiệp, nhà đầu tư thiên thần. Bên cạnh đó sự kết nối với mạng lưới khu vực và Quốc gia cũng còn một số hạn chế do vấn đề nguồn nhân lực và tài chính.

Thiếu các chính sách hỗ trợ thực sự thu hút mạnh mẽ doanh nghiệp để đầu tư vào hoạt động KNĐMST, như: Cần phát triển hệ thống vườn ươm KNĐMST lấy công nghệ làm động lực và một công cụ đòn bẩy quan trọng trong hỗ trợ phát triển hệ sinh thái KNĐMST nhằm hỗ trợ thương mại hoá công nghệ và thúc đẩy đổi mới, chuyển giao công nghệ, liên kết khoa học với sản xuất, thị trường. Tuy nhiên, hiện nay kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, cơ sở ươm tạo,... gặp nhiều khó khăn.

Các hoạt động: (i). Quy mô các hoạt động còn nhỏ lẻ và chưa có sự đồng bộ trong toàn tỉnh; (ii). Số lượng tham gia các hoạt động, sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo chưa nhiều. Chưa thực sự tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ của cộng đồng về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mới tại địa phương. (iii). Tính thu hút còn chưa cao, cụ thể quy chế về giải thưởng cuộc thi (theo quy định tại Văn bản số 1873/UBND-KHCN ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh) chưa hấp dẫn các ý tưởng tham gia cũng như thiếu chính sách ươm tạo hỗ trợ. Do đó chưa thực sự là sức hút cho các tổ chức, cá nhân tham gia cuộc thi.

Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thời gian tới

Trong thời gian tới, để đẩy mạnh phát triển Hệ sinh thái Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị cần tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp như sau:

Về cơ chế chính sách

Cần có hệ thống cơ chế chính sách phù hợp với giai đoạn hiện nay, khi có rất nhiều nguồn hỗ trợ cho các SME cũng như hỗ trợ đổi mới công nghệ; bên

cạnh đó rất nhiều Sở, ban, ngành cũng triển khai nội dung này. Tuy nhiên, căn cứ theo Quyết định số 844/QĐ-TTg, Sở KH&CN cần phải làm rõ vai trò chủ trì và đầu tàu thực hiện hoạt động KNĐMST của tỉnh.

Để thống nhất triển khai cần có một hệ thống chỉ đạo thống nhất: thành lập Ban Chỉ đạo KNĐMST tỉnh Quảng Trị; ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ cho các hoạt động của một hệ sinh thái KNĐMST; xây dựng các Kế hoạch hành động KNĐMST cho ngắn hạn và trung hạn để làm căn cứ triển khai thực hiện.

Về xây dựng Hệ sinh thái KNĐMST của tỉnh Quảng Trị

Vai trò trung tâm KNĐMST: do tỉnh chưa thể thành lập Trung tâm KNĐMST (như một số tỉnh thành khác: Thừa Thiên - Huế, Nghệ An,...) cần xây dựng kế hoạch hành động KNĐMST tại Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo và từng bước trở thành Trung tâm KNĐMST của tỉnh trong giai đoạn trước mắt (2025 và 2030).

Hạ tầng: xây dựng Vườn ươm khởi nghiệp và Không gian làm việc chung tại Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo. Đây cũng là nơi ươm tạo công nghệ nhằm hỗ trợ hoàn thiện công nghệ có triển vọng ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá từ ý tưởng công nghệ hoặc kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của địa phương.

Công cụ hỗ trợ: bổ sung hạ tầng cho Hệ sinh thái KNĐMST: xây dựng Cổng thông tin KNĐMST để tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu về các hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp,

các sự kiện về khởi nghiệp ĐMST trong và ngoài tỉnh,... kể cả các sản phẩm giao dịch KNĐMST.

Nhân lực: cần có chương trình đào tạo, hỗ trợ chuyên sâu cho các đội ngũ cán bộ phụ trách công tác khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để có đủ khả năng tư vấn về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cố vấn khởi nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp.

Về hình thành và tổ chức các hoạt động Ngày hội KNĐMST

Hàng năm tổ chức Ngày hội KNĐMST với các chuỗi sự kiện hoạt động KNĐMST theo đúng bài bản. Trong đó, ngày hội khởi nghiệp là cơ hội để tạo động lực và lan tỏa tinh thần KNĐMST trong mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh; tạo tinh thần khí thế mới trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đẩy mạnh liên kết hệ sinh thái KNĐMST, trưng bày các sản phẩm/dịch vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm chủ lực, sản phẩm khác nhằm quảng bá, kết nối sản phẩm/dịch vụ đến người tiêu dùng, nhà quản lý, nhà khoa học, cộng đồng khởi nghiệp góp phần thúc đẩy phát triển, mở rộng thị trường, định hướng phát triển cho các sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp trong thời gian tới. Đây cũng là nơi kết nối các chuyên gia, nhà quản lý với cộng đồng khởi nghiệp trên địa bàn về cơ chế chính sách hỗ trợ KNĐMST, kết nối mạng lưới khởi nghiệp khu vực miền Trung.

Tích cực tham gia các hoạt động vùng/liên vùng và Quốc gia và hỗ trợ các ý tưởng, các doanh nghiệp KNĐMST tham gia./.

P.T.A

ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀO NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VINH LINH

Nguyễn Thị Trang

Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể dục thể thao huyện Vĩnh Linh

Xác định phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) trong tất cả các lĩnh vực, ngành nghề sẽ tạo những bước tiến mới để tăng trưởng toàn diện và bền vững hơn, đáp ứng quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, những năm qua, huyện Vĩnh Linh đã tập trung chỉ đạo đưa nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng KH&CN thuộc những vấn đề cấp thiết, lồng ghép hiệu quả vào đề án tái cơ cấu nông nghiệp và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Trung tâm Khuyến nông quốc gia và Trung tâm Khuyến nông tỉnh tham quan vườn ươm ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô sản xuất giống cây lâm nghiệp chất lượng cao tại thị trấn Bến Quan. Ảnh: Nguyễn Thị Trang.

Đầu tư nhân lực, nguồn lực nghiên cứu, ứng dụng KH&CN

Để hoạt động ứng dụng KH&CN được triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả, trước hết huyện Vĩnh Linh chú

trọng vào những chính sách, chương trình nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường ứng dụng KH&CN vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội và hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng kết quả KH&CN. Theo đó, huyện tăng cường công tác

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

bồi dưỡng năng lực đội ngũ cán bộ, chuyên viên; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; trang cấp trang thiết bị cơ sở; trợ giúp xây dựng mô hình ứng dụng KH&CN vào sản xuất, kinh doanh... với tổng kinh phí riêng giai đoạn 2021 - 2025 gần 13,9 tỉ đồng. Hội đồng KH&CN huyện Vĩnh Linh được kiện toàn, từng bước hình thành đội ngũ cán bộ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ứng dụng, chuyển giao KH&CN. Hội đồng KH&CN chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền điều hành hoạt động KH&CN, hoạch

ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan, ban ngành, đơn vị, doanh nghiệp. Từ công tác tuyên truyền, tổ chức ứng dụng tiến bộ KH&CN đã góp phần lan tỏa phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong lao động, sản xuất.

Giai đoạn 2012 - 2023, qua nguồn vốn ngân sách KH&CN cấp huyện, Vĩnh Linh đã lựa chọn hỗ trợ 24 đề tài, dự án, mô hình với kinh phí thực hiện gần 950 triệu đồng. Nhiều đề tài, dự án, mô hình khi nghiên cứu thành công được đưa



Cấp phát máy móc phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp ở xã miền núi Vĩnh Ô.
Ảnh: Nguyễn Thị Trang.

định và xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Cùng với đó, huyện Vĩnh Linh phối hợp một số đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, tập huấn sâu rộng những nội dung về: phương pháp luận nghiên cứu khoa học và kỹ năng xây dựng thuyết minh, thực hiện đề tài - dự án; tích cực

vào áp dụng, phát huy hiệu quả trong sản xuất và đời sống. Tiêu biểu như đề tài, dự án: nuôi tôm theo quy trình sinh học 2 giai đoạn; đánh giá kết quả bước đầu điều trị bệnh bằng phẫu thuật Longo; Ứng dụng công nghệ thông tin thiết lập phần mềm thống kê, tổng hợp số liệu phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở; ứng dụng công nghệ thông tin vào lưu trữ, quản lý, khai thác hồ sơ, tài liệu

đơn thư khiếu nại, tố cáo và thi hành kỷ luật Đảng; chuyển giao mô hình sản xuất cây thanh long ruột đỏ ở xã miền núi Vĩnh Hà; đánh giá khả năng nhân rộng mô hình phục hồi vườn hồ tiêu bị sâu bệnh gây hại; nuôi gà vườn đồi kết hợp xử lý môi trường bằng công nghệ đệm sinh học... Huyện Vĩnh Linh còn xây dựng cơ chế phối hợp trong mạng lưới khuyến công, khuyến nông và các tổ chức KH&CN; kịp thời thông tin, phổ biến tiến bộ KH&CN, đề tài ứng dụng được chứng minh tính khả thi đến cơ sở

đem lại kết quả rất khả quan khi các địa phương, người dân chủ động tiếp cận, ứng dụng công nghệ mới, chế phẩm sinh học, biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp IPM, vắc xin nhằm cải tiến quy trình, kỹ thuật chăm sóc cây trồng, vật nuôi. Nhờ vậy kiểm soát dịch hại tốt hơn, từng bước giảm dần tính phụ thuộc vào thời tiết trong sản xuất nông nghiệp, tăng mức độ ổn định, giá trị sản xuất/ đơn vị diện tích canh tác; đồng thời giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường sinh thái. Từ đó đã tác động đến quá trình



Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Linh thực hiện phương pháp mổ nội soi trong điều trị cho bệnh nhân. Ảnh: Nguyễn Thị Trang.

và người sản xuất, hình thành nên chuỗi liên kết giữa khâu nghiên cứu, thực nghiệm, sản xuất, chế biến và thương mại hóa sản phẩm.

Ứng dụng hiệu quả KH&CN vào từng lĩnh vực

Tại huyện Vĩnh Linh, việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất nông nghiệp

chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, hình thành ngày càng nhiều mô hình kinh tế, vùng sản xuất hàng hóa tập trung, khai thác tiềm năng đất đai, lợi thế vùng, tạo ra sản phẩm chủ lực mang lại giá trị, khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Trưởng Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Vĩnh Linh, anh Nguyễn Đình Lục cho biết, đến nay diện tích gieo trồng lúa

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

cả năm của huyện ổn định khoảng 7.000 ha, năng suất bình quân đạt 52,9 tạ/ha. Mô hình cánh đồng mẫu lớn 2.600 ha lúa triển khai tại 30 đơn vị HTX, trong đó gần 200 ha thực hiện sản xuất lúa liên kết và hơn 130 ha sản xuất theo hướng hữu cơ với Công ty Cổ phần Tổng Công ty Sông Gianh. Ngoài ra vùng sản xuất cây công nghiệp lâu năm có 1.300 ha hồ tiêu; trên 6.570 ha diện tích trồng cây cao su tiểu điền, trong đó hơn 6.220 ha đưa vào kinh doanh, sản lượng ước đạt

theo phương pháp thủy canh với quy mô trên 1.300m² tại xã Trung Nam.

Đối với lĩnh vực chăn nuôi, Vĩnh Linh duy trì tốt chương trình cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, sử dụng tinh bò đực giống Zebu thụ tinh nhân tạo với bò cái vàng bản địa, đưa tỉ lệ đàn bò lai chiếm hơn 70% so với tổng đàn. Giá bán 1 con bò lai cao hơn 1,5 lần so với bò địa phương. Triển khai thành công chương trình nạc hóa đàn lợn, đưa giống mới thuần ngoại



Cuộc thi Tin học trẻ huyện Vĩnh Linh lần thứ 14 năm 2023. Ảnh: Nguyễn Thị Trang.

khoảng 9.000 tấn/năm. Về lâm nghiệp, từ ứng dụng sản xuất giống cây bằng công nghệ nuôi cấy mô, dâm hom đã cải thiện chất lượng giống, thúc đẩy nhanh việc trồng rừng thâm canh, đưa năng suất, chất lượng gỗ rừng trồng tăng lên. Riêng ứng dụng công nghệ ở mô hình trồng dưa, rau củ quả sạch trong nhà màng đã xây dựng trên 5.500m² tại 2 xã Trung Nam, Vĩnh Tú; mô hình rau sạch

Landrace, Yorkshire vào nuôi thích nghi, nâng tỉ lệ lợn lai trên tổng đàn chiếm 95%, tăng năng suất, đem lại nguồn thu cao hơn cho người chăn nuôi. Các doanh nghiệp, hộ gia đình mạnh dạn liên doanh, liên kết đầu tư chăn nuôi lợn, gà, vịt theo hướng thâm canh khép kín, trang trại công nghệ cao quy mô hàng trăm đến hàng nghìn con/trang trại. Có

thể kể đến như: trang trại chăn nuôi vịt thịt công nghệ cao 7.000 con tại xã Vĩnh Hòa; trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao 7.000 con tại xã Vĩnh Hà; Tổ hợp tác chăn nuôi công nghệ cao Vinaga với 2 cơ sở quy mô 55.000 con gà tại xã Vĩnh Hòa; trang trại chăn nuôi công nghệ cao khép kín ở xã Vĩnh Tú với 2.500 lợn nái, 20.000 lợn thịt... Số lượng gia súc, gia cầm toàn huyện theo đó tăng hàng năm, hiện đàn trâu, bò khoảng 16.000 con; đàn lợn trên 52.000 con; đàn gia cầm hơn 900.000 con. Về thủy sản, Vĩnh Linh

vậy nâng tổng diện tích nuôi trồng thủy sản toàn huyện lên khoảng 870 ha; sản lượng gần 2.200 tấn/năm.

Bên cạnh đó huyện Vĩnh Linh tích cực chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ địa phương, doanh nghiệp, hộ sản xuất, kinh doanh ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng thương hiệu, nhãn mác tập thể, cá nhân cho sản phẩm tiêu biểu. Đến nay Cục sở hữu trí tuệ, Bộ KH&CN đã có quyết định về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể cho 10 loại sản phẩm hàng hóa trên địa bàn



Công ty TNHH Thành Anh QT, xã Hiền Thành ứng dụng trang thiết bị hiện đại vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Ảnh: Nguyễn Thị Trang.

có trên 30 mô hình nuôi tôm 2 giai đoạn, nuôi tôm theo quy trình sinh học biofloc hạn chế dịch bệnh, kháng sinh; quy trình nuôi tôm công nghệ cao trong nhà lưới quản lý tốt môi trường ao nuôi, tăng năng suất, nuôi quanh năm. Mặt khác các địa phương thử nghiệm nuôi nhiều đối tượng mới là cá chình, cá chẽm, cá leo, cá hồng mỹ, cá chép lai 3 máu, cá rô phi đơn tính dòng GIFT, cá trê lai... Nhờ

huyện, gồm: nếm Vĩnh Linh, đậu xanh Vĩnh Giang, tiêu Vĩnh Linh, dưa hấu Vĩnh Tú, lạc Vĩnh Linh, khoai môn Vĩnh Linh, tinh bột sắn dây Vĩnh Linh, bưởi da xanh, thanh long ruột đỏ Vĩnh Thủy, nước mắm Cửa Tùng; 2 nhãn hiệu thông thường là rau thủy canh công nghệ cao Anlame Food và Gà đồi Quang Huy. Một số sản phẩm đạt chứng nhận Vietgap gồm: thanh long ruột đỏ, bưởi da xanh

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Vĩnh Thủy; tiêu hữu cơ, lợn thịt và gà thịt của HTX Nông nghiệp sạch Tây Sơn. Tiêu Vĩnh Linh là 1 phần của tiêu Quảng Trị đã được Cục sở hữu trí tuệ, Bộ KH&CN cấp giấy xác nhận chỉ dẫn địa lý.

Trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, hàng loạt công nghệ mới được đưa vào áp dụng rộng rãi. Từ công nghệ sản xuất giấy bao bì (Kraft và Duplex) của Trung Quốc; dây chuyền chế biến cao su mũ cốm SVR - 3L và SVR 12 - 20 của Việt Nam đến

trường bình quân của công nghiệp - xây dựng ở Vĩnh Linh hàng năm đạt khoảng 15%, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỉ trọng công nghiệp - xây dựng; thương mại - dịch vụ, giảm dần tỉ trọng nông nghiệp.

Không chỉ trên lĩnh vực kinh tế, hoạt động ứng dụng KH&CN được huyện Vĩnh Linh triển khai trong mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là điều hành cải cách hành chính. Đến nay hơn 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thực hiện dưới dạng điện tử; 100%



Trang trại chăn nuôi vịt công nghệ cao quy mô 7.000 con tại thôn Hiền Dững, xã Vĩnh Hòa. Ảnh: Nguyễn Thị Trang.

sản xuất gạch bằng công nghệ nung sấy Tuy nen, gạch không nung thay cho kiểu nung sấy thủ công; sản xuất nước bằng công nghệ thẩm thấu ngược R/O, công nghệ Ozone... Sản phẩm của ngành công nghiệp ngày một đa dạng, mang lại nguồn thu đáng kể trong cơ cấu kinh tế, mặt khác thu hút, giải quyết việc làm cho lao động ở địa phương. Tốc độ tăng

cơ quan, đơn vị triển khai ký số; tỉ lệ giải quyết hồ sơ hình thức trực tuyến luôn đạt 50% trở lên. Đã kiện toàn Ban thực thi ISO áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; xây dựng chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng hàng năm; duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015;

có trên 40 quy trình, hơn 215 thủ tục hành chính được áp dụng tại 13 phòng, ban trên 33 lĩnh vực. 100% xã, thị trấn phủ internet băng thông rộng.

Về giáo dục, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy, học tập khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong toàn ngành, nâng cao chất lượng giáo dục. Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Linh, ông Lê Thanh Hải cho biết, đến nay 100% các trường phổ thông có phòng học tin học, số lượng máy tính bình quân từ 10 - 14 học sinh/1 máy tính. Phòng học, phòng máy tính, phòng chức năng của các đơn vị đều được phủ sóng wifi, mạng internet. 100% trường xây dựng hoàn thành cổng thông tin điện tử; phát huy hiệu quả các phần mềm về: quản lý tài chính, quản lý đội ngũ, thống kê số liệu, xếp thời khóa biểu; soạn giảng E-learning; soạn thảo đề kiểm tra... Hơn 50 đơn vị trường học và Phòng GD&ĐT sử dụng báo cáo, triển khai giao dịch điện tử trên môi trường mạng internet. Học sinh phổ thông toàn huyện có trên 9.000 tài khoản tham dự các sân chơi IOE, Violympic, Giao thông, Trạng nguyên Tiếng Việt... qua mạng internet; khoảng 1.000 tài khoản trên trường học kết nối của cán bộ, giáo viên hoạt động nền nếp...

Về y tế, hệ thống trang thiết bị tại Trung tâm Y tế huyện và cơ sở ngày càng đồng bộ, hiện đại, phục vụ tốt hoạt động chuyên môn, quản lý nhà nước về lĩnh vực y tế. Ngành y tế tiếp cận chuyển đổi một số loại vaccine thế hệ mới: viêm não Nhật Bản, viêm gan siêu vi B, bệnh dại; ứng dụng kỹ thuật chuyên sâu gồm: phẫu thuật nội soi sỏi túi mật, phẫu thuật nội soi trong thủng tạng rỗng, siêu âm tim, phẫu thuật lấy sỏi niệu quản... Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu khoa học, cải tiến khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực

chuyên môn được chú trọng, không ít đề tài đưa vào áp dụng tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Từ việc đẩy mạnh ứng dụng KH&CN vào từng lĩnh vực phù hợp với tình hình thực tế góp phần quan trọng vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện Vĩnh Linh. Những kết quả đạt được cũng như tồn tại, hạn chế thời gian qua là cơ sở để huyện Vĩnh Linh tiếp tục có những định hướng, biện pháp cụ thể, sát đúng nhằm ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, đời sống ở giai đoạn mới. Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Linh, ông Thái Văn Thành cho biết, về công tác ứng dụng KH&CN, thời gian tới huyện Vĩnh Linh xác định tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm: tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong đầu tư nâng cao tiềm lực cho KH&CN. Xã hội hóa nguồn ngoài ngân sách nhà nước bằng những cơ chế, chính sách thu hút, khuyến khích, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và tổ chức đầu tư vào huyện; ưu tiên phát triển doanh nghiệp, thị trường KH&CN làm cầu nối cho ươm tạo, ứng dụng và chuyển giao KH&CN. Đổi mới công tác quản lý nhà nước về KH&CN; thực hiện tốt việc triển khai nhiệm vụ nghiên cứu theo phương thức “đặt hàng, tuyển chọn”... Vĩnh Linh đặt mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025, xây dựng và hỗ trợ thực hiện 1 dự án ứng dụng công nghệ mới; 5 dự án trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ, chế biến hàng hóa nông, lâm, thủy sản; 5 dự án phục vụ phát triển nông nghiệp và 5 dự án trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng NTM./.

N.T.T

ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA CẤP ỦY, ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP TRONG ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ

ThS. Hồ Thị Thu Hằng

Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Trị

1. Đặt vấn đề

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Điều lệ Đảng đã chính thức quy định chức năng, nhiệm vụ giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng và UBKT các cấp. Qua thực hiện, công tác giám sát đã góp phần kiềm chế, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội

bộ... nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Đối với Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, với chiến lược phát triển tỉnh những năm tiếp theo, đã đặt ra nhiều mục tiêu hoàn thành các chương trình, đề án, lĩnh vực mang tính đột phá. Đó là cơ hội để Quảng Trị tiến gần tới mục tiêu đã định nhưng đồng thời dự báo những nguy cơ tiềm ẩn. Nhiệm vụ



Phiên họp Hội đồng kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài KH&CN cấp tỉnh: “Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tỉnh Quảng Trị”. Ảnh: Hải Yến.

của công tác giám sát là dự báo tình hình, đi trước một bước; thông qua giám sát thường xuyên để kịp thời phát hiện, uốn nắn, chấn chỉnh những hạn chế, khuyết điểm, vi phạm ngay từ khi mới manh nha; làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, khẳng định uy tín của hệ thống chính trị, đồng nghĩa với việc xây dựng môi trường thu hút đầu tư lành mạnh, tạo lực “đòn bẩy” thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển như nghị quyết của cấp ủy đề ra. Với phương châm “giám sát mở rộng”, cấp ủy và UBKT các cấp trong tỉnh đã xác định một số nhiệm vụ trọng tâm trong suốt nhiệm kỳ: giám sát những lĩnh vực, địa bàn dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc, nổi cộm, dư luận quan tâm; chủ động nắm tình hình, đẩy mạnh việc kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm. Nội dung các chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBKT Tỉnh ủy vừa mang tính toàn diện trên các mặt lãnh đạo của cấp ủy đảng, từ xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đến điều hành phát triển kinh tế - xã hội; an ninh, quốc phòng... Giám sát chuyên đề theo hướng đổi mới phương thức, nội dung có trọng tâm, đi thẳng vào các lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp, vấn đề được báo chí, dư luận nhân dân phản ánh. Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, các cấp trong Đảng bộ tỉnh đã giám sát 2.019 tổ chức đảng và 2.062 đảng viên (*tăng 307 tổ chức đảng và 1.029 đảng viên so với nhiệm kỳ 2010 - 2015*). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, công tác giám sát của Đảng vẫn bộc lộ nhiều thiếu sót, hạn chế như văn kiện Đại hội XIII của Đảng đánh giá: *“Công tác giám sát ở các cấp chưa thường xuyên, có*

nơi, có lúc chưa thực chất, phạm vi, đối tượng còn hẹp, hiệu quả cảnh báo, phòng ngừa vi phạm còn hạn chế”.

Từ những vấn đề nêu trên, cần phải có sự nghiên cứu thực tiễn, tổng kết, đánh giá toàn diện, có hệ thống và đề xuất các giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực công tác giám sát là rất cần thiết, vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài về công tác giám sát:

- Đánh giá đúng thực trạng về hoạt động giám sát của cấp ủy đảng, UBKT các cấp trong Đảng bộ tỉnh Quảng Trị;

- Đề xuất các chủ trương, biện pháp mở rộng, đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát trong Đảng bộ tỉnh trong thời gian đến. Phát huy ưu điểm, phát hiện hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm và nguyên nhân,... để kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh, khắc phục, cảnh báo, phòng ngừa, hạn chế tối đa những thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên;

- Sản phẩm của nghiên cứu khoa học là tài liệu chuyên khảo Hỏi - Đáp về công tác giám sát của cấp ủy, UBKT các cấp trong Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (*tài liệu lưu hành nội bộ*) giúp cấp ủy và UBKT các cấp trong Đảng bộ tỉnh nghiên cứu, ứng dụng để thực hiện tốt hơn công tác giám sát đối với đảng viên, nhất là người đứng đầu và tổ chức đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, sự đoàn kết, thống nhất và giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng; chủ động phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm

từ lúc mới manh nha, góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới.

2. Cơ sở lý luận về đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát của Đảng.

Khái niệm giám sát của Đảng.

Theo quy định Khoản 4, Điều 3 Quy định 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng: “*Giám sát của Đảng là việc các tổ chức đảng quan sát, theo dõi, nắm bắt, xem xét, đánh giá, kết luận hoạt động nhằm kịp thời nhắc nhở để cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát chấp hành nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước và khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có)*”.

Giám sát là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Giám sát là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Công tác giám sát là nhiệm vụ của toàn Đảng, là nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của mọi tổ chức đảng và đảng viên. Có giám sát từ trên xuống, có giám sát từ dưới lên, có giám sát từ trong tra, có giám sát từ ngoài vào (*giám sát của nhân dân đối với tổ chức đảng và đảng viên*). Khi thực hiện giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp, đảng viên tham gia giám sát hoặc khi được giám sát đều phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc này. Tuyệt đối không được vi phạm các nguyên tắc đó trong quá trình tiến hành giám sát và chịu sự giám sát. Có

hai hình thức là giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp. Phương pháp giám sát của Đảng là hệ thống các cách thức tiến hành trong hoạt động giám sát của Đảng mà mọi tổ chức đảng và đảng viên (*chủ thể giám sát và đối tượng giám sát*) phải tuân thủ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công tác giám sát của Đảng. Phạm vi giám sát là giới hạn về trách nhiệm, quyền hạn giám sát của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, của các ban của cấp ủy, văn phòng cấp ủy, UBKT các cấp, của chi bộ. Do chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các tổ chức đảng khác nhau, nhiệm vụ cụ thể cũng được quy định khác nhau nên phạm vi giám sát cũng khác nhau. Chủ thể giám sát trong Đảng là tổ chức đảng có thẩm quyền giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý hoặc lĩnh vực được phân công phụ trách của chủ thể giám sát. Đối tượng giám sát của Đảng là tổ chức đảng và đảng viên chịu sự giám sát của Đảng (của tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên). Tùy vào nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong mỗi giai đoạn cách mạng và tình hình thực tế ở từng địa phương, đơn vị trong từng thời gian, trọng tâm, trọng điểm lãnh đạo và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi tổ chức đảng mà xác định nội dung giám sát cụ thể.

Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát.

Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030 nêu rõ: thực hiện kiểm tra, giám sát theo phương châm giám sát phải mở rộng, kiểm tra

có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng; các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm; việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; kê khai tài sản, thu nhập,... Nội dung tập trung vào các nhiệm vụ cơ bản:

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đối với công tác kiểm tra, giám sát: Ban hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế... , đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Cấp ủy các cấp ban hành quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với cơ quan điều tra, thanh tra, kiểm toán, viện kiểm sát, tòa án nhân dân cùng cấp; chỉ đạo phối hợp chặt chẽ, không để chồng chéo trong tổ chức thực hiện.

Cấp ủy, nhất là người đứng đầu thường xuyên làm việc với ủy ban kiểm tra để nắm tình hình, kết quả thực hiện, kịp thời chỉ đạo, định hướng công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra.

Tăng cường kiểm tra, giám sát trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác xây dựng pháp luật, kịp thời ngăn chặn vi phạm trong ban hành văn bản pháp luật, lồng ghép “lợi ích nhóm”, lợi ích cục bộ. Mở rộng giám sát trên tất cả các địa bàn, lĩnh vực; chú trọng vào những nơi nội bộ có biểu hiện mất đoàn kết, dư luận xã hội quan tâm; nâng cao tính chủ động để kịp thời nhắc nhở, cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm từ sớm, từ xa.

Cấp ủy, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cấp ủy viên và cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý phải thường xuyên tự kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện những hạn chế, khuyết điểm để chủ động khắc phục, chấn chỉnh không để dẫn đến vi phạm. Kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên không đủ năng lực, uy tín; việc miễn nhiệm, từ chức, trách nhiệm người đứng đầu khi cấp có thẩm quyền kết luận đã để xảy ra tham nhũng, tiêu cực ở cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách.

Ủy ban kiểm tra cấp trên thường xuyên, kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát, nhất là trong xử lý các vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, dễ xảy ra vi phạm, các vụ việc về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”; kịp thời xử lý kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” ngay tại cơ sở, chi bộ.

Chủ động dự báo, kịp thời ban hành các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật. Đầu tư nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; chủ động dự báo sớm, cung cấp cơ sở khoa học để kịp thời tham mưu cho Đảng về các chủ trương, đường lối, giải pháp có tính chiến lược trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Chủ động nghiên cứu, tham mưu, ban hành các văn bản của Đảng bảo đảm giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, đồng thời tăng cường trách nhiệm, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực,

hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Tập trung xây dựng, hoàn thiện các quy định về cơ chế phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên; cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, việc thực thi quyền lực của cán bộ lãnh đạo, quản lý; quy định các hành vi vi phạm, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; cơ chế về kiểm soát tài sản, thu nhập, quyền lực trong công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán...

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ trong hoạt động của ngành Kiểm tra. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật từ Trung ương đến cơ sở phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nghiên cứu, dự báo, tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật.

Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra công minh, liêm chính; tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp đồng bộ, tinh gọn.

2. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực công tác giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tỉnh Quảng Trị.

Trên cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về phân tích, đánh giá thực trạng để đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ công tác giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên của cấp ủy và UBKT cấp ủy các cấp như sau:

Nhóm giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp đối với công tác giám sát Đảng. Cấp ủy các cấp ban hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế... về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật; đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Nâng cao vai trò cấp ủy, người đứng đầu trong lãnh đạo công tác giám sát của Đảng. Hoàn thiện các văn bản chỉ đạo và thực hiện công tác giám sát. Phối hợp các cơ quan chức năng trong thực hiện nhiệm vụ giám sát. Cũng cố kiện toàn UBKT và bộ máy cơ quan UBKT các cấp trong việc tham mưu và thực hiện công tác giám sát. Sơ kết, tổng kết đánh giá để tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giám sát của Đảng.

Nhóm giải pháp về tuyên truyền phổ biến các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức cho cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên về vị trí, vai trò, tác dụng của giám sát trong Đảng; mở rộng dân chủ và phát huy trách nhiệm của nhân dân trong công tác giám sát của Đảng. Xác định việc tuyên truyền, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng; không chỉ nâng cao nhận thức, kiến thức, nghiệp vụ cho tổ chức đảng và đảng viên mà còn góp phần tạo sự đồng thuận của cấp ủy, ủy ban kiểm tra đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Nhằm tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp, cơ quan tuyên truyền, báo chí, đội ngũ tuyên truyền

viên, báo cáo viên về vị trí, vai trò và sự cần thiết phải đổi mới và tăng cường tuyên truyền, phổ biến về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong tình hình mới. Việc tuyên truyền về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng phải bám sát đường lối, quan điểm, quy định của Đảng về công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng nói riêng. Tuân thủ sự chỉ đạo của cấp ủy và tổ chức đảng; bảo đảm khách quan, công minh, chính xác, kịp thời; phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong toàn Đảng ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Tạo sự đoàn kết, thống nhất, tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, sự đồng thuận trong xã hội; tạo sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Nhóm giải pháp về xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy chế, quy trình giám sát trong Đảng để tạo khung pháp lý thuận lợi cho cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát: quy định rõ những việc phải giám sát, những vấn đề liên quan như: trách nhiệm và quyền hạn trong lãnh đạo, chỉ đạo, trong tổ chức thực hiện, trong chấp hành, những việc liên quan hoạt động của tổ chức, cơ quan cần công khai, minh bạch; về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành việc giám sát; về phối hợp trong thực hiện, trong phản ánh, cung cấp thông tin liên quan việc chấp hành của tổ chức, cơ quan, cán bộ đảng viên... Tạo sự đồng bộ, nâng cao tính khả thi, hiệu lực, hiệu

quả của hệ thống văn bản quy định về công tác giám sát của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội; bảo đảm quyền và trách nhiệm giám sát của các chủ thể và cán bộ, nhân dân được tham gia; ý thức và trách nhiệm trước các hành vi có dấu hiệu vi phạm diễn ra trong đời sống xã hội; bảo đảm nguyên tắc phân cấp, phân nhiệm giữa các cấp, sự phối hợp giữa cấp ủy với chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.

Nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác giám sát. Hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy cơ quan UBKT và các cơ quan tham mưu cấp ủy trong thực hiện công tác giám sát. Tuyển chọn, đào tạo, bố trí, phân công cán bộ có đủ năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ giám sát. Chính sách đối với cán bộ làm công tác giám sát. Thực hiện tốt Quy định 101-QĐ/TW ngày 6/7/2023 của Ban Bí thư về luân chuyển cán bộ trong ngành Kiểm tra Đảng. Ủy ban kiểm tra các cấp là cơ quan tham mưu, giúp việc, tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng. Trong quá trình hoạt động, cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp phải nắm chắc nguyên tắc kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; xác định rõ nội dung kiểm tra, giám sát đối với cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ chủ chốt; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có “bàn tay sạch”, có tâm trong sáng, làm việc “đúng vai, thuộc bài”, có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa các bộ phận, lực lượng có liên quan; tuyệt đối tránh xa sự cám dỗ của lợi ích vật chất;

không được lòng ghép mục đích, động cơ cá nhân vào quá trình kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng; có phẩm chất đạo đức vì sự tiến bộ, trưởng thành của đồng chí, đồng đội; không ngừng học hỏi nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát. Mỗi cán bộ của ủy ban kiểm tra các cấp phải thực sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, phải giữ được danh dự, uy tín của mình trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Nhóm giải pháp tổ chức thực hiện.

Phối hợp chặt chẽ các cơ quan chức năng liên quan để tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Bố trí lực lượng để đảm bảo thực hiện tốt từng nhiệm vụ giám sát cụ thể. Kế hoạch tổ chức thực hiện chặt chẽ, chu đáo. Tổ chức thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình, quy định, kịp thời, linh hoạt, đúng nội dung, đúng đối tượng. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cán bộ chuyên trách tham mưu, dự thảo các quy định về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Phát huy dân chủ trong thảo luận, đóng góp ý kiến của tập thể cán bộ, đảng viên trước khi ban hành. Kết hợp chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với giám sát, thanh tra, kiểm toán nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Tăng cường phối kết hợp với các chuyên gia, nhà khoa học có kinh nghiệm trong hoạt động kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng để xây dựng, bổ sung, hoàn thiện những cơ chế, chính sách kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng phù hợp với tình hình thực tiễn theo hướng

bảo vệ cán bộ, đảng viên tố giác đúng các vi phạm của cấp trên; bảo vệ người đứng đầu dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của đất nước.

Nhóm giải pháp về tăng cường công tác hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát cho cấp dưới; sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm. Xây dựng kế hoạch cụ thể để chủ động trong tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác giám sát cho các cấp ủy viên UBKT các cấp. Với mục đích bồi dưỡng nghiệp vụ, bổ sung kỹ năng nghiệp vụ, quy trình, phương pháp và kinh nghiệm trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, đồng thời, nâng cao nhận thức, hành động, trang bị những kiến thức về quy định, hướng dẫn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy ban Kiểm tra Trung ương đối với công tác kiểm tra, giám sát của Đảng cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra.

Kết quả nghiên cứu

Xây dựng sở tay Hỏi - Đáp về công tác giám sát của cấp ủy và UBKT các cấp trong Đảng bộ tỉnh. Trên cơ sở các quy định của Đảng, hướng dẫn của UBKT Trung ương về công tác giám sát của Đảng và những quy định pháp lý liên quan; qua cơ sở yêu cầu, những tình huống vướng mắc, khó khăn hoạt động thực tiễn trong thực hiện nhiệm vụ công tác giám sát để phục vụ cho việc nghiên cứu, áp dụng, xử lý khoa học, thống nhất, đảm bảo đúng quy định, phù hợp thực tiễn và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát của Đảng.

Kết luận

Nội dung công tác giám sát của Đảng bộ tỉnh Quảng Trị qua triển khai thực hiện còn có những điểm chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong tình hình mới; chất lượng, hiệu quả, chuyển biến chưa đồng đều ở các cấp; công tác giám sát có nơi, có lúc chưa thực chất, phạm vi, đối tượng còn hẹp; giám sát thường xuyên và chuyên đề chưa được quan tâm đúng mức, nhất là giám sát cấp uỷ viên cùng cấp, người đứng đầu cấp uỷ và cán bộ chủ chốt ở các cấp hiệu quả phát hiện, cảnh báo, phòng ngừa vi phạm còn hạn chế.

Với phương châm: lý luận phải gắn liền với thực tiễn; coi trọng thực tiễn, tổng kết của các đề án, đề tài, quyết định, quy định, hướng dẫn, thông báo, kết luận để phát triển tư duy lý luận mới và thiết thực, ứng dụng vào thực tiễn công tác giám sát của Đảng; việc nghiên cứu về công tác giám sát của Đảng nhằm ngày càng hoàn thiện lý luận và phương pháp giám sát, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Qua tình hình nghiên cứu trong nước cũng như trong Đảng bộ tỉnh từ trước đến nay, cần phải có sự nghiên cứu khoa học chuyên sâu, đầy đủ, toàn diện, sâu sắc về cơ sở lý luận và thực tiễn công tác giám sát của Đảng để đưa ra giải pháp thực hiện với mục tiêu đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của Đảng bộ tỉnh trong thời gian đến./.

H.T.T.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, XI, XII và XIII Nhà Xuất bản CTQG Hà Nội (NXBCTQG);
- Các Điều lệ Đảng từ Đại hội IX đến Đại hội XI, NXBCTQG Hà Nội;
- Kết luận 34-KL/TW về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030;
- Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của BCH Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng;
- Quyết định số 150- QĐ/UBKTTW, ngày 19/5/2016 của UBKT Trung ương ban hành quy trình giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên;
- Thông báo kết luận số 226 -TB/TW, ngày 03/3/2009 của Ban Bí thư về tăng cường tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng;
- Kết luận số 72-KL/TW, ngày 17/5/2010 của Bộ Chính trị về chiến lược Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2020;
- Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030;
- Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, XVI và XVII;
- Báo cáo tổng kết hằng năm, nhiệm kỳ về công tác kiểm tra của UBKT Trung ương, BTV Tỉnh uỷ và UBKT Tỉnh uỷ Quảng Trị từ năm 2010 đến 2023.

PHẪU THUẬT CỐ ĐỊNH KÍNH NỘI NHÃN CỨNG MẠC KHÔNG KHÂU ĐIỀU TRỊ ĐỤC THỦY TINH THỂ CHẤN THƯƠNG

BSCK II. Bùi Thị Vân Anh, CK I. Hoàng Thị Mỹ Duyên, BS. Đặng Bảo Nhân
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đục thủy tinh thể (TTT) là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây mù lòa ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Ở Việt Nam, theo điều tra của Bệnh viện Mắt Trung ương tỷ lệ mù chung toàn dân ước tính là 1,25%, trong đó tỷ lệ mù do đục thể thủy tinh ở người lớn tuổi (trên 50 tuổi) là nguyên nhân hàng đầu gây mù chiếm tới 74% [1]. Ở mắt có chấn thương trước đây, đục thể thủy tinh xuất hiện sớm hơn. Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ở những mắt này là một trong những phẫu thuật khó do những

mắt này có các thay đổi giải phẫu sinh lý làm khó khăn khi thực hiện các thao tác kỹ thuật[1]. Thông thường TTT nhân tạo được đặt cân đối trong bao của TTT sau phẫu thuật đặt kính nội nhãn. Nhưng khi cấu trúc bao TTT hay hệ thống dây chằng Zinn không còn khả năng nâng đỡ TTT sẽ dẫn tới không đặt được TTT nhân tạo vào bao sau. Gần đây, một số tác giả đã giới thiệu kỹ thuật mới, vừa không dùng chỉ, lại không cần tạo vạt. Đã có một vài báo cáo về phẫu thuật điều trị đục thể thủy tinh, treo kính nội nhãn ở bệnh nhân nước ngoài. Tại



Phẫu thuật đục TTT cho bệnh nhân tại Bệnh viện Mắt Quảng Trị. Ảnh Tư liệu.



Hoạt động khám mắt cho bệnh nhân tại Bệnh viện Mắt Quảng Trị. Ảnh Tư liệu.

Quảng Trị phẫu thuật điều trị đục thủy tinh thể ngày càng phát triển và đã thực hiện ở hầu hết các đối tượng có đục thể thủy tinh chấn thương nhưng chưa có nghiên cứu nào về phẫu thuật treo kính nội nhãn cứng mạc không khâu trên mắt có chỉ định nên chúng tôi tiến hành thực hiện kỹ thuật: **“Phẫu thuật cố định kính nội nhãn cứng mạc không khâu điều trị đục thủy tinh thể chấn thương”** nhằm hai mục tiêu:

1. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân có chỉ định treo kính nội nhãn cứng mạc không khâu.

2. Đánh giá kết quả treo kính nội nhãn cứng mạc không khâu.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên bệnh nhân đục thủy tinh thể có chỉ định

lấy TTT đặt kính treo cứng mạc không khâu tại bệnh viện Mắt Quảng Trị từ tháng 7 năm 2022 đến hết tháng 5 năm 2023.

2.1.1. Tiêu chuẩn lựa chọn

- Bệnh nhân đục thủy tinh thể có chỉ định đặt kính treo cứng mạc (đục TTT chấn thương). Bệnh nhân đồng ý thực hiện nghiên cứu.

2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ

- Đã được phẫu thuật glôcôm trước đó. Có những tổn thương tại mắt như: bong võng mạc, xuất huyết võng mạc, sẹo ở trung tâm võng mạc, sẹo giác mạc, viêm màng bồ đào, chấn thương.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu: mô tả tiền cứu, có can thiệp lâm sàng, không đối chứng.

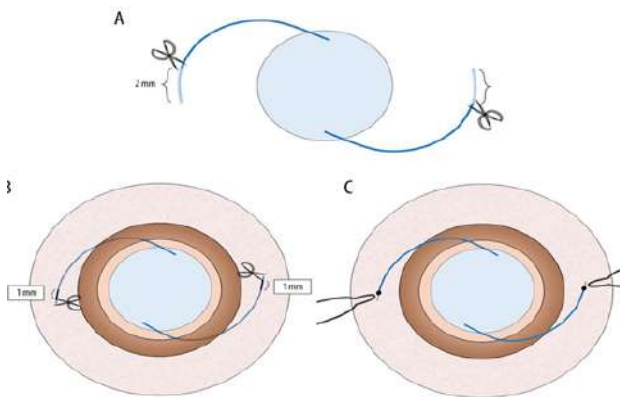
2.2.2. Phương tiện nghiên cứu

- Bảng đo TL vòng hở Landolt, bảng thị lực Snellen
- NA kế ICARE
- Sinh hiển vi khám SL_1E, Topcon.
- Máy siêu âm hệ thống A OcuScan, Alcon
- Máy siêu âm B VuMaxII, Zeiss.
- Máy khúc xạ kế tự động
- Kính hiển vi phẫu thuật đồng trục Zeiss.
- Máy OCT (Optic coherence tomography - Chụp cắt lớp quang học) RS 3000, Nidek.

- Kính nội nhãn mềm

Quy trình phẫu thuật

- Chuẩn bị bệnh nhân
- Gây tê
- Vô trùng
- Phẫu thuật lấy TTT - treo kính nội nhãn cứng mạc không khâu



III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG

Nghiên cứu được thực hiện trong thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 5/2023 tại Bệnh viện Mắt Quảng Trị trên 15 mắt của 15 bệnh nhân, kết quả thu được như sau:

3.1. Tình hình bệnh nhân theo tuổi và giới

Bảng 3.1. Phân bố tuổi bệnh nhân theo tuổi và giới

Nhóm tuổi	Nam		Nữ		Tổng	
	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %
30 - 60	5	62,5	4	57,14	9	60
> 60	3	37,5	3	42,86	6	40
Tổng cộng	8	100	7	100	15	100

Tỷ lệ gặp phải ở Nam và Nữ là tương đương nhau, nam chiếm 53,33%, nữ chiếm 47,67%. Đa số bệnh nhân nằm trong độ tuổi lao động 30 - 60 tuổi (60%).

3.2. Nghề nghiệp

Bảng 3.2. Phân bố bệnh nhân theo nghề nghiệp

Nghề nghiệp	n	Tỷ lệ %
Cán bộ công chức	3	20
Công nhân, lao động, nông dân	7	46,67
Ở nhà (già)	5	33,33
Tổng số	15	100

Đa phần bệnh nhân trong nhóm công nhân, nông dân lao động tỷ lệ 46,67%, nhóm người già chiếm 33,33%.

3.3. Thị lực trước phẫu thuật

Bảng 3.5. Thị lực trước phẫu thuật

Mức thị lực	Số lượng	Tỷ lệ %
ĐNT < 3m	6	40
ĐNT 3m ≤ 1/10	7	46,67
≥ 1/10	2	13,33
Tổng số	15	100

Đa phần bệnh nhân vào viện với thị

lực rất thấp, nhóm thị lực < 1/10 chiếm đến 86,67%, chỉ có 2 bệnh nhân - chiếm 13,33% có thị lực vào viện từ 1/10 trở lên.

3.4. Nhãn áp trước phẫu thuật

Bảng 3.6. Nhãn áp trước phẫu thuật

Nhãn áp	Số lượng	Tỷ lệ %
< 22	13	
≥ 22	2	
Tổng số	15	100
Nhãn áp trung bình (mmHg)	16,21 ± 2,45	

Nhãn áp trung bình khi vào viện của bệnh nhân là: 16,21 ± 2,45 mmHg và đa số bệnh nhân vào viện không có cao nhãn áp.

3.5. Hình thái đục thủy tinh thể

Bảng 3.7. Hình thái đục thể thủy tinh

Hình thái	Số mắt	Tỷ lệ%
Đục nhân	8	53,34
Đục vỏ	5	33,33
Đục dưới bao sau	2	13,33
Tổng số	15	100

Bệnh nhân vào viện chủ yếu đục TTT dạng nhân, chiếm 54,34%. dạng đục vỏ chiếm 33,33% và chỉ có 13,33% đục dưới bao sau.

3.6. Thị lực sau phẫu thuật 1 tháng

Bảng 3.13. Thị lực sau phẫu thuật 1 tháng

Mức thị lực	Số lượng	Tỷ lệ %
ĐNT < 3m	2	13,33
ĐNT 3m ≤ 1/10	4	26,67
≥ 1/10	9	60
Tổng số	15	100

Sau 1 tháng, thị lực bệnh nhân tăng đáng kể, nhóm >1/10 chiếm 60%.

3.7. Nhãn áp sau phẫu thuật

Bảng 3.15. Nhãn áp sau phẫu thuật

Nhãn áp	1 Tuần		1 tháng	
	Số lượng	%	Số lượng	%
< 22	13	86,67	14	93,33
≥ 22	2	13,33	1	6,67
Tổng số	15	100	15	100

Nhãn áp nhóm nghiên cứu không tăng, trước và sau phẫu thuật đa số đều trong giới hạn bình thường.

3.8. Tai biến và biến chứng của phẫu thuật

Bảng 3.17. Tai biến và biến chứng sau phẫu thuật

Tai biến	Số mắt	Tỷ lệ (%)
Phù giác mạc	4	26,67
Viêm màng bồ đào	3	20
Đục bao sau	5	33,33
Bong võng mạc	0	0

Phù giác mạc và đục bao sau gặp phải ở 60% bệnh nhân sau phẫu thuật, viêm màng bồ đào phản ứng sau phẫu thuật gặp ở 20% bệnh nhân, không có bệnh nhân nào bị bong võng mạc.

IV. KẾT LUẬN

1. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân có chỉ định treo kính nội nhãn cùng mạc không khâu.

Tỷ lệ gặp phải ở Nam và Nữ là tương đương nhau, nam chiếm 53,33%, nữ chiếm 47,67%. Đa số bệnh nhân nằm trong độ tuổi lao động 30 - 60 tuổi

(60%). Đa phần bệnh nhân vào viện với thị lực rất thấp, nhóm thị lực < 1/10 chiếm đến 86,67%, chỉ có 2 bệnh nhân - chiếm 13,33% có thị lực vào viện từ 3/10 trở lên. Nhãn áp trung bình khi vào viện của bệnh nhân là: $16,21 \pm 2,45$ mmHg và đa số bệnh nhân vào viện không có cao nhãn áp. Bệnh nhân vào viện chủ yếu đục thể thủy tinh dạng nhân, chiếm 54,34%. dạng đục vỏ chiếm 33,33% và chỉ có 13,33% đục dưới bao sau.

2. Đánh giá kết quả treo kính nội nhãn cùng mạc không khâu và các yếu tố liên quan.

Sau 1 tháng, thị lực bệnh nhân tăng đáng kể, nhóm > 1/10 chiếm 60% . Nhãn áp nhóm nghiên cứu không tăng, sau phẫu thuật 1 tuần có 86,67% và sau phẫu thuật 1 tháng có 93,33% bệnh nhân có nhãn áp trong giới hạn bình thường. Phù giác mạc và đục bao sau gặp phải ở 60% bệnh nhân sau phẫu thuật, viêm màng bồ đào phản ứng sau phẫu thuật gặp ở 20% bệnh nhân, không có bệnh nhân nào bị bong võng mạc.

Kết quả này cho thấy phương pháp cố định kính nội nhãn cùng mạc không khâu cho kết quả điều trị thị lực tốt cho các trường hợp đục thủy tinh thể do chấn thương, giúp cải thiện thị lực cho người bệnh./.

B.T.V.A, H.T.M.D, Đ.B.N

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ môn Mắt Đại Học Y Dược Huế (2007), Nhãn khoa, NXB Y Học, trang 117 - 149.

2. Phan Dẫn và cộng sự (2004), "Giác Mạc", "Thể thủy tinh", Nhãn khoa

Giản yếu, Tập I, NXB Y học, Hà Nội, tr. 146 - 149, 265 - 336.

3. Trần Thị Phương Thu, Phạm Thị Bích Thủy (2007), "Hiệu quả và tính an toàn của phẫu thuật phacoemulsification điều trị cận thị nặng", Tạp chí Y học T.P HCM - Tập 11 phụ bản số 3, trang 29-34.

Tiếng Anh

4. American Academy of Ophthalmology, Basic and Clinical Science Course, Section 3: Clinical Optics (2020 - 2021), pp. 113 - 114, 198 - 204.

5. Anshah John P, Victoria Koh (2018), "Projection of Eye Disease Burden in Singapore", Ann Acad Med Singapore 2018;47:13 - 28

6. Fuest Matthias., Niklas Plange (2021) "Intraocular lens power calculation for plus and minus lenses in high myopia using partial coherence interferometry", Int Ophthalmol.

7. Furino C. et al., (2021), Phacoemulsification Combined With Dexamethasone Intravitreal Implant Compared With Standard Phacoemulsification, RETINA 41:1102-1109, 2021.

8. Yu Hun-Ju,1,2 Ming-Tse Kuo (2021) "Clinical Characteristics of Presenile Cataract: Change over 10 Years in Southern Taiwan", Hindawi BioMed Research International Volume 2021, Article ID 9385293, 5 pages <https://doi.org/10.1155/2021/9385293>.

THẮP SÁNG ĐAM MÊ SÁNG TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO THẾ HỆ TRẺ QUẢNG TRỊ

Nguyễn Thị Vĩnh An

Trưởng Ban Thanh thiếu nhi trường học, Tỉnh Đoàn Quảng Trị

Được triển khai từ năm 2012 đến nay cuộc thi “Sáng tạo trẻ Quảng Trị” đã bước đến tuổi thứ 12, cuộc thi đã mang lại nhiều kết quả tích cực thắp lên ngọn lửa đam mê nghiên cứu sáng tạo cho thế hệ trẻ Quảng Trị, giúp các em nuôi dưỡng và thắp sáng ước mơ trở thành những nhà khoa học, chủ các doanh nghiệp trong tương lai.

Cuộc thi do Tỉnh Đoàn, Liên hiệp Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan khác tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức.

Điểm khác biệt của Quảng Trị so với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước là đã thành lập Ban Chỉ đạo cuộc thi do đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban, đại diện lãnh đạo các ngành liên



Đồng chí Phạm Xuân Khánh - Phó Bí thư Tỉnh Đoàn, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi trao 02 giải Nhì cho sản phẩm “Nền tảng phổ cập công nghệ cho giới trẻ - LIWL” của nhóm tác giả Đỗ Hoàn Gia Trí, Trần Thị Phương Nhi (Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn, TP. Đông Hà) và sản phẩm “Vui học trải nghiệm tích hợp với ChatGPT” của tác giả Thái Thành Công (Trường THCS Nguyễn Trãi, TP. Đông Hà). Ảnh: Nguyễn Thị Vĩnh An.

quan tham gia chỉ đạo triển khai, điều đó thể hiện sự quan tâm sâu sát của cấp ủy, chính quyền đối với công tác nghiên cứu, sáng tạo và tài năng trẻ.

Để cuộc thi lan tỏa thu hút sự tham gia của đông đảo thanh thiếu niên, nhi đồng, ngoài việc ban hành kế hoạch đến tận cơ sở, phân công trách nhiệm chỉ đạo theo dõi từng địa phương cho mỗi thành viên, Ban Chỉ đạo còn chỉ đạo các Liên đội, Đoàn Trường, cơ sở giáo dục tổ chức cuộc thi sáng tạo cấp trường, phân công cán bộ, giáo viên hướng dẫn học sinh lên ý tưởng, thiết kế sản phẩm và lựa chọn bài dự thi tiêu biểu tham gia vòng chung kết cấp huyện cấp tỉnh. Theo thống kê từ năm 2012 đến nay toàn tỉnh có 72.195 sản phẩm tham gia tập trung vào 5 nhóm lĩnh vực: đồ dùng học tập; phần mềm tin học; sản phẩm thân thiện với môi trường; dụng cụ sinh hoạt gia đình và đồ chơi trẻ em; các giải pháp kỹ thuật nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế.

Theo đồng chí Võ Thành Dung - Phó Tổng thư ký Liên hiệp Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị: đa số các sản phẩm, ý tưởng sáng tạo của đoàn viên thanh thiếu niên đều được xuất phát, lên ý tưởng từ thực tiễn trong cuộc sống, học tập của chính các em, bằng những sản phẩm sáng tạo này các em muốn tối ưu hóa việc học tập, vui chơi, sinh hoạt và phục vụ sản xuất. Càng về sau, các sản phẩm lại càng chất lượng hơn, nhất là trên lĩnh vực phần mềm tin học, các sản phẩm đã phản ánh sự kịp thời, nhanh nhạy của các em trong góp phần chuyển đổi số.

Là gương mặt quen thuộc trong các cuộc thi Tin học trẻ, Sáng tạo trẻ trong nhiều năm qua, Thái Thành Công - học sinh lớp 7, Trường THCS Nguyễn Trãi, TP. Đông Hà cho biết: là người đam mê lập trình, em mong muốn thử sức ở tất cả các sân chơi để học hỏi, trau dồi kỹ năng và quan trọng là cho mình những thử thách, kinh nghiệm, từ các cuộc thi đã giúp em chinh phục các mục tiêu trên con đường thực hiện ước mơ trở thành một lập trình viên giỏi. Năm 2023 ghi dấu lần đầu tiên đạt giải cao tại cuộc thi cấp tỉnh và tham gia cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng toàn quốc, đó là minh chứng cho những khát vọng sáng tạo, cố gắng không ngừng nghỉ của Thái Thành Công. Nói về sản phẩm “Vui học trắc nghiệm tích hợp với ChatGPT” Công chia sẻ “Em mong muốn bằng sản phẩm của mình sẽ giúp các bạn học sinh tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tư duy logic từ các ý kiến mà phần mềm đưa ra, đồng thời em hi vọng các bạn sẽ học cách khai thác, sử dụng ChatGPT hiệu quả, tích cực trong học tập”.

Từ kết quả trên cho thấy, Cuộc thi “Sáng tạo trẻ Quảng Trị” đã và đang khẳng định vị trí của một sân chơi bổ ích, trí tuệ và khoa học cho các bạn đoàn viên, thanh thiếu nhi, nơi các em học sinh không chỉ thỏa mãn niềm đam mê sáng tạo, mà còn gửi gắm ước mơ, khát vọng của bản thân trong mỗi sản phẩm. Đồng chí Phạm Xuân Khánh - Phó Bí thư Tỉnh Đoàn cho biết: Cuộc thi “Sáng tạo trẻ Quảng Trị” đã giúp các em học sinh có nhiều cơ hội để hình thành ý tưởng, để ước mơ. Sản phẩm của các

em tuy không thể hiện yêu cầu quá cao về công nghệ và kỹ thuật nhưng vấn đề ý tưởng luôn được nâng lên hàng đầu, nhiều sản phẩm sau khi hoàn thiện có thể ứng dụng vào thực tiễn đời sống cũng như phục vụ học tập, sinh hoạt. Cuộc thi không chỉ là sân chơi bổ ích, cơ hội cho học sinh giao lưu, học hỏi, kết bạn với những bạn bè có cùng niềm đam mê nghiên cứu khoa học mà còn

Qua cuộc thi đã giúp nhiều nhà trường, phụ huynh phát hiện năng khiếu, niềm đam mê nghiên cứu khoa học của học sinh từ đó có những định hướng, hỗ trợ cho tương lai của em, nhiều em còn nhận được sự động viên, cổ vũ nhiệt tình, sự hướng dẫn của gia đình, nhà trường, thầy, cô giáo để hoàn thành sản phẩm dự thi. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều mô hình, sản phẩm tham



Tổng thư ký Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Võ Thành Dung trao giải Ba cho các tác giả, nhóm tác giả đoạt giải. Ảnh: Nguyễn Thị Vĩnh An.

khơi dậy tính sáng tạo, rèn giũa tính kiên nhẫn, tiết kiệm; hướng các em có trách nhiệm đối với những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống hiện đại như: bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai, ứng dụng công nghệ thông tin vào sinh hoạt hằng ngày... qua đó, làm nền tảng cho hành trình chinh phục đỉnh cao trong nghiên cứu khoa học.

gia dự thi mang tính hình thức, chưa có sự đầu tư nghiêm túc, còn sao chép từ trên mạng, không có tính mới, tính sáng tạo; một số địa phương triển khai chưa thật sự sâu rộng và thường xuyên, chất lượng cuộc thi chưa cao, chưa đồng đều... Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng cuộc thi nói riêng, công tác đào tạo, phát triển tài năng khoa học nói chung.

Để cuộc thi thực sự là nơi thấp lửa đam mê sáng tạo cho thế hệ trẻ trong toàn tỉnh, trong thời gian tới các cấp bộ Đoàn - Đội cần đẩy mạnh phong trào tuổi trẻ sáng tạo, sáng tạo trong học tập, sinh hoạt, lao động để việc sáng tạo là việc làm thường xuyên, rèn luyện tư duy khám phá, chinh phục cái mới trong mỗi bạn trẻ. Bên cạnh đó cần sự chung tay vào cuộc của các ngành, các

tạo tham gia sân chơi trí tuệ bổ ích này để có cơ hội biến những ý tưởng sáng tạo thành mô hình, sản phẩm cụ thể đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống.

Có thể khẳng định, qua 12 năm tổ chức, cuộc thi đã trở thành một phong trào thường xuyên, ngày càng lan tỏa rộng rãi và thực sự trở thành nơi khơi dậy tiềm năng, phát huy tư duy sáng tạo



Em Thái Thành Công giới thiệu về phần mềm “Vui học trắc nghiệm tích hợp ChatGPT”.
Ảnh: Nguyễn Thị Vĩnh An.

địa phương trong việc tuyên truyền triển khai, hướng dẫn thanh thiếu niên, nhi đồng tham gia cuộc thi. Cùng với đó, các đơn vị cũng như các doanh nghiệp, các thầy, cô giáo, phụ huynh tiếp tục quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện khơi dậy niềm hăng say của các em trong thi đua học tập và thực hiện ý tưởng sáng

của thanh thiếu niên, nhi đồng trong tỉnh góp phần hình thành một thế hệ năng động, sáng tạo bản lĩnh đóng góp hiệu quả cho sự phát triển giàu mạnh của quê hương./.

N. T. V. A

ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CHẨN ĐOÁN BỆNH LÝ U VÚ CỦA SIÊU ÂM B-MODE VÀ SIÊU ÂM ĐÀN HỒI SÓNG BIẾN DẠNG NGANG SHEARWAVE ELASTOGRAPHY

ThS BS. Nguyễn Lê Dung, ThS BSKII. Phùng Hưng,
BS. Đoàn Xuân, CN. Nguyễn Thị Cẩm Giang

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh lý u vú là một nhóm bệnh có tỷ lệ mắc khá cao ở phụ nữ, được chia thành hai nhóm: U lành tính và u ác tính. Ung thư vú hiện là bệnh lý có tỷ lệ mắc mới hàng đầu trên thế giới với gần 2,3 triệu ca, chiếm 11,7% tất cả các loại ung thư theo báo cáo của Tổ chức y tế thế giới năm 2020. Đây cũng là nguyên

nhân gây tử vong hàng đầu do ung thư ở phụ nữ tại đại đa số các quốc gia trên thế giới với tỷ lệ tử vong trung bình là 6,9% [2]. Năm 2020, Việt Nam ghi nhận hơn 21000 ca mắc mới và hơn 9300 ca tử vong do ung thư vú [10].

Nhiều kỹ thuật sàng lọc được phát triển cùng với các phương pháp chẩn đoán, điều trị mới hiệu quả và an toàn



Siêu âm vú dùng đầu dò đưa sóng âm vào để thu thập hình ảnh mô vú.
Ảnh: Nguyễn Lê Dung

hơn ngày càng được triển khai rộng rãi. Trong đó, siêu âm b-mode từ lâu đã là một phương pháp có giá trị cao trong chẩn đoán bệnh lý u vú, đã được áp dụng rộng rãi và được Hội Điện quang Hoa Kỳ (American College of Radiology - ACR) đưa vào “Hệ thống dữ liệu và báo cáo kết quả chẩn đoán hình ảnh tuyến vú” (Breast imaging report and data system – BIRADS). Theo phân loại này, các tổn thương BIRADS 3 có $\leq 2\%$ nguy cơ ác tính nên cần được theo dõi ngắn hạn, còn tổn thương BIRADS 4,5 có nguy cơ ác tính cao hơn thì cần phải sinh thiết [7]. Vì vậy, việc phân độ chính xác tổn thương sẽ mang lại lợi ích lớn đối với người bệnh, cũng như định hướng xử trí đúng đắn hơn cho bác sĩ lâm sàng.

Siêu âm đàn hồi mô vú, là một kỹ thuật khá mới, không xâm lấn được dùng để đánh giá độ cứng của mô, mô càng ác tính thì độ cứng càng cao. Có hai loại là siêu âm đàn hồi nén (Strain elastography-SE) hay siêu âm đàn hồi định tính và siêu âm đàn hồi sóng biến dạng ngang (Shear wave elastography-SWE) hay siêu âm đàn hồi định lượng. Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã cho thấy cả hai kỹ thuật siêu âm đàn hồi đều có giá trị cao trong chẩn đoán phân biệt giữa u lành tính và u ác tính, khi kết hợp với siêu âm b-mode sẽ đưa ra phân loại BIRADS chính xác hơn [4], [6]. Do đó, có thể hạn chế chỉ định sinh thiết không cần thiết cho bệnh nhân và chỉ ra điểm sinh thiết phù hợp nhất.

Hiện nay, siêu âm đàn hồi đã được ứng dụng tại một số trung tâm và bệnh viện lớn nhưng các đề tài nghiên cứu



Siêu âm vú dùng đầu dò đưa sóng âm vào để thu thập hình ảnh mô vú. Ảnh: Nguyễn Lê Dung

về giá trị của siêu âm đàn hồi trong nước còn chưa nhiều và chưa có giá trị ngưỡng thống nhất của các chỉ số đàn hồi giữa các nghiên cứu. Bên cạnh đó, kỹ thuật này vẫn chưa được ứng dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, do đó chúng tôi muốn thực hiện nghiên cứu này nhằm mục tiêu tìm giá trị chẩn đoán u vú của siêu âm b-mode và siêu âm đàn hồi sóng biến dạng ngang.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị trong thời gian từ 04/2022 - 11/2022.

Tiêu chuẩn lựa chọn bệnh nhân

- Tất cả bệnh nhân đi khám phát hiện có khối u vú được xếp loại BIRADS 3, 4, 5 trên siêu âm B-mode.

- Có đầy đủ kết quả khám lâm sàng, siêu âm B-mode, siêu âm đàn hồi SWE, giải phẫu bệnh khối u vú.

Tiêu chuẩn loại trừ: bệnh nhân đã có can thiệp phẫu thuật hoặc thẩm mỹ vùng ngực.

2.2. Quy trình, phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng máy siêu âm Acuson S2000 của hãng Siemens, đầu dò Linear tần số 6-12 MHz với phần mềm đo SWE được cài đặt sẵn trong máy. Các bệnh nhân được phân loại từ BIRADS 3 trở lên sau khi siêu âm b-mode sẽ được làm siêu âm đàn hồi mô sóng biến dạng. Đánh giá độ cứng tổn thương bằng vận tốc sóng biến dạng (m/s), từ đó đưa ra phân loại cuối cùng. Các tổn thương sau đó được chọc hút bằng kim nhỏ hoặc làm giải phẫu bệnh sau mổ.

Kỹ thuật siêu âm b-mode và SWE được thực hiện bởi 1 bác sĩ có chứng chỉ chẩn đoán hình ảnh. Kết quả giải phẫu bệnh được thực hiện bởi các bác

sĩ chuyên khoa giải phẫu bệnh.

Các biến số phân tích gồm: đặc điểm chung của bệnh nhân (tuổi, lý do đến khám), kết quả giải phẫu bệnh, chỉ số siêu âm đàn hồi mô vú (vận tốc sóng biến dạng (m/s)).

Thống kê và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0. Sử dụng kết quả giải phẫu bệnh là tiêu chuẩn tham chiếu để tính độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác của siêu âm đàn hồi trong chẩn đoán các tổn thương vú với chỉ số ngưỡng được tìm ra bằng cách vẽ đường cong ROC cho vận tốc sóng biến dạng.

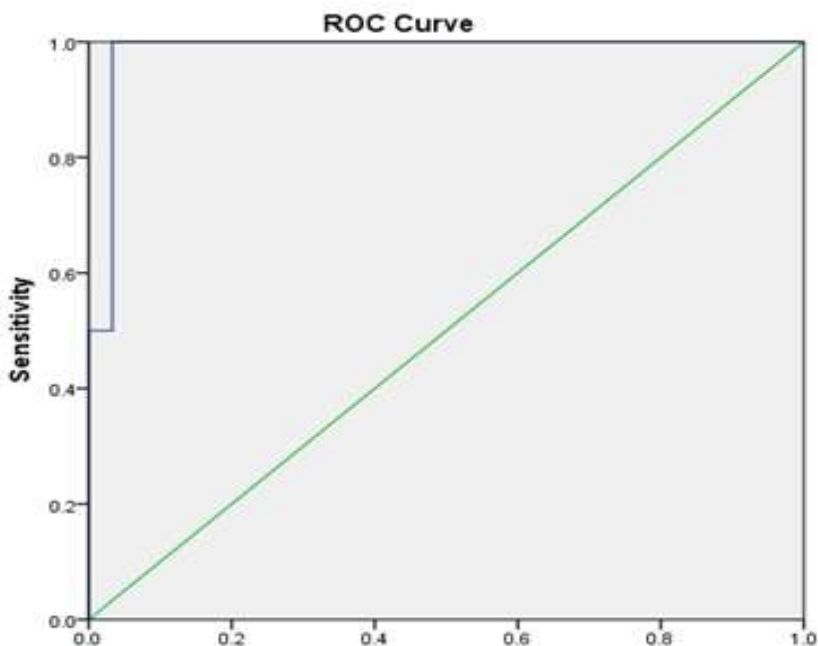
III. KẾT QUẢ

Kết quả nghiên cứu đã thu thập được 38 bệnh nhân có tổn thương ở vú được đánh giá trên siêu âm b-mode và siêu âm đàn hồi mô, trong đó có 30 trường hợp lành tính, 8 trường hợp ác tính.

Tuổi trung bình của các bệnh nhân là $41,8 \pm 2,6$ tuổi, người ít tuổi nhất là 17 và lớn nhất là 68 tuổi, nhóm < 40 tuổi chiếm đa số (52,6%), bệnh nhân ung thư vú trẻ nhất là 54 tuổi. Lý do vào viện của phần lớn bệnh nhân là sờ thấy khối u (55,3%).

Bảng 1. Giá trị trung bình vận tốc sóng biến dạng của tổn thương lành tính và ác tính

Giải phẫu bệnh	Lành tính (n=30)	Ác tính (n=8)	p
Giá trị trung bình vận tốc sóng biến dạng (m/s)	$2,1 \pm 0,8$	$5,6 \pm 0,5$	< 0,001



Diện tích dưới đường cong ROC là 0,983 với $p = 0,000$

Giá trị trung bình vận tốc sóng biến dạng của nhóm lành tính là 2,1 với độ lệch chuẩn 0,8 m/s, đối với nhóm ác tính là 5,6 với độ lệch chuẩn 0,5 m/s, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$). Giá trị cut-off cho phương pháp đo độ cứng của tổn thương bằng vận tốc sóng biến dạng là 3,55 m/s với độ nhạy 100% và độ đặc hiệu 96,7%.

Biểu đồ 1. Vận tốc sóng biến dạng trong chẩn đoán u vú.

Bảng 2. Phân loại BIRADS trên siêu âm b-mode kết hợp siêu âm đàn hồi đối chiếu với kết quả giải phẫu bệnh

		Lành tính	Ác tính	Tổng
Siêu âm b-mode	BIRADS 3	23	0	23
	BIRADS 4, 5	7	8	15
Siêu âm b-mode + SWE	BIRADS 3	29	0	29
	BIRADS 4, 5	1	8	9

Bảng 3. Giá trị của siêu âm B-mode và siêu âm đàn hồi SWE trong chẩn đoán u vú

Phương pháp	Độ nhạy	Độ đặc hiệu	Acc
B-mode	100,0%	76,7%	81,5%
B-mode + SWE	100,0%	96,7%	97,4%

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi có 30 bệnh nhân là tổn thương lành tính và

8 bệnh nhân ung thư, trong đó có 28 trường hợp được chẩn đoán bằng mô bệnh học sau mổ và 10 trường hợp

được chẩn đoán bằng chọc hút kim nhỏ. Giá trị vận tốc trung bình của sóng biến dạng của nhóm lành tính là $2,1 \pm 0,8$ m/s và của nhóm ác tính là $5,6 \pm 0,5$ m/s, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$. Qua đó có thể thấy, tổn thương ác tính có xu hướng cứng hơn tổn thương lành tính.

Nghiên cứu chỉ ra diện tích dưới đường cong ROC là 0,983 với $p = 0,000$, ngưỡng cắt 3,55 m/s có độ nhạy và độ đặc hiệu 100% và 96,7%, giá trị tiên đoán dương là 100%, giá trị tiên đoán âm 96,7% và độ chính xác là 97,4%. Kết quả này khá tương đồng với nghiên cứu của tác giả Li với ngưỡng cắt cho vận tốc sóng biến dạng là 3,49 m/s có độ nhạy, độ đặc hiệu là 87,2% và 82,6%, diện tích dưới đường cong ROC là 0,907 [5]. Nghiên cứu của Tozaki và cộng sự cũng cho ra kết quả khá tương đồng kết quả nghiên cứu hiện tại với cut-off của vận tốc sóng biến dạng là 3,3 m/s (độ nhạy 91%, độ đặc hiệu 80,6%) [9]. Nghiên cứu của tác giả Jasmine thì lại cho thấy vận tốc sóng biến dạng trung bình của các tổn thương lành tính là 3,9 m/s và ác tính là 5,9 m/s, diện tích dưới đường cong ROC là 0,873 và ngưỡng cắt mà tác giả đưa ra là 4,2 m/s (độ nhạy 90,9%, độ đặc hiệu 66,7%) [1], cao hơn so với nghiên cứu hiện tại.

Nhóm nghiên cứu nhận thấy tuy chưa có một số liệu tuyệt đối về giá trị ngưỡng giúp phân biệt u lành hay ác trên siêu âm b-mode lẫn siêu âm đàn hồi. Mỗi tác giả, mỗi nghiên cứu sẽ tính toán ra những giá trị ngưỡng của vận tốc sóng biến dạng khác nhau, sự khác biệt này có thể được lý giải do sự khác biệt về quần thể nghiên cứu và thông số

của máy siêu âm. Điểm chung của các nghiên cứu là đều cho thấy giá trị chẩn đoán phân biệt giữa lành tính và ác tính của phương pháp đo vận tốc sóng biến dạng là rất cao.

Theo thang điểm BIRADS, các tổn thương lành tính được phân loại BIRADS 3, các tổn thương ác tính được phân loại BIRADS 4,5. SWE kết hợp với b-mode thì có 6 trường hợp BIRADS 4 được hạ bậc thành BIRADS 3, khi đối chiếu với giải phẫu bệnh cho kết quả phù hợp. Từ đó, chúng tôi tính được độ nhạy, độ đặc hiệu của siêu âm b-mode là 100% và 76,7%, còn khi b-mode kết hợp SWE thì độ nhạy, độ đặc hiệu lần lượt là 100% và 96,7%. Kết quả này cho thấy siêu âm đàn hồi SWE làm tăng độ đặc hiệu cho siêu âm chẩn đoán u vú mà không làm thay đổi độ nhạy.

Điểm này tương đồng với nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước, như tác giả Nguyễn Thị Huyền khi nghiên cứu sự kết hợp của siêu âm b-mode với các chỉ số khác nhau của siêu âm đàn hồi thì cho thấy chỉ số độ cứng đem lại hiệu quả chẩn đoán cao nhất với độ nhạy, độ đặc hiệu của siêu âm b-mode là 97,4% và 53,3%, khi kết hợp với đo độ cứng tổn thương thì độ nhạy và độ đặc hiệu đều tăng lên 100% và 91,1% [1]. Hay như trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Thảo, siêu âm đàn hồi làm tăng độ đặc hiệu trong chẩn đoán từ 29,7% trên B-mode lên 67,6% trong khi không làm thay đổi độ nhạy [3]. Tác giả Thomas báo cáo độ nhạy, độ đặc hiệu của B-mode là 96% và 56%, còn độ nhạy độ đặc hiệu của siêu âm đàn hồi là 81% và 89% [8]. Nghiên cứu trên 939 bệnh nhân của Berg cho biết

siêu âm đàn hồi giúp tăng độ đặc hiệu trong chẩn đoán từ 61,1% lên 78,5% [4]. Qua đó có thể thấy, siêu âm đàn hồi có giá trị hữu ích trong chẩn đoán u vú và điều quan trọng là cần phối hợp tốt siêu âm b-mode và siêu âm đàn hồi để cho ra phân loại BIRADS chính xác hơn, làm tăng độ đặc hiệu cho chẩn đoán.

V. KẾT LUẬN

Siêu âm đàn hồi mô vú là một kỹ thuật có giá trị cao trong chẩn đoán phân biệt các tổn thương lành tính và ác tính ở vú. Siêu âm đàn hồi sóng biến dạng kết hợp siêu âm b-mode làm tăng độ chính xác của chẩn đoán từ 81,5% lên 97,4%. Giá trị của siêu âm đàn hồi là giúp phân loại BIRADS các tổn thương một cách chính xác hơn, từ đó tránh được việc sinh thiết không cần thiết hoặc bỏ sót tổn thương./.

N.L.D, PH, Đ.X, N.T.C.G

Tài liệu tham khảo

1. Jasmine Thanh Xuân, Phan Thanh Hải (2020), Nghiên cứu so sánh siêu âm đàn hồi Strain Elastography (SE) so với Shearwave Elastography (SWE) trong bệnh lý u vú nữ tại MEDIC TPHCM 2019, Điện quang Việt Nam, 37.
2. Phí Ích Nghị, Võ Tấn Đức (2009), Hình ảnh học tuyến vú và tầm soát ung thư vú, Nhà xuất bản Y học.
3. Nguyễn Thị Thu Thảo, Lưu Hồng Nhung (2018), Nghiên cứu giá trị chẩn đoán ung thư vú của siêu âm mode b và siêu âm đàn hồi mô - Strain Elastography, Điện quang Việt Nam, 32.
4. Berg W.A. and Cosgrove D.O. (2012), Shear-wave Elastography Improves the Specificity of Breast US: The BE1 Multinational Study of 939 Masses. *Radiology*, 262(2), 346 - 362.
5. Li X.L., Xu H.X., Bo X.W., et al. (2016), Value of Virtual Touch Tissue Imaging Quantification for Evaluation of Ultrasound Breast Imaging-Reporting and Data System Category 4 Lesions, *Ultrasound in Medicine and Biology*, 42(9), 2050 - 2057.
6. Sadigh G., Carlos R.C., Neal C.H., et al. (2012), Accuracy of quantitative ultrasound elastography for differentiation of malignant and benign breast abnormalities: A meta-analysis, *Breast Cancer Research and Treatment*, 134(3), 923 - 931.
7. Sickles E.A., Appleton C.M., Burnside E.S., et al. (2013), Breast imaging reporting and data system (BI-RADS) Atlas- Ultrasound 5th edn, American College of Radiology BI-RADS-Atlas, 121 - 132.
8. Thomas A., Degenhardt F., Farrokh A., et al. (2010), Significant Differentiation of Focal Breast Lesions. Calculation of Strain Ratio in Breast Sonoelastography, *Academic Radiology*, 17(5), 558-563.
9. Tozaki M., Isobe S., and Sakamoto M. (2012), Combination of elastography and tissue quantification using the acoustic radiation force impulse (ARFI) technology for differential diagnosis of breast masses, *Japanese Journal of Radiology*, 30(8), 659 - 670.
10. WHO (2021), Globocan 2020: Viet Nam, The Global Cancer Observatory, 418.

CHUỐI TIÊU HỒNG CÂY TRỒNG MỚI TRÊN VÙNG CAO BIÊN GIỚI

Lê Thị Tú

Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị

Với diện tích mô hình sản xuất thử nghiệm của đề tài 01 ha, hộ gia đình anh Hồ Văn Tia ở thôn A Ngo, xã A Ngo, huyện ĐaKrông nhờ trồng chuối Tiêu hồng đã thu hoạch đạt năng suất bình quân 40 tấn/ha, cho lợi nhuận trung bình từ 80 đến hơn 100 triệu đồng/ha/vụ, cao hơn nhiều so với các loại cây trồng khác.



Hội đồng KH&CN kiểm tra định kỳ tình hình triển khai thực hiện đề tài KH&CN cấp cơ sở: “Nghiên cứu hoàn thiện quy trình thâm canh chuối Tiêu hồng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại huyện ĐaKrông, tỉnh Quảng Trị”. Ảnh: Ảnh Ngọc.

Đến với vùng đất A Ngo những ngày đầu tháng 5 năm 2021, khi chúng tôi đi khảo sát thực địa để chọn điểm thực hiện đề tài khoa học về thâm canh cây chuối Tiêu hồng với mục đích đưa giống chuối

mới vào canh tác bên cạnh giống chuối lùn bản địa và tìm ra quy trình canh tác phù hợp nhất, giúp người dân thay đổi phương thức trồng truyền thống tự phát sang trồng thâm canh có quy mô, có quy trình, có chăm sóc đầu tư để tăng năng

suất, hiệu quả, giá trị, tăng thu nhập từ chính cây chuối là cây trồng quen thuộc có từ lâu đời ở địa phương. Đề tài “*Nghiên cứu hoàn thiện quy trình thâm canh chuối Tiêu hồng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại huyện ĐaKrông, tỉnh Quảng Trị*” đã triển khai thực hiện việc điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng tại 5 xã A Ngo, A Vao, A Bung, Tà Rụt và Mò Ó với tổng số 100 hộ được điều tra. Các chỉ tiêu khảo sát gồm tình hình canh tác cây chuối của hộ, diện tích trồng chuối, thời vụ, tập quán canh tác về mật độ, bón phân, chăm sóc, ... Qua kết quả điều tra, khảo sát thực tế cuối cùng chúng tôi chọn được hộ anh Hồ Văn Tia, là hộ gia đình người dân tộc Pa cô có đủ các điều kiện tham gia đề tài, hiện trạng có diện tích đất vườn đồi ven sông 01 ha đang trồng một số cây màu như ngô, sắn, chuối.

Từ trước đến nay người dân ở đây đã trồng chuối, có thu nhập nhưng cách trồng của hộ anh Tia và các hộ đồng bào ở đây theo kiểu “nhờ trời”, không chăm sóc, không bón phân, không tỉa cây con mà để các chồi phát triển thành bụi, năng suất thấp, buồng ngắn, ít nải... Nói chung việc ứng dụng kỹ thuật vào sản xuất canh tác cây chuối còn rất nhiều hạn chế. Phần lớn là chuối lùn bản địa, năm sau lấy chồi lại từ cây mẹ không được lựa chọn kỹ càng, sâu bệnh nhiều, chất lượng giảm sút và dần bị thoái hóa, chưa tương xứng với tiềm năng đất đai và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm bản địa của người dân.

Để thực hiện được các nội dung của đề tài về 2 yếu tố thí nghiệm là mật độ và phân bón, nhóm nghiên cứu đã thiết kế lô trồng, phân ô, chia thửa thành 9 công thức được bố trí ngẫu nhiên, trong đó các công thức phân bón

220N:60P2O5:440K2O; 240N:65P2O5:480K2O;260N:70P2O5:520K2O (N, P, K là đạm, lân, kali nguyên chất) tính cho mỗi gốc/năm được bố trí trên nền của 3 mật độ 2.000, 2.500, 2.778 cây/ha. Tổng diện tích 01 ha kể cả ô bảo vệ và đường biên phân ô. Sau đó hướng dẫn hộ gia đình rào xung quanh lô trồng để bảo vệ vườn cây.

Trần trở từ việc đưa giống chuối nào để thực hiện phù hợp với vùng đất vốn xưa nay cây chuối lùn đã là cây đặc sản, bản địa của người dân nơi đây. Để chính quyền địa phương đồng thuận, để người dân chấp nhận, chúng tôi mang quyết tâm cao đưa giống chuối mới vào thử nghiệm để lần đầu tiên cây chuối Tiêu hồng nuôi cấy mô được bén rễ trên đất A Ngo. Với hy vọng về một bức tranh phủ xanh một màu xanh của cây chuối, được đi dưới những hàng chuối cao đều thẳng tắp, những buồng chuối dài nặng cây trĩu quả và tiếng cười của bà con miền sơn cước, chúng tôi bắt đầu hướng dẫn hộ gia đình thực hiện với phương châm bắt tay chỉ việc từ những công việc cơ bản nhất như đào hố, bón phân, chăm sóc, thu hoạch...

Lần đầu đưa giống chuối nuôi cấy mô vào thực hiện, hộ gia đình anh Tia ngỡ ngàng vì lâu nay anh vốn quen với kiểu trồng chuối bằng cây con cao khoảng 1m. Chưa từng thấy cây chuối mà theo anh nói nhỏ bằng chiếc đũa, cao bằng gang tay có thể trồng được. E ngại, chần chừ vì giống chuối không những mới mà còn nhỏ, thế nhưng anh cũng thử một lần mạnh dạn thực hiện cùng sự hướng dẫn sát sao của đội ngũ cán bộ Trung tâm Khuyến nông tỉnh, đơn vị chủ trì thực hiện đề tài này.

Với ưu điểm của giống chuối nuôi cấy mô là cây đồng đều, sạch bệnh,

thời gian sinh trưởng ngắn, sau 11 - 13 tháng trồng là cho thu hoạch, năng suất cao hơn so với các giống chuối thông thường, đạt yêu cầu cây giống khi xuất vườn theo tiêu chuẩn 10 TCN 530:2002, chiều cao 25 - 35cm, đường kính thân 10 - 15mm, 4 - 7 lá thật, được cung ứng từ Viện Khoa học kỹ thuật Bắc Trung Bộ và xuống giống trồng mới vào tháng 11 năm 2021.

Qua quá trình theo dõi, cây chuối Tiêu hồng nuôi cấy mô đã thể hiện được đặc tính của giống, sinh trưởng và phát triển rất mạnh, thân cây to, khỏe, cứng cáp, lá dày, ít sâu bệnh hại. Sau gần 8 tháng trồng đã trở buồng và hơn 3 tháng sau khi trở cho thu hoạch, thời gian từ

trồng đến thu hoạch vụ đầu tiên hơn 11 tháng ở công thức mật độ 2.000 cây/ha, năng suất 43,5 tấn/ha và 12,5 tháng ở công thức 2.778 cây/ha, năng suất 35 tấn/ha. Điều này chứng tỏ, mật độ cây trồng ảnh hưởng rất nhiều đến sinh trưởng phát triển, thời gian thu hoạch và đặc biệt là năng suất cây chuối. Trong đó, mật độ thưa 2.000 cây/ha (khoảng cách hàng - hàng 2,5m; cây - cây 2m) thể hiện được sự ưu việt về cả mặt sinh trưởng và năng suất thu được.

Thu hoạch bình quân toàn vườn năng suất đạt 40 tấn/ha, giá bán từ 3.000 - 4.000 đồng/kg, sau khi trừ chi phí cho lợi nhuận khoảng hơn 80 triệu đồng/ha, anh Tia không khỏi vui mừng



Qua quá trình theo dõi, cây chuối Tiêu hồng nuôi cấy mô đã thể hiện được đặc tính của giống, sinh trưởng và phát triển rất mạnh, thân cây to, khỏe, cứng cáp, lá dày, ít sâu bệnh hại. Ảnh: Ảnh Ngọc.

phần khởi vì kết quả đạt được và vẫn chưa hết ngỡ ngàng vì sự sinh trưởng mạnh mẽ của cây chuối mà anh chứng kiến trong quá trình chăm sóc. Thời gian cho thu hoạch nhanh, năng suất lại cao, anh Tia cho hay: “Trước đây trên mảnh vườn này gia đình tôi trồng vài luống ngô luống sắn xen ít bụi chuối ở góc vườn, còn lại đất bỏ hoang. Trồng chuối ở trên đồi thì năng suất rất thấp, 1 năm rưỡi có khi 2 năm mới thu hoạch. Nay có mô hình của Trung tâm Khuyến nông hỗ trợ cây giống, phân bón và hướng dẫn nên gia đình đã biết cách trồng, chuối nhanh phát triển, nhanh cho trái, chỉ sau trồng 1 năm đã cho thu hoạch, buồng dài, quả to, sạch, đẹp, gia đình rất phấn khởi vì từ nay trở đi đã biết cách trồng chuối để có thu nhập trang trải cuộc sống”.

Chuối Tiêu hồng giống nuôi cấy mô không những cho năng suất cao, đồng đều mà còn có mẫu mã quả đẹp, khi chín hoàn toàn quả vàng cuống xanh, có thời gian bảo quản dài hơn các giống chuối khác. Quả thơm ngon, không quá ngọt đậm. Test mẫu kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm trong quả chuối chín các chỉ tiêu về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng như: chì Pb, Cadimi Cd, các vi sinh vật Ecoli, Salmonella đều ở mức an toàn.

Cũng trong năm đầu tiên, Trung tâm Khuyến nông tỉnh đã phối hợp Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo thuộc Sở Khoa học và Công nghệ trong việc tiến hành lấy mẫu giống chuối Tiêu hồng ở mô hình thử nghiệm của đề tài này làm vật liệu đầu dòng cho công tác nuôi cấy mô của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị. Cây được chọn lấy mẫu là những chồi con có chiều cao không quá 1 m, cây khỏe,

không bị sâu bệnh. Đây là cơ sở để tiến tới chủ động sản xuất và cung ứng tại chỗ giống chuối tiêu hồng nuôi cấy mô trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu về giống cho nông dân trong và ngoài địa bàn huyện Đakrông.

Cây chuối tiếp tục phát triển tốt ở vụ thứ hai, các chỉ tiêu về sinh trưởng và năng suất cũng tập trung ở công thức mật độ 2.000 cây/ha, chiều cao cây từ 2,2 - 2,9m, số lá 7 - 11 lá/cây, 8 - 11 nải/buồng... Vườn cây về cơ bản không có đối tượng sâu bệnh hại nguy hiểm. Năng suất trung bình tương đương vụ thứ nhất đạt 40 tấn/ha, cao nhất là 43 tấn/ha ở công thức mật độ 2.000 cây/ha (2,5m x 2m), phân bón 240N:65P2O5:480K2O (tức là 520g ure + 406 g Lân supe + 800g kaliclorua) tính cho 1 gốc/năm.

Cũng như vụ thứ nhất công tác chống đỡ, bao buồng chuối được gia đình nghiêm túc thực hiện. Chống đỡ cây chuối Tiêu hồng bằng cọc tre từ sớm nên đã hạn chế được mức thấp nhất thiệt hại trong thời tiết mưa gió trong hai năm thực hiện mô hình. Sử dụng túi nilon để bao buồng chuối giúp bảo vệ và hạn chế sâu bệnh, tuy nhiên cần phải bao buồng sớm khi quả bắt đầu cong lên sẽ giảm thiệt hại từ sâu hại, nhất là sâu gặm vỏ làm ảnh hưởng đến mẫu mã quả chuối.

Ở vụ thứ 2, năng suất tương đương vụ thứ nhất, nhưng giá trị và hiệu quả kinh tế cao hơn do vụ thứ 2 không tốn chi phí mua giống, cây con phát triển từ chồi của cây mẹ ở vụ 1, vì vậy lợi nhuận hộ gia đình thu được đạt hơn 100 triệu đồng/ha, cao hơn vụ thứ nhất.

Quá trình thực hiện 2 năm có nhiều thuận lợi, nhưng cũng không ít khó

khăn, thử thách: mô hình thực hiện ở địa bàn miền núi và triển khai trong giai đoạn cao điểm của dịch bệnh Covid-19, rất khó khăn trong việc di chuyển đi lại, thiết kế lô trồng, cung cấp vật tư, giống. Theo lịch thời vụ dự kiến trồng tháng 10/2021 nhưng lô giống bị hủy, do lệnh cấm lưu thông phương tiện từ Chỉ thị 16 về giãn cách xã hội của đợt đại dịch. Trung tâm Khuyến nông phải đặt hàng toàn bộ lô giống mới để triển khai thực hiện kịp mùa vụ vào giữa tháng 11/2021. Năm 2022, ảnh hưởng của bão Noru gây mưa to, gió lớn làm cho một số cây bị nghiêng, đổ. Tuy nhiên nhờ làm tốt công tác bảo vệ, chống đổ bằng cọc tre nên đã hạn chế rất nhiều tình hình thiệt hại trước ảnh hưởng của gió bão. Bên cạnh đó giá chuối xuống thấp so với các năm trước, chỉ 3.000 đồng/kg, trong khi những năm trước 5.000 - 6.000 đồng/kg làm ảnh hưởng đến tâm lý e ngại đầu tư của bà con. Tuy nhiên, nhờ thực hiện theo quy trình nên năng suất đạt cao, trung bình khoảng 40 tấn/ha, cho lợi nhuận cao hơn so với các loại cây trồng khác trên cùng đơn vị diện tích.

Vượt qua những khó khăn, thử thách, với những kết quả, thành công được ghi nhận từ những đợt kiểm tra của các Sở ban ngành, trong đó đơn vị quản lý đề tài là Sở Khoa học và Công nghệ đã đánh giá cao về hiệu quả của đề tài. Ông Trần Ngọc Lâm - Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị cho biết: Đến thời điểm hiện tại có thể khẳng định mô hình sản xuất chuối Tiêu hồng nuôi cấy mô ở xã A Ngo rất thành công, các thông số kỹ thuật đều đạt và vượt chỉ tiêu. Thời gian tới, Sở Khoa học Công nghệ sẽ phối hợp với Trung tâm Khuyến nông và địa phương để hỗ trợ nhân rộng mô hình.

Mô hình không những thành công về mặt hiệu quả kinh tế mà còn thành công về mặt xã hội. Minh chứng từ việc tìm đến vườn cây tham quan học hỏi của bà con và cán bộ địa phương trong và ngoài vùng để nhân rộng mô hình. Họ được tận mắt chứng kiến kết quả, nhìn thấy cách làm khoa học, bài bản đúng quy trình chăm sóc mà cán bộ Khuyến nông hướng dẫn đã đem lại hiệu quả, thu nhập thực sự. Một số hộ ở huyện Vĩnh Linh xa xôi qua phương tiện truyền thông đã nắm bắt được thông tin hiệu quả của mô hình và lặn lội cả trăm cây số lên tận vườn tham quan, tự mua giống từ chồi con về để trồng thử nghiệm.

Ông Trần Cẩm - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị cho biết: “Đề tài thực hiện đúng tiến độ, cây chuối Tiêu hồng nuôi cấy mô có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt và năng suất cao đã cho thấy sự phù hợp và thích nghi với khí hậu, thổ nhưỡng ở đây. Trên cơ sở kết quả mô hình thử nghiệm của đề tài đạt được, Trung tâm Khuyến nông sẽ hoàn thiện quy trình kỹ thuật trình Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành để áp dụng vào sản xuất trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới”.

Cây chuối Tiêu hồng giống nuôi cấy mô lần đầu tiên bén rễ trên đất xã A Ngo, huyện Đakrông và đã ở lại với bà con nơi đây, trở thành cây trồng mới đem lại hiệu quả cao, góp phần tăng thu nhập kinh tế hộ gia đình của cộng đồng người đồng bào dân tộc thiểu số trên vùng biên giới./.

L.T.T

Kỷ niệm 465 năm Đoàn Quân Công Nguyễn Hoàng dựng nghiệp trên đất Ái Tử - Quảng Trị (1558 - 2023)

PHÁC THẢO QUY HOẠCH BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH DINH CHÚA NGUYỄN VÀO HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

Lê Đức Thọ

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Trị

Hiện nay, các dấu tích mang dấu ấn lịch sử thời chúa Nguyễn (1558 - 1626) trên đất Triệu Phong (thuộc thị trấn Ái Tử, xã Triệu Ái, xã Triệu Giang) còn lại hết sức mờ nhạt. Hầu hết các địa điểm di tích liên quan đều trở thành đất canh tác, đất thổ cư của nhân dân. Các yếu tố mang thuộc tính gốc của di tích đa phần chỉ là các địa điểm lưu niệm lịch sử hoặc tồn tại dưới dạng những dữ liệu khảo cổ tiềm ẩn dưới lòng đất. Vì thế, mục tiêu quy hoạch là bảo tồn, tu bổ, phục hồi các yếu tố mang thuộc tính lịch sử gốc của di tích; tạo ra một không gian lưu niệm lịch sử nhằm tôn vinh, tưởng niệm về thời kỳ lịch sử các chúa Nguyễn; tạo ra một khu du lịch mang tính chất lịch sử - văn hóa tâm linh mới để kết nối với những di tích lịch sử văn hóa hiện có ở vùng phụ cận phục vụ cho việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, nghiên cứu khoa học, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Triệu Phong nói riêng và tỉnh Quảng Trị nói chung.



Hội thảo Khoa học “Hệ thống di tích Chúa Nguyễn tại huyện Triệu Phong - Những giá trị lịch sử, văn hóa và định hướng bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản”. Ảnh: Ảnh Ngọc.

1. Quan điểm và phân vùng quy hoạch

Quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích quốc gia “Các địa điểm liên quan đến dinh chúa Nguyễn (1558 - 1626)” tại xã Triệu Ái, xã Triệu Giang, thị trấn Ái Tử là quy hoạch định hướng cho công tác bảo tồn, sử dụng, khai thác và phát huy giá

tích trong vùng lõi với nhau; giữa các di tích vùng lõi với các di tích vùng đệm và giữa vùng lõi, vùng đệm với vùng ngoại biên để tạo thuận lợi trong lộ trình tuor, tuyến du lịch, tham quan.

Vùng lõi là vùng đất đai đã khoanh vùng bảo vệ và vùng liền kề với vùng đất đai đã khoanh vùng bảo vệ thuộc 2 di tích:



Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Văn hóa - Thể thao và Du lịch và Chủ tịch UBND huyện Triệu Phong đồng chủ trì Hội thảo Khoa học “Hệ thống di tích Chúa Nguyễn tại huyện Triệu Phong - Những giá trị lịch sử, văn hóa và định hướng bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản”. Ảnh: Ảnh Ngọc.

trị di tích phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là hoạt động du lịch. Vì thế, quy hoạch cần được thiết lập trên cơ sở phân thành 3 vùng: vùng lõi - vùng đệm và vùng ngoại biên/liền kết/lan tỏa. Cả 3 không gian này được nối kết để tạo ra một chỉnh thể thống nhất, không tách rời bằng việc kết nối giữa các di

Dinh Ái Tử: địa điểm lưu niệm sự kiện Nguyễn Hoàng đóng doanh/dinh trại đầu tiên (Tức khu vực Cồn Kho và khu vực đất đai của Chợ Hòm) từ 1558 - 1570.

Dinh Trà Bát và Dinh Cát: địa điểm tồn tại dấu tích của Phủ Thờ - nơi đặt dinh Trà Bát năm 1570 - 1600 và địa

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

điểm tồn tại của la thành (bên trong có chùa Liễu Bông/Ba), nơi chúa Nguyễn đặt Dinh Cát những năm 1600 - 1626. Ngoài ra, về phía đông, sát bờ sông Thạch Hãn là địa điểm Ghềnh Phủ, nơi trước đây là bến thuyền/thương cảng sông và chùa Linh Quang.

Vùng đệm là vùng đất đai đã khoanh vùng bảo vệ di tích và vùng liền

vốn có còn sót lại mang thuộc tính gốc bao gồm những địa điểm lưu niệm và những dữ liệu khảo cổ đã phát hiện qua nghiên cứu, khai quật hoặc còn tiềm ẩn dưới lòng đất để tiếp tục nghiên cứu về sau; tu bổ theo hướng phục hồi, phục dựng những công trình vốn có trong lịch sử nhưng nay đã biến mất trên thực tế nhằm tái hiện lại bức tranh tổng thể lý sở



Sau hàng trăm năm, bức tượng Thái phó Nguyễn Ơ Dĩ đã được chính quyền, nhân dân rước vào đền thờ khang trang ở thôn Trà Liên (xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị), xứng tầm với công lao, tên tuổi của ông. Ảnh: Tư liệu.

kề với vùng đất đai đã khoanh vùng bảo vệ thuộc 5 di tích liên quan đến thiết chế cơ sở hạ tầng của lý sở Dinh chúa Nguyễn còn lại, bao gồm: địa điểm Mộ sùng, địa điểm Bãi trận, địa điểm Còn tập, địa điểm Tàu tượng, địa điểm Miếu Trảo Trảo phu nhân.

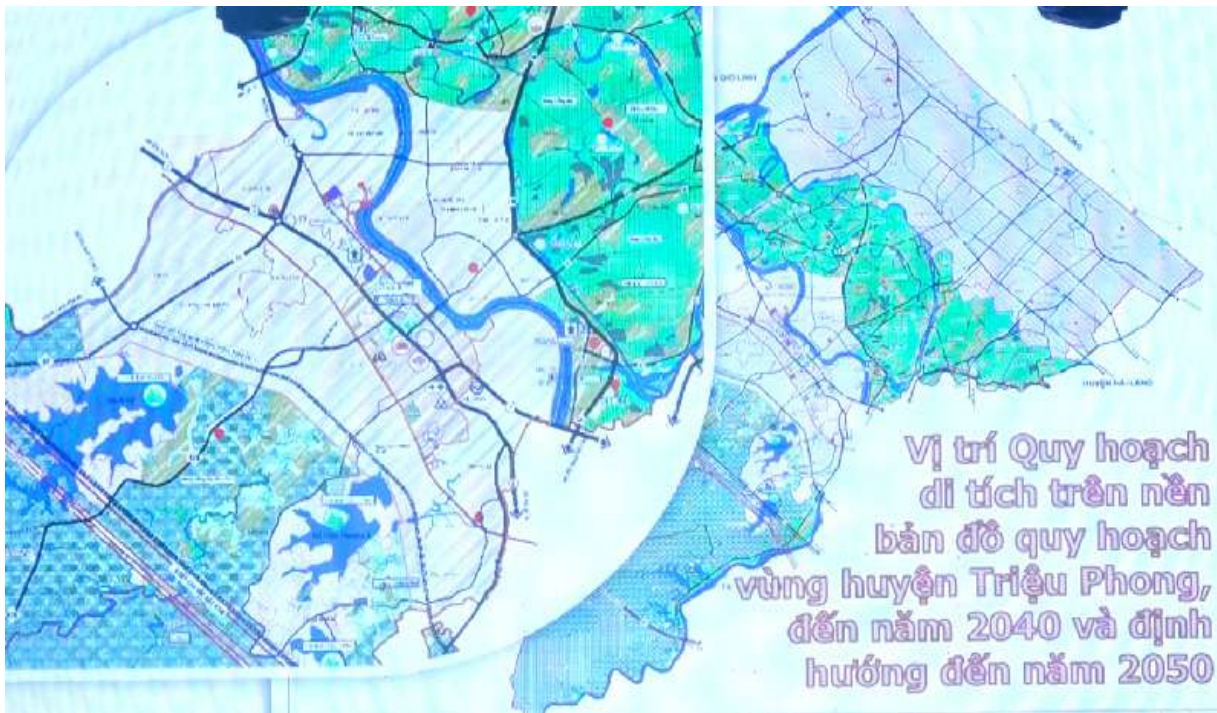
Trong vùng lõi và vùng đệm, vừa bảo tồn dưới dạng bảo quản những gì

dinh chúa Nguyễn từ 1558 - 1626. Đồng thời, tập trung chính vào việc đầu tư, tôn tạo một số công trình chính yếu để tạo ra không gian lưu niệm sự kiện lịch sử thời chúa Nguyễn phù hợp với từng địa điểm di tích trong vùng lõi và vùng đệm nhằm vinh danh, tri ân và tưởng niệm các chúa Nguyễn và lịch sử thời chúa Nguyễn. Ngoài ra, cần xây dựng

mới các công trình hỗ trợ, cơ sở hạ tầng kết nối các địa điểm trong vùng lõi và kết nối vùng lõi với vùng đệm; đồng thời kết nối với vùng phụ cận (ngoại biên/lan tỏa) để khai thác, phát huy di tích vào hoạt động du lịch và phát triển kinh tế xã hội.

Vùng phụ cận (ngoại biên/kết nối/lan tỏa) là vùng đất đai không thuộc di tích nhưng là vùng kết nối và lan tỏa liên

thành 5 làng), Bến đò xường, Chợ Sãi... Đây cũng là vùng kết nối với các cảnh quan đồng ruộng, sông hồ, biển...; các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo (Sắc tứ Tịnh Quang tự ở thị trấn Ái Tử, Sắc tứ Linh Quang Tự ở Trung Kiên - Triệu Thượng, Thiên Tôn quan tự ở Đâu Kênh - Triệu Long, lăng mộ bà Nguyễn Thị Cồng ở An Mô - Triệu Long, miếu Ngũ Hành ở Tiền Kiên - Triệu Thành...) di tích lịch sử



quan đến cả một khu vực rộng hơn trên địa bàn tính từ vùng lõi và vùng đệm ra xung quanh. Vùng này được xác định lấy theo trục sông Thạch Hãn và sông Ái Tử làm trục quy hoạch để thiết lập và liên các không gian dịch vụ phù hợp với lộ trình tham quan du lịch và cung ứng những sản phẩm dịch vụ nhằm phát huy tối ưu cho việc phát huy vùng lõi và vùng đệm của di tích. Đây là vùng cảnh quan với các địa danh lịch sử ghi dấu ấn liên quan đến thời kỳ chúa Nguyễn như: Các địa điểm đồn trú ngũ kiên (về sau

văn hóa tiêu biểu (Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn, Thành Cổ Quảng Trị); các làng nghề, sinh thái nông nghiệp; các sản phẩm ẩm thực, sản phẩm lưu niệm truyền thống...

2. Định hướng quy hoạch bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích

Vùng lõi:

* Đối với khu vực di tích địa điểm đình Ái Tử

- Cấm mốc chỉ giới khu vực đất đai đã khoanh vùng bảo vệ theo hồ sơ di

tích Quốc gia. Điều chỉnh theo hướng mở rộng đất đai quy hoạch về phía đông đến sông Thạch Hãn.

- Bảo tồn dưới dạng bảo quản nguyên trạng đất đai đã khoan vùng khu vực I (Vị trí Cồn Kho) để tiếp tục nghiên cứu những dấu tích khảo cổ có thể tiềm ẩn dưới lòng đất về Dinh Ái Tử.

- Bảo tồn dưới dạng phục hồi, phục dựng và tái tạo Chợ Hòm trở thành một di tích vừa mang dấu ấn lịch sử của một ngôi chợ xưa vừa tạo ra một hình ảnh một ngôi chợ quê điển hình của vùng Triệu Phong Quảng Trị và cũng là nơi tổ chức các hoạt động trình diễn các ngành nghề thủ công truyền thống mang dấu ấn thời chúa Nguyễn.

- Quy hoạch và xây dựng Khu/Công viên Tôn vinh lịch sử thời chúa Nguyễn bao gồm các hạng mục chính:

+ Xây dựng tượng đài Nguyễn Hoàng dưới dạng tượng tròn độc lập với hình tượng “Người mở cõi” lấy Quảng Trị làm đất khởi nghiệp, mở đầu cho công cuộc khai phá vùng đất phương Nam của người Việt hoặc nhóm quần tượng với hình tượng các cụ bô lão làng Ái Tử cung tiến 7 vò nước trong cho chúa Tiên Nguyễn Hoàng thể hiện khát vọng của người Quảng Trị về một xu thế mới và cũng là sự khởi đầu cho một xu thế mới.

+ Xây dựng Bảo tàng Lịch sử thời chúa Nguyễn trưng bày những tài liệu, hiện vật, ảnh tư liệu liên quan đến quá trình dựng nghiệp của chúa Nguyễn Hoàng và Nguyễn Phúc Nguyên ở Thuận Quảng cũng như sự nghiệp xây dựng và phát triển Đàng Trong của các chúa Nguyễn trong tiến trình lịch sử dân tộc.

+ Quy hoạch khuôn viên, xây dựng các thiết chế cơ sở hạ tầng và biến khu vực này thành không gian đủ điều kiện để tổ chức lễ hội gắn liền với những sự kiện liên quan đến thời chúa Nguyễn cũng như các lễ hội của địa phương. Đặc biệt là lễ hội Ái Tử và hành trình mở cõi được tổ chức định kỳ để tôn vinh công lao của Nguyễn Hoàng và các chúa Nguyễn.

+ Trong khu vực hoặc trên địa bàn thị trấn Ái Tử, có thể xây dựng công trình Thư viện Nguyễn Hoàng.

- Trên nền tảng lịch sử của Bến đò Chợ Hòm hình thành cùng với dinh chúa Nguyễn và tồn tại cùng với sự hình thành và phát triển của chợ Hòm nằm sát sông Thạch Hãn, quy hoạch xây dựng một bến thuyền để phục vụ cho du lịch theo sông Thạch Hãn để kết nối vùng lõi, vùng đệm với vùng phụ cận.

*** Đối với khu vực di tích địa điểm dinh Trà Bát và Dinh Cát**

- Cấm mốc chỉ giới khu vực đất đai đã khoan vùng bảo vệ theo hồ sơ di tích Quốc gia. Điều chỉnh theo hướng mở rộng đất đai quy hoạch về phía nam và đông nam bao gồm khu vực 2 bên sông Ái Tử để kết nối 2 khu vực thuộc vùng lõi của di tích. Không mai táng và xây dựng thêm mồ mã cũng như các công trình dân sinh khác trong khu vực Cồn Dinh.

- Bảo tồn dưới dạng bảo quản nguyên trạng đất đai đã khoan vùng khu vực I tại 2 vị trí Phủ Thờ và La thành/Chùa Liễu Ba để tiếp tục nghiên cứu những dấu tích khảo cổ có thể tiềm ẩn dưới lòng đất về Dinh Trà Bát và Dinh Cát. Đồng thời bảo tồn nguyên trạng mô đất, đá nhô ra bờ sông Thạch

Hãn tại Ghềnh Phủ và các dấu vết vết về một cảng thị sông một thời sầm uất cạnh dinh chúa.

- Bảo tồn dưới dạng trùng tu, tôn tạo chùa Linh Quang trong khu vực ghềnh Phủ trở thành một điểm văn hóa tâm linh kết hợp giữa tín ngưỡng dân gian với Phật và Đạo.

- Trong khả năng và điều kiện cho phép, có thể di dời toàn bộ các lăng mộ bên trong khu vực la thành và tiến hành nghiên cứu khảo cổ các bước tiếp theo để bóc dỡ và giữ lại hiện trạng la thành và các nền móng các công trình trong la thành nhằm để lưu lại dấu tích dưới dạng Bảo tàng ngoài trời về thủ phủ Dinh Cát.

- Quy hoạch và xây dựng Khu/Công viên tưởng niệm/tri ân lịch sử thời chúa Nguyễn lấy tâm điểm vị trí là trung tâm Cồn Dinh - khu vực đã khoanh vùng bảo vệ nằm giữa 2 địa điểm Dinh Trà Bát (tức Phủ Thờ) và Dinh Cát (tức la thành/chùa Liễu Ba) quy hoạch mở rộng về phía nam bao gồm cả 2 bên sông Ái Tử. Trong khu vực này sẽ tập trung vào các hạng mục sau:

+ Phục hồi, tạo dựng kiến trúc chùa Liễu Ba/Liễu Bông (nhưng thay đổi vị trí vì chỗ cũ nay đã nơi ken dày lăng mộ). Bên trong đặt thờ pho tượng đồng hiện còn vốn trước đó được thờ ở chùa Liễu Bông/Liễu Ba).

+ Xây dựng quần thể khu đền thờ các chúa Nguyễn và các công thần thời chúa Nguyễn, bao gồm:

Đền thờ chúa Tiên Nguyễn Hoàng và chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (Có phối thờ Nguyễn Kim).

Đền thờ 7 vị tiên vương (Vốn trước đây tại Phủ Thờ có thờ 7 vị: Tiên Vương (Nguyễn Hoàng), Công Thượng Vương, Hiền Vương, Nghĩa Vương, Minh Vương, Ninh Vương, Võ Vương): Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan - Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần - Chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Thái - Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu - Ninh Vương Nguyễn Phúc Chú - Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát - Định vương Nguyễn Phúc Thuần.

Đền thờ Thái phó Nguyễn Ứ Dĩ, Mạc Cảnh Huống, Tổng Phước Hợp...

Miếu thờ Nguyên soái Thuận Nghĩa Hầu Nguyễn Hữu Tiến (vốn do quân đội của Ngũ Kiên lập ra ở cạnh bờ sông nhưng nay đã mất).

Miếu thờ bà Phạm Thị Còng/Tôm (người có công cứu thoát chúa Nguyễn Hoàng, có lăng mộ ở làng An Mô) và miếu thờ Tỳ nữ Ngô Thị Ngọc Lâm (người có công thực hiện kế sách mỹ nhân trong trận chiến 1572 giữa Nguyễn Hoàng và Mạc Lập Bạo).

- Xây dựng Ghềnh Phủ thành một bến thuyền vừa phục vụ cho việc phục hồi lễ hội tái hiện cảnh tượng lịch sử tấp nập một thời của dinh chúa Nguyễn vừa phục vụ cho tuyến du lịch “Ký ức lịch sử thời chúa Nguyễn trên đất Triệu Phong” dọc theo sông Thạch Hãn.

- Trùng tu, tôn tạo Chùa Linh Quang.

Vùng đệm và vùng phụ cận:

- Cấm mốc chỉ giới khu vực đất đai đã khoanh vùng bảo vệ theo hồ sơ di tích Quốc gia.

- Phục dựng lại miếu Trảo Trảo (Oa Oa Phu nhân) Miếu thần sông tại khu

vực cạnh đường Đặng Dung về phía đông thuộc thị trấn Ái Tử, trên khu vực của miếu Trảo Trảo đã được xây dựng dưới thời Gia Long.

- Các địa điểm di tích khác như: Mộ Súng, Bãi Trận, Cồn Tập, Tàu Tượng, trên cơ sở đất đai đã được khoanh vùng bảo vệ, quy hoạch đầu tư tôn tạo thành các địa điểm lưu niệm lịch sử theo hình thức dựng bia biển khắc ghi nội dung lịch sử, đồng thời trồng cây xanh, mở các đường giao thông nội bộ và đường dẫn đến di tích. Để đảm bảo độ bền vững của các bia biển ở các địa điểm lưu niệm này, cách tốt nhất là đặt các khối đá tự nhiên có kích thước lớn rồi tạo phẳng một mặt để khắc nội dung văn bia. Khối đá được đặt trên một bệ và nền đất được tôn cao, xung quanh có không gian tạo cảnh quan vừa đủ.

Bên cạnh những phương án bảo tồn, tôn tạo đối với các địa điểm di tích thuộc vùng lõi và vùng đệm là quy hoạch cơ sở hạ tầng để kết nối hệ thống di tích này vào cụm di tích lịch sử văn hóa phía nam Quảng Trị để cùng với các điểm Chùa Sắc Tứ - Trung tâm hành hương La Vang - Thành cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm - Nhà lưu niệm TBT Lê Duẩn tạo thành một không gian tam giác du lịch khám phá Lịch sử - Văn hóa - Tâm linh lấy trục sông Thạch Hãn là lộ trình dẫn tuyến. Từ đây, có thể kết nối vào “Con đường di sản miền Trung”.

3. Định hướng quy hoạch tổng thể bảo tồn gắn với phát triển du lịch

Định hướng quy hoạch tổng thể bảo tồn gắn với phát triển du lịch có tên gọi Tour du lịch ký ức lịch sử thời chúa Nguyễn dựa trên 2 trục chính:

Trục liên kết không gian 2 khu vực vùng lõi với nhau và với vùng đệm là tuyến chính/trọng tâm với đặc điểm cung cấp các sản phẩm du lịch mang dấu ấn lịch sử thời chúa Nguyễn từ các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học của di tích và các dịch vụ tái hiện ký ức lịch sử đi kèm. Trục này vận hành hoạt động cơ bản theo đường bộ.

Trục liên kết không gian vùng lõi, vùng đệm với vùng phụ cận theo sông Thạch Hãn là tuyến hỗ trợ không thể thiếu với đặc điểm cung cấp các sản phẩm du lịch mang tính trải nghiệm lịch sử, văn hóa, sinh thái tự nhiên với không gian mang dấu ấn lịch sử thời chúa Nguyễn và dấu ấn của nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau đi kèm với các dịch vụ trải nghiệm khác về tâm linh, ẩm thực, nghệ thuật...

*** Tuyến 1/trục chính trong không gian vùng lõi và vùng đệm**

- Trục này nối Khu tôn vinh lịch sử thời chúa Nguyễn ở thị trấn Ái Tử/làng Ái Tử với Khu Tưởng niệm/Tri ân lịch sử thời chúa Nguyễn ở làng Trà Liên, xã Triệu Giang. Từ đó mở ra vùng đệm với các địa điểm khác như: miếu Trảo Trảo (Oa Oa Phu nhân); Mộ Súng, Bãi Trận, Cồn Tập, Tàu Tượng.

- Lộ trình: từ trung tâm điều hành (gần Quốc lộ 1, có bãi đỗ xe, nhà đón tiếp, hướng dẫn dịch vụ...) thuộc Khu tôn vinh lịch sử thời chúa Nguyễn ở Ái Tử, du khách sẽ tham quan tượng đài Nguyễn Hoàng - Bảo tàng lịch sử thời chúa Nguyễn - Vị trí đầu tiên của Nguyễn Hoàng đóng dinh Ái Tử (Cồn Kho) - Chợ Hôm (một ngôi chợ quê điển hình của vùng Triệu Phong Quảng Trị và cũng là nơi tổ chức các hoạt động trình

diễn các ngành nghề thủ công truyền thống mang dấu ấn thời chúa Nguyễn). Từ đó di chuyển bằng xe điện đến Miếu Trảo Trảo rồi chuyển sang Khu tưởng niệm/tri ân thời chúa Nguyễn ở làng Trà Liên tham quan, dâng hương quần thể khu đền thờ các chúa Nguyễn và các công thần thời chúa Nguyễn (Đền thờ chúa Tiên Nguyễn Hoàng và chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên - Đền thờ 7 vị tiên vương - Đền thờ Thái phó Nguyễn Ứ Dĩ, Mạc Cảnh Huống, Tống Phước Hợp - Miếu thờ Nguyễn soái Thuận Nghĩa Hầu Nguyễn Hữu Tiến - Chùa Liễu Ba...); Tham quan các dấu tích khảo cổ la thành Dinh Cát, dấu tích Phủ Thờ Dinh Trà Bát; đến Ghềnh Phủ viếng chùa Linh Quang. Lộ trình tuyến này sẽ kết thúc tại Trung tâm điều hành ở nơi xuất phát sau khi đi thêm những điểm khác ở vùng đê và chùa Sắc Tứ. Nếu không đi vùng đê thì xuống bến thuyền tại Ghềnh Phủ để tiếp tục lộ trình tuyến 2.

*** Tuyến 2/trục chính theo sông Thạch Hãn**

- Trục này kết nối vùng lõi với vùng phụ cận với các địa danh lịch sử ghi dấu ấn liên quan đến thời kỳ Chúa Nguyễn như: các địa điểm đồn trú ngũ kiên, Bến đò xường, Chợ Sãi.... Đồng thời, kết nối với các cảnh quan đồng ruộng, sông hồ, biển...; các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo; các làng nghề, sinh thái nông nghiệp... dọc hai bên bờ Thạch Hãn.

- Lộ trình: sau khi kết thúc lộ trình tuyến 1, du khách sẽ xuống bến thuyền tại Ghềnh Phủ tiếp tục lộ trình theo sông Thạch Hãn bằng thuyền. Từ Ghềnh Phủ thuyền sẽ theo sông Thạch

Hãn về phía hạ nguồn xuống Bến đò Xường ở ngã 3 Vĩnh Phước và Thạch Hãn rồi có thể xuôi về Cửa Việt tùy theo thời gian (để thiết kế); Sau đó ngược lên thượng nguồn đến thị xã Quảng Trị (có thể đến tận Đập Tràn). Dọc hành trình sẽ thưởng thức chương trình nghệ thuật dân ca Quảng Trị; quan sát các khu vực nguyên là nơi đồn trú của quân đội “ngũ kiên” và ghé các điểm Sắc tứ Linh Quang Tự ở Trung Kiên, Thiên Tôn quan tự ở Đầu Kênh, lăng mộ bà Nguyễn Thị Còng ở An Mô, miếu Ngũ Hành ở Tiên Kiên, Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn, Thành Cổ Quảng Trị...; Thưởng thức chương trình ẩm thực ở Chợ Sãi; thả hoa tri ân liệt sĩ ở bến thả hoa thị xã Quảng Trị. Kết thúc lộ trình sau khi về đến bến thuyền tại Chợ Hòm và tập kết tại điểm xuất phát của Trung tâm Điều hành ở Ái Tử.

Chi phí cho dịch vụ mỗi tuyến được coi là gói với 1 giá dịch vụ riêng.

Tháng 11 năm 2023 là dịp kỷ niệm 465 năm Đoàn Quận Công Nguyễn Hoàng dựng nghiệp trên đất Ái Tử - Triệu Phong - Quảng Trị (1558 - 2023), công tác quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di tích liên quan đến chúa Nguyễn trên đất Triệu Phong đang được chính quyền huyện Triệu Phong và các ban, ngành tỉnh Quảng Trị gấp rút triển khai. Bài viết này chỉ trình bày những ý tưởng phác thảo để ngỏ nhằm đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào một công việc lớn là xây dựng và hiện thực hóa đề án quy hoạch trong hiện tại và tương lai./.

L.Đ.T

BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA, THÚC ĐẨY DU LỊCH PHÁT TRIỂN

Thanh Trúc
Báo Quảng Trị

Quảng Trị có một hệ thống di sản văn hóa khá phong phú, đồ sộ và độc đáo với hơn 500 di tích đã được xếp hạng các cấp, bao gồm 4 di tích quốc gia đặc biệt, 20 di tích quốc gia và 476 di tích cấp tỉnh. Những năm qua, công tác bảo tồn, gìn giữ di sản văn hóa được tỉnh chú trọng nhằm phát huy giá trị văn hóa trong đời sống và tạo điều kiện cho du lịch phát triển bền vững.



Du khách viếng Thành Cổ Quảng Trị xúc động nghe thuyết minh về Đài tưởng niệm các liệt sĩ. Ảnh: Thanh Trúc.

Ngày 7/12/2017, tại Hàn Quốc, Hội nghị lần thứ 12 của Ủy ban Liên Chính phủ UNESCO về Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể đã chính thức ra Nghị quyết đưa “Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ Việt

Nam” vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Sau khi được UNESCO ghi danh, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 1899/QĐUBND ngày 17/8/2018

về việc ban hành Đề án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018 - 2023 với tổng nguồn kinh phí 1,8 tỉ đồng.

Trong thời gian qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiến hành thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ giải pháp

nhân, câu lạc bộ và cộng đồng thực hành di sản nghệ thuật Bài chòi; tổ chức khai thác di sản Bài chòi phục vụ phát triển văn hóa và du lịch, tuyên truyền, quảng bá di sản nghệ thuật Bài chòi. Trong đó công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của toàn xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ đối với công tác bảo vệ, phát huy di sản nghệ thuật



Di tích Địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh thu hút đông đảo du khách.
Ảnh: Thanh Trúc.

nhằm góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể “Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như: tiến hành kiểm kê, số hóa di sản nghệ thuật Bài chòi; tổ chức truyền dạy, đào tạo cho thế hệ trẻ về kỹ năng thực hành di sản nghệ thuật Bài chòi.

Nghiên cứu ban hành chính sách tạo điều kiện, môi trường cho các nghệ

Bài chòi ở Quảng Trị được thực hiện và đạt kết quả tốt.

Đến nay ở hầu hết các địa phương trong tỉnh đều có các Câu lạc bộ, hội chơi Bài chòi như ở các làng Tùng Luật, làng Cổ Mỹ xã Vĩnh Giang; làng Đơn Duệ, xã Vĩnh Hòa; xã Trung Nam (huyện Vĩnh Linh); làng Ngô Xá Thanh Lê, xã Triệu Trung (huyện Triệu Phong); làng Hà Thượng, thị trấn Gio Linh; xã

Hải Thái (huyện Gio Linh); xã Hải Lệ (thị xã Quảng Trị)...

Ngoài di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại “Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” đã được vinh danh, Quảng Trị còn có nhiều di sản có giá trị đặc sắc như “Nghệ thuật trình diễn dân gian Hò giã gạo tỉnh Quảng Trị” được Bộ Văn

trình sống, lao động, xây dựng, chiến đấu, bảo vệ và phát triển của con người Quảng Trị, là nguồn tài nguyên du lịch có sức hấp dẫn mạnh mẽ và từng bước trở thành sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng của địa phương.

Ngoài 4 di tích quốc gia đặc biệt thuộc loại hình di tích lịch sử, tỉnh Quảng Trị còn có 4 bảo vật quốc gia (Hai bức



Đông đảo người dân thành phố Đông Hà tham gia chơi bài chòi. Ảnh: Thanh Trúc.

hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Nhiều lễ hội truyền thống, lễ hội cách mạng mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc như Lễ hội chợ Đình Bích La, Lễ hội Cầu Ngư, Lễ hội Thống nhất non sông, Lễ hội hoa đăng trên sông Thạch Hãn, Lễ hội A riêu ping của đồng bào Pa Kô... Đây chính là sản phẩm văn hóa tinh thần được kết tinh từ trong quá

Phù điêu lá nhĩ Trà Liên, Tượng Uma Dương Lệ và Trống đồng Trà Lộc). Những năm qua, với sự quan tâm đầu tư của Nhà nước cũng như từ các nguồn xã hội hóa, các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh đã từng bước được đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp và phát huy giá trị. HĐND tỉnh cũng đã ban hành 2 nghị quyết chuyên đề về bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa.

Xác định công tác bảo tồn, tôn tạo di tích và trên cơ sở lợi thế của hệ thống di tích lịch sử chiến tranh cách mạng mang tính độc đáo, riêng có của tỉnh, Quảng Trị gắn công tác đầu tư bảo tồn, tôn tạo di tích với công tác phát triển du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng và tiến tới trở thành ngành kinh tế mũi nhọn như tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị.

Theo đó, có 3 di tích quốc gia đặc biệt đã được đầu tư với tổng kinh phí hơn 62 tỉ đồng từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và nguồn xã hội hóa. Trong đó: Di tích Thành Cổ Quảng Trị đã được đầu tư 24,5 tỉ đồng; Di tích Địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh đã được đầu tư hơn 12 tỉ đồng; Di tích Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải đã được đầu tư 26 tỉ đồng.

Trên cơ sở phát huy các giá trị di sản văn hóa đặc trưng riêng có của mỗi loại hình di sản, những năm gần đây, du lịch di sản đã phát triển mạnh mẽ, lượng khách trong nước và quốc tế đến với Quảng Trị ngày càng tăng. Trong năm 2022, tổng lượng khách du lịch đến Quảng Trị ước đạt 1.550.000 lượt (tăng 301,5% so với năm 2021).

Trong đó, khách quốc tế ước đạt 5.400 lượt và khách nội địa đạt 1.544.600 lượt. Tổng doanh thu du lịch xã hội ước đạt 1.475 tỉ đồng. Riêng quý I/2023, tổng lượng khách du lịch ước đạt 457.630 lượt; trong đó khách quốc tế: 9.300 lượt và khách nội địa ước đạt 448.330 lượt. Doanh thu xã hội ước đạt 372,4 tỉ đồng, trong đó doanh thu chuyên ngành ước đạt 125,7 tỉ đồng.

Các di tích lịch sử, di sản văn hóa đang ngày càng góp phần quan trọng vào sự phát triển du lịch nói riêng, KT - XH của tỉnh nói chung. Tuy nhiên, so với tiềm năng, lợi thế thì việc khai thác, phát huy giá trị di tích, di sản vẫn chưa tương xứng với tiềm năng.

Được biết, hiện nay Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang đang tập trung nghiên cứu mở rộng chuẩn bị lập hồ sơ đề nghị đưa Di tích quốc gia đặc biệt Địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh vào danh mục dự kiến trình công nhận Di sản văn hóa thế giới. Đồng thời triển khai lập quy hoạch Di tích quốc gia hệ thống các công trình khai thác nước cổ Gio An; chuẩn bị lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt Hệ thống khai thác nước cổ vùng Quảng Trị và xem xét trình công nhận Di sản văn hóa thế giới.

Trên thực tế, giá trị của các di sản không chỉ góp phần làm dày hơn, phong phú, đa dạng hơn kho tàng văn hóa đậm đà bản sắc, mà còn có thể trở thành một động lực, góp phần vào sự tăng trưởng KTXH của tỉnh. Để di sản văn hóa thực sự trở thành sản phẩm thế mạnh của du lịch địa phương, bên cạnh việc đầu tư cho công tác bảo tồn, tôn tạo di tích, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã và sẽ tiếp tục tham mưu cho tỉnh ưu tiên, tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử, xây dựng được các sản phẩm đặc trưng, hấp dẫn, song song với đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất phục vụ du lịch./.

T.T

Độc đáo lễ nối dây ân linh thần núi của người Pa Kô

Kô Kẩn Sương
Báo Quảng Trị

Định kỳ mười năm một lần, sau khi đã thu hoạch xong mùa màng, tùy theo từng dòng họ mà người Pa Kô ở miền Tây Quảng Trị tổ chức lễ nối dây ân linh thần núi. Đây là một lễ tục độc đáo, có từ hàng trăm năm trước được bà con nơi đây gìn giữ cho đến ngày hôm nay.



Dòng họ Kray tiến hành lễ nối dây ân linh thần núi. Ảnh: Kô Kẩn Sương.

Hôm ấy, sau khi chuẩn bị chu đáo các lễ vật, dòng họ Kray ở thôn A Liêng, xã Tà Rụt, huyện Đakrông tập trung đông đủ để làm lễ nối dây ân linh thần núi, nghĩa là nối lại ân huệ giữa thần núi và các gia đình dòng họ Kray. A Liêng tọa lạc giữa một mảnh đất rộng, khá bằng phẳng, có

khung cảnh rất hữu tình. Xung quanh thôn A Liêng được bao bọc bởi 3 ngọn núi gồm: Kõh A Liêng, Kõh Paliing và Kõh Plăng. Trước thôn là dòng sông Krông Klang thơ mộng chảy qua, hàng năm bồi đắp thêm phù sa cho cây cối hai bên bờ do người dân trồng, chăm bón thêm phần tốt tươi. Kõh Plăng-Kâr

Tăng Xối là tên của vị thần núi có công rất lớn trong việc hộ mệnh cho dòng họ Kray cũng như các thành viên ở làng Aliêng được bình an, mạnh khỏe, no ấm, hạnh phúc. Lễ nối ân vừa là tạ ơn thần núi Kõh Plăng vừa là cầu an cho dân làng có cuộc sống tốt đẹp hơn. Ông Hồ Xuân Văn, Trưởng họ Kary, già làng ở A Liêng cho biết: “Lễ nối dây ân linh thần núi là lễ nối dây nghiêng về tâm linh, là một hành xử rất tốt của dòng họ Kray nói riêng và người Pa Kô nói chung đối với thần núi, vạn vật xung quanh. Mặc dù là lễ nối ân thần núi rồi cầu an, nhưng thông qua lễ này gợi nhớ cho lớp hậu thế thấy được những hành động, ứng xử đẹp của con người với thiên nhiên nơi mình đang sinh sống, gắn chặt tình đoàn kết cộng đồng, nâng cao trách nhiệm của cá nhân và tập thể trong cộng đồng làng bản”.

Lễ nối dây ân linh thần núi diễn ra trong 2 ngày, 1 đêm với nhiều công đoạn: Công đoạn thứ nhất cúng tổ tiên. Lễ vật gồm: Một con lợn cỡ 30 kg, gọi là lợn kê gối, một con gà trống to màu đỏ, đuôi dài, khỏe mạnh, một con dê đực to mới lớn (gọi là dê tạ lỗi vì 10 năm tổ chức 1 lần), một bát xôi lễ, một tấm jeng dài hơn 30 mét, một chai rượu trắng, một bát nước lã, một cây kiếm dài, dựng một cây nêu ở giữa sân làng để cột vật hiến sinh (con dê), một cặp axiéuq (lung liêng). Về nghi thức lễ, khi con dê được cột vào cây cột lễ, ông chủ lễ cùng các thành viên đến tập trung tại trung tâm sân làng nơi có cây nêu đã cột dê. Mọi người đứng quanh cây nêu cùng với các đồ lễ vật đã được chuẩn bị như: Gà đã luộc chín, rượu, tấm jeng, bát xôi, bát nước lã, cặp a xiéuq, cây kiếm, tất cả đều được bỏ vào a điên to (mâm lễ). Sau đó là lễ cúng dê tạ lỗi, tất cả người dân trong họ và trong làng tập

trung tại cây cột lễ tiến hành cúng trừ. Sau khi tiến hành hạ sinh, làm thịt dê xong, tất cả mâm lễ đều được đưa lên nhà thờ lớn để mời thần của dòng họ, tổ tiên, thần người âm...

Công đoạn thứ 2 là quan trọng nhất, đó là lễ nối dây ân linh và tạ ơn thần núi. Tất cả mọi người phải mặc đồ truyền thống mới. Tham gia lễ từ già, trẻ, gái, trai ai cũng phải có mặt, mỗi người một việc. Lễ vật gồm: Một con trâu đực màu đen to có sừng đẹp và đều, một con lợn to (lợn kê đầu trâu), dựng giàn cúng bằng tre tại giữa làng gần cột lễ, dựng một cột lễ neo trâu cúng... Ngay sau khi cúng lễ tạ lỗi bằng con dê xong, hội đồng già làng chuẩn bị cho công việc cúng lễ nối ân bằng trâu. Tất cả đồ lễ vật nói trên đều đã chuẩn bị sẵn. Con trâu đã được neo ở cây nêu, ông chủ lễ đứng trước mũi con vật hiến sinh cúng gọi mời thần núi về chứng kiến lễ hội, từ đó các bước tiến hành nghi thức lễ tương tự như nghi thức cúng dê trên và cuối cùng là cúng thần không trung. Về lễ trình báo, ông chủ lễ là người đầu tiên đến nơi cột lễ bày trà cau, trình bày với thần núi Kõh Palieng biết trước sự việc sẽ diễn ra trong lễ nối ân, sau đó mới được đưa trâu vào cột lễ. Tất cả mọi người cùng nhảy múa ca hát một ngày một đêm, đến sáng hôm sau mới tiến hành làm lễ hiến sinh. Nghi thức hiến sinh trâu tương tự như lễ hiến sinh dê nhưng quy mô lớn hơn, đồ lễ vật lớn hơn. Người tham gia đông hơn. Cuối cùng là lễ cầu an bằng một con dê, nghi thức lễ tương tự như trên. Sau khi các hoàn tất các khâu lễ, thịt trâu, thịt dê được chia cho cả các dòng họ khác trong thôn ăn. Các gia đình trong dòng họ Kray tùy theo điều kiện kinh tế của gia đình, nhà góp con gà, làm cơm nếp ống tre, cá ống tre đem đến

chung vui với lễ, cùng nhau ăn uống, nhảy múa, hát ca. Thông qua lễ nhằm giáo dục cho lớp trẻ về đạo đức sống và biết ơn công lao của cha ông trong việc bảo tồn nền văn hóa ứng xử giữa người với người, giữa người với thế giới xung quanh. Anh Kray Hùng, người dân thôn A Liêng, xã Tà Rụt cho biết: “Tôi rất vui

người Pa Kô. Lễ hội toát lên tinh thần lành mạnh, giúp thế hệ trẻ và tất cả mọi người đều biết được ân nghĩa của con người đối với đời núi, với thiên nhiên. Nhờ thần núi chở che mà người dân A Liêng sinh sôi, nảy nở, ngự trụ được cho đến ngày hôm nay. Thông qua những lễ tục này, giúp cho các thế hệ trong dòng



Lễ nói dây ân linh thần núi của người Pa Kô. Ảnh: Kô Kăn Sương.

vì được cùng mọi người trong dòng họ tham gia lễ. Đây là một lễ tục đẹp mà lớp trẻ chúng tôi cần phải học hỏi và phát huy”.

Lễ nói dây ân linh thần núi còn truyền đạt những hình ảnh và bối cảnh của lễ tục về những giá trị văn hóa đặc sắc của người Pa Kô; là dịp để quy tụ lại các tầng lớp cộng đồng dân cư trong làng, có cơ hội giao lưu, trao đổi kinh nghiệm làm sao cho phù hợp giữa quá khứ và hiện tại. Nghệ nhân Ưu tú Kray Sức cho biết: “Đây là lễ tục rất quan trọng và có ý nghĩa trong đời sống của

họ biết được những việc làm tốt đẹp của ông cha và những nghĩa cử cao đẹp giữ thần núi và đời sống con người ở thôn A Liêng, cùng chung tay bảo tồn và phát huy văn hóa đặc sắc của dân tộc”.

Trải qua bao biến thiên của lịch sử, đồng bào Pa Kô ở dãy Trường Sơn hùng vĩ luôn đoàn kết một lòng, quyết tâm không để lễ tục độc đáo như nói dây ân linh thần núi mai một dần mà họ luôn làm sao để các phong tục, tập quán đẹp của dân tộc mình trường tồn theo năm tháng./.

K.K.S

**Nghị định số 65/2023/NĐ-CP:
Quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về
sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền
sở hữu công nghiệp, quyền đối với
giống cây trồng và quản lý Nhà nước
về sở hữu trí tuệ**

Ngày 23/8/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ.

Nghị định số 65/2023/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ về việc xác lập, chủ thể, nội dung, giới hạn quyền sở hữu công nghiệp, chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, đại diện sở hữu công nghiệp và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sở hữu công nghiệp. Việc xác định hành vi xâm phạm, tính chất và mức độ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, xác định thiệt hại, yêu cầu và giải quyết yêu cầu xử lý xâm phạm, xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, giám định sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng các điều kiện hưởng sự bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ hoặc có hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Nghị định số 65/2023/NĐ-CP quy định nguyên tắc thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ việc tổ chức thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ quy định tại Điều 10, Điều 11 của Luật Sở hữu trí tuệ dựa trên nguyên tắc thống nhất về mục tiêu, nội dung và biện pháp dưới sự chỉ đạo chung của Chính phủ, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng và sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp.

Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan liên quan thực hiện các hoạt động chung sau đây để bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này; bảo đảm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả và quyền liên quan, bảo đảm chính sách, chiến lược, văn bản pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan thống nhất với chính sách, chiến lược, văn bản pháp luật chung về sở hữu trí tuệ; định kỳ hoặc đột xuất cung cấp thông tin cho Bộ Khoa học và Công nghệ về hoạt động quản lý nhà nước và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này; bảo đảm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng, bảo đảm chính sách, chiến lược, văn bản pháp luật về bảo hộ quyền đối

với giống cây trồng thống nhất với chính sách, chiến lược, văn bản pháp luật chung về sở hữu trí tuệ; định kỳ hoặc đột xuất cung cấp thông tin cho Bộ Khoa học và Công nghệ về hoạt động quản lý nhà nước và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về sở hữu công nghiệp; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định của địa phương về sở hữu công nghiệp; tổ chức hệ thống quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp tại địa phương và thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả của hệ thống đó; tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách, pháp luật về sở hữu công nghiệp, thực hiện các biện pháp đẩy mạnh hoạt động sở hữu công nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục về sở hữu công nghiệp; phối hợp với các cơ quan liên quan trong hoạt động bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp; kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu công nghiệp, giải quyết khiếu nại, tố cáo về sở hữu công nghiệp tại địa phương; quản lý chỉ dẫn địa lý thuộc địa phương, kể cả địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương; hợp tác quốc tế về sở hữu công nghiệp tại địa phương.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc thực hiện pháp luật về sở hữu công nghiệp và quản lý các đối tượng sở hữu công nghiệp do cơ quan mình quản lý.

Nghị định số 65/2023/NĐ-CP cũng quy định rõ về căn cứ, thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp. Cụ thể, quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng

ché, thiết kế bố trí, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý được xác lập trên cơ sở quyết định của cơ quan quản lý Nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp cấp văn bằng bảo hộ cho người nộp đơn đăng ký các đối tượng đó theo quy định tại Chương VII, Chương VIII và Chương IX của Luật Sở hữu trí tuệ và Phụ lục I của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

Quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu đăng ký quốc tế theo Thỏa ước Madrid và Nghị định thư Madrid được xác lập trên cơ sở chấp nhận bảo hộ của cơ quan quản lý Nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp đối với đăng ký quốc tế đó. Quyền sở hữu công nghiệp đối với kiểu dáng công nghiệp đăng ký quốc tế theo Thỏa ước La Hay được xác lập trên cơ sở chấp nhận bảo hộ của cơ quan quản lý Nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp đối với đăng ký quốc tế đó.

Quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu nổi tiếng được xác lập trên cơ sở thực tiễn sử dụng rộng rãi nhãn hiệu đó theo quy định tại Điều 75 của Luật Sở hữu trí tuệ mà không cần thực hiện thủ tục đăng ký. Khi sử dụng quyền và giải quyết tranh chấp quyền đối với nhãn hiệu nổi tiếng, chủ sở hữu nhãn hiệu đó phải chứng minh quyền của mình bằng các chứng cứ theo quy định. Quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại được xác lập trên cơ sở thực tiễn sử dụng hợp pháp tên thương mại đó tương ứng với khu vực (lãnh thổ) và lĩnh vực kinh doanh mà không cần thực hiện thủ tục đăng ký.

Quyền chống cạnh tranh không lành mạnh được xác lập trên cơ sở thực tiễn của hoạt động cạnh tranh mà không cần thực hiện thủ tục đăng ký tại cơ quan quản lý Nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp. Khi sử dụng quyền chống cạnh tranh không lành mạnh, chủ thể phải chứng minh quyền của mình bằng các

chứng cứ thể hiện đối tượng, lĩnh vực, lãnh thổ, thời gian kinh doanh liên quan đến hoạt động cạnh tranh.

Về quyền sở hữu công nghiệp theo điều ước quốc tế, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP quy định, trong trường hợp điều ước quốc tế liên quan đến sở hữu công nghiệp mà Việt Nam là thành viên có quy định về thừa nhận, bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của tổ chức, cá nhân của các thành viên theo quy định tại Điều 6 của Luật Sở hữu trí tuệ thì quyền sở hữu công nghiệp của tổ chức, cá nhân của các thành viên khác được thừa nhận, bảo hộ tại Việt Nam.

Quyền sở hữu công nghiệp được bảo hộ trong phạm vi, thời hạn phù hợp với quy định của điều ước quốc tế và không phải thực hiện thủ tục đăng ký theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. Bộ Khoa học và Công nghệ công bố mọi thông tin cần thiết liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp được thừa nhận, bảo hộ tại Việt Nam theo điều ước quốc tế.

Nghị định số 65/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 23/8/2023./.

Quyết định 1305/QĐ-TTg: Phê duyệt Chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động

Ngày 8/11/2023, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà ký Quyết định 1305/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động đến năm 2030.

Theo đó, đến năm 2030, năng suất lao động trở thành một động lực quan trọng cho tăng trưởng nhanh, bền vững, tận dụng hiệu quả các cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; trong đó, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thúc đẩy liên kết vùng; phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là các trụ cột chính.

7 mục tiêu cụ thể

(i). Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt trên 6,5%/năm, trong đó; tốc độ tăng năng suất lao động ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 6,5 - 7,0%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 7,0 - 7,5%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân khu vực dịch vụ đạt 7,0 - 7,5%/năm.

(ii). Tốc độ tăng năng suất lao động của các vùng kinh tế trọng điểm và 05 thành phố trực thuộc trung ương cao hơn tốc độ tăng năng suất lao động trung bình cả nước trong giai đoạn 2023 - 2030.

(iii). Phần đầu nằm trong nhóm 03 nước dẫn đầu ASEAN về tốc độ tăng năng suất lao động vào năm 2030.

(iv). Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo tăng trung bình 15%/năm đến năm 2025 và tăng trung bình 20%/năm đến năm 2030

(v). Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30% vào năm 2025 và 35 - 40% vào năm 2030.

(vi). Tỷ trọng lao động làm việc trong ngành nông nghiệp đạt dưới 30% vào năm 2020 và dưới 20% vào năm 2030.

(vii). Nâng cao tỷ trọng đóng góp của khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng, trong đó đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) đạt khoảng 45% GDP vào năm 2025 và đạt khoảng 50% GDP vào năm 2030.

6 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, Chương trình đã đưa ra 6 nhóm giải pháp cụ thể như sau:

(i). Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học công nghệ, tri thức, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao để tạo nền tảng ổn định, bền vững cho tăng năng suất lao động.

(ii). Hoàn thiện khung khổ pháp luật, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cả bên trong và bên ngoài nhằm cải thiện năng suất lao động.

(iii). Thúc đẩy mạnh mẽ các sáng kiến tăng năng suất lao động.

(iv). Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện chất lượng giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

(v). Phát triển mạnh mẽ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(vi). Thúc đẩy cơ cấu lại không gian kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành.

5 nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ

(i). Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới năng suất và đổi mới sáng tạo nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới sáng tạo.

(ii). Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch nâng cao năng suất tổng thể dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030; Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo và Đề án về giải pháp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao năng suất lao động.

(iii). Chủ trì nghiên cứu, xây dựng các chính sách thu hút nhân tài, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn trên thế giới để nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy liên kết, hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp.

(iv). Chủ trì nghiên cứu, xây dựng chính sách khuyến khích nghiên cứu, phát triển và áp dụng các công nghệ mới của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong quá trình sản xuất - kinh doanh ở Việt Nam.

(v). Chủ trì xây dựng và hoàn thiện chính sách xã hội hóa nguồn lực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoàn thiện chính sách thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển và hoàn thiện công nghệ./.

Bãi bỏ 5 Thông tư liên tịch hướng dẫn các Chương trình Khoa học và Công nghệ

Ngày 31/10/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 64/2023/TT-BTC bãi bỏ các Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2011 - 2020.

Theo Thông tư số 64/2023/TT-BTC, bãi bỏ toàn bộ 05 Thông tư liên tịch sau đây:

(i). Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

(ii).. Thông tư liên tịch số 219/2012/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

(iii). Thông tư liên tịch số 79/2014/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính

Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020;

(iv). Thông tư liên tịch số 59/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển thị trường Khoa học và Công nghệ đến năm 2020;

(v). Thông tư liên tịch số 207/2013/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính các Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011 - 2015.

Thông tư 64 có hiệu lực thi hành từ ngày 18/12/2023.

Đối với các nhiệm vụ thuộc các Chương trình Khoa học và Công nghệ quốc gia đến năm 2020 được Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định gia hạn thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030 thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ./.

**Thông tư số 16/2023/TT-BKHCN:
Hướng dẫn về vị trí việc làm công
chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa
học và công nghệ**

Ngày 09/8/2023, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 16/2023/TT-BKHCN hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Theo đó, Thông tư này hướng dẫn về danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ từ trung ương đến địa phương trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Nguyên tắc và căn cứ xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ như sau:

1. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ được xác định trên cơ sở nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

2. Căn cứ xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

Ngoài ra, danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ bao gồm:

1. Danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ gồm 10 nhóm với 31 vị trí việc làm theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ quan, tổ chức hành chính căn cứ Điều 3 Thông tư này; Danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này; Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ quy định tại Điều 5 Thông tư này và tình hình triển khai công việc được giao trên thực tế để lựa chọn và xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức mình, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ như sau:

1. Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ gồm: nhóm năng lực chung, nhóm năng lực chuyên môn và nhóm năng lực quản lý.

Khung cấp độ xác định yêu cầu về năng lực đối với vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trên cơ sở Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ quy định tại Phụ lục II; Khung cấp độ xác định yêu cầu về năng lực đối với vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, cơ quan, tổ chức hành chính xây dựng Bản mô tả công việc và khung năng lực cụ thể đối với từng vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ tại cơ quan, tổ chức mình, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật./.

**Thông tư số 17/2023/TT-BKHCN:
Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo,
quản lý và chức danh nghề nghiệp
chuyên ngành khoa học và công
nghệ, cơ cấu viên chức theo chức
danh nghề nghiệp trong tổ chức khoa
học và công nghệ công lập**

Ngày 09/8/2023, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 17/2023/TT-BKHCN hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học và công nghệ, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong tổ chức khoa

học và công nghệ công lập (Thông tư);

Theo đó, đối tượng áp dụng của Thông tư cụ thể như sau:

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được cấp có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật (trừ cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý của chính quyền đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ căn cứ quy định của Thông tư và các quy định pháp luật liên quan để áp dụng.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác liên quan.

Ngoài ra, Thông tư quy định nguyên tắc và căn cứ xác định vị trí việc làm trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cụ thể:

1. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm
a) Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 106/2020/NĐ-CP).

b) Mỗi vị trí việc làm phải có tên gọi cụ thể và gắn với chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

2. Căn cứ xác định vị trí việc làm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/9/2023./.

Tổng hợp, biên tập: Trần Thị Phượng

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

■ Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ - Phường Đông Lương - TP. Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị
 ■ ĐT: 0233. 2211643 ■ Website: <http://sanphamquangtri.com>

■ Sản phẩm chế biến từ thảo dược



■ Chế phẩm vi sinh

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ THƯƠNG MẠI KHÁC

Bio-QTMIC

CHẾ PHẨM VI SINH LÂM ĐỀM LỢI SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI

- ✓ Cải thiện tỷ lệ phân chuồng heo đực, heo đực trong chuồng nuôi
- ✓ Giảm phát thải khí trong quá trình nuôi, giảm cường độ ô nhiễm
- ✓ Giảm tỷ lệ mắc bệnh ô nhiễm
- ✓ Tăng chất lượng vật nuôi và chất lượng sản phẩm

1kg

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ THƯƠNG MẠI KHÁC

Compo-QTMIC

CHẾ PHẨM VI SINH XỬ LÝ CHẤT THẢI HỮU CƠ

- ✓ Xử lý chất thải hữu cơ làm phân bón
- ✓ Diệt nấm bệnh
- ✓ Khử mùi hôi thối
- ✓ Hạn chế ruồi muỗi

1kg

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ THƯƠNG MẠI KHÁC

Pro-QTMIC

THỨC ĂN BỔ SUNG VI KHUẨN CÓ LỢI CHO GIA SÚC, GIA CẦM

- ✓ Kích thích sự thèm ăn, ăn ngon của vật nuôi
- ✓ Tăng tỷ lệ và hiệu quả thức ăn, tránh lãng phí và dư thừa thức ăn thải ra ngoài
- ✓ Giảm bệnh gây ra bởi E.coli, Salmonella
- ✓ Tránh phụ thuộc và lạm dụng thuốc kháng sinh

1kg

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ THƯƠNG MẠI KHÁC

CHẾ PHẨM NẤM ĐỐI KHÁNG TRICHO-PSEU

ĐỪNG ĐỂ TỬ VÀ Ứ PHẢN CHƯỞNG

- Tác dụng chính: hỗ trợ và sản Phages, bacillus, sp. tr
- Phòng trị bệnh trong trại
- Ứ phản chướng, tiêu phụ phân nhầy nhớt

1kg

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ THƯƠNG MẠI KHÁC

NITRO - QTMIC

CHẾ PHẨM VI SINH XỬ LÝ ĐÁY, KHU MÙI HÔI, NO₂, AO NUÔI Tôm

- ✓ Phân hủy nhanh các chất hữu cơ từ thức ăn thừa, phân tôm, xác tôm.
- ✓ Giảm hàm lượng BOD, COD.
- ✓ Giảm phát sinh khí độc H₂S, NH₃, NO₂...

CHỈ DÙNG TRONG MŨI THƯƠNG THỦY SẢN

1kg

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ THƯƠNG MẠI KHÁC

PERFECT-QTMIC

CHẾ PHẨM VI SINH BỔ SUNG THỨC ĂN NUÔI Tôm

- ✓ Hỗ trợ tiêu hóa, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn.
- ✓ Giúp tôm khỏe, chống lùn, nở to đường ruột.
- ✓ Tăng cường sức đề kháng.

Tôm khỏe - Sạch bệnh - Tăng năng suất

1kg

■ Hoa, quả chất lượng cao



ĐỀ ÁN “ỨNG DỤNG CHẾ PHẨM VI SINH VẬT TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ”



ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị

Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ, P. Đông Lương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0982.664.179

Thông tin Đề án

Đề án “Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” (Đề án), được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2021

Mục tiêu

Đề án được phê duyệt nhằm mục tiêu hướng tới một nền sản xuất nông nghiệp sạch, cung cấp những sản phẩm chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên cơ sở ứng dụng những chế phẩm vi sinh nhằm tái sử dụng hiệu quả các loại phế thải nông nghiệp, góp phần bảo vệ môi trường, cải tạo đất, nâng cao năng suất, chất lượng và tăng khả năng cạnh tranh cho các sản phẩm chủ lực, tăng hiệu quả kinh tế cho sản xuất nông nghiệp, góp phần xây dựng Nông thôn mới.

Cụ thể, phát động phong trào sử dụng chế phẩm vi sinh trong sản xuất nông nghiệp trên toàn tỉnh nhằm cải tạo đất, thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực, xử lý ô nhiễm môi trường, góp phần tạo bước đột phá trong nông nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển thời kỳ mới.

Ứng dụng có hiệu quả các loại chế phẩm vi sinh trong trồng trọt, chăn nuôi lợn; nuôi trồng thủy sản nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân trong nền kinh tế hội nhập và cải thiện chất lượng môi trường

Kinh phí hỗ trợ

Năm 2021	70%
Năm 2022	70%
Năm 2023	70%
Năm 2024	50%
Năm 2025	50%

6 loại chế phẩm vi sinh sử dụng trong Đề án

